

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và trích dẫn nêu trong luận án là hoàn toàn trung thực. Kết quả nghiên cứu của luận án chưa từng được người khác công bố trong bất kì công trình nào.

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2017

Tác giả luận án

Đoàn Thị Hân

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện Luận án *“Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam”* tôi đã nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, một số cơ quan, các cán bộ, đồng nghiệp, bạn bè và sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình từ Trường Đại học Lâm Nghiệp.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn, TS. Lê Xuân Sang, những người hướng dẫn khoa học đã tận tình giúp đỡ và định hướng giúp tôi trưởng thành trong công tác nghiên cứu và hoàn thiện luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy cô giáo Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan ban ngành ở các tỉnh vùng TDMN phía Bắc, các đồng nghiệp từ Trường Đại học Lâm Nghiệp và bạn bè đã nhiệt tình giúp đỡ tôi thực hiện luận án.

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2017

Tác giả luận án

Đoàn Thị Hà

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài Luận án.....	3
2.1. Mục đích nghiên cứu.....	3
2.2 Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài Luận án.....	4
3. Kết cấu luận án	4
CHƯƠNG 1	5
TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN	5
1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố về huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới	5
1.1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu đã công bố ở ngoài nước có liên quan đến vấn đề huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển nông thôn.....	5
1.1.2 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố trong nước liên quan đến vấn đề huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM.....	7
1.1.3. Những vấn đề thuộc đề tài Luận án chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết.....	13
1.1.4 Những vấn đề trọng tâm Luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết.....	13
1.2 Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của Luận án.....	14
1.2.1 Mục tiêu nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu của đề tài Luận án	14
1.2.2 Đối tượng nghiên cứu và giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài Luận án.....	15
1.2.3 Cách tiếp cận và phương pháp thu thập, xử lý thông tin, tài liệu đề tài.....	15
1.2.4 Khung nghiên cứu của Luận án.....	21
CHƯƠNG 2	23
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	23
2.1 Nông thôn mới và Chương trình xây dựng nông thôn mới.....	23
2.1.1 Nông thôn và nông thôn mới.....	23
2.1.2 Xây dựng nông thôn mới và Chương trình xây dựng nông thôn mới	25
2.1.3. Nguồn lực tài chính và nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM...28	
2.2 Huy động các nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM.....	33
2.2.1. Chính sách huy động nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM.....	33

2.2.2 Nội dung và cơ chế huy động NLTC thực hiện Chương trình XDNTM.....	35
2.2.3. Chỉ tiêu đánh giá kết quả huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình Chương trình xây dựng nông thôn mới.....	37
2.2.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình Chương trình xây dựng nông thôn mới.....	38
2.3 Sử dụng các nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới.....	41
2.3.1 Nguyên tắc phân bổ, sử dụng NLTC thực hiện Chương trình XDNTM	41
2.3.2 Nội dung và cơ chế sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	42
2.3.3 Các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá kết quả sử dụng vốn cho thực hiện chương trình	45
2.3.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới sử dụng NLTC cho xây dựng nông thôn mới	46
2.4 Mối quan hệ giữa huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	48
2.5 Kinh nghiệm thực tiễn và bài học kinh nghiệm về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới.....	49
2.5.1 Kinh nghiệm thực tiễn về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới.....	49
2.5.2 Bài học kinh nghiệm cho vùng Trung du và miền núi phía Bắc.....	55
CHƯƠNG 3	57
THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC.....	57
3.1. Đặc điểm cơ bản các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.....	57
3.1.1 Các đặc điểm tự nhiên.....	57
3.1.2 Các đặc điểm kinh tế, xã hội	60
3.1.3 Những đặc thù vùng nông thôn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.....	64
3.1.4 Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, KTXH đến huy động và sử dụng NLTC thực hiện chương trình XDNTM vùng trung du và miền núi phía Bắc.....	65
3.2 Thực trạng triển khai Chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc	67
3.2.1 Công tác tổ chức triển khai thực hiện chương trình.....	67
3.2.2. Kết quả thực hiện chương trình XDNTM của vùng TDMN phía Bắc.....	67
3.3 Thực trạng huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc.....	76
3.3.1. Các văn bản pháp lý về huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc	76
3.3.2 Kế hoạch về huy động nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới của vùng trung du miền núi phía Bắc	79

3.3.3. Nội dung, hình thức và tổ chức huy động nguồn lực tài chính	80
3.3.4 Kết quả huy động NLTC cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía bắc...	83
3.3.5 Các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả huy động nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng Trung du và miền núi phía Bắc	95
3.4. Thực trạng sử dụng nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các tỉnh TDMN phía Bắc	109
3.4.1. Những quy định về sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh TDMN phía Bắc	109
3.4.2. Thực trạng sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới ...	113
3.4.3 Kết quả sử dụng nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc	120
3.4.4 Các nhân tố ảnh hưởng tới sử dụng NLTC cho xây dựng nông thôn mới.....	127
3.5. Đánh giá chung về kết quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc	130
3.5.1 Những thành công về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc	130
3.5.2 Những tồn tại, hạn chế về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc	132
3.5.3 Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế	134
CHƯƠNG 4.....	136
PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM	136
4.1. Phương hướng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc	136
4.2 Giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc.....	138
4.2.1. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc	138
4.2.2 Các giải pháp sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới	143
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	148
1. Kết luận	148
2. Kiến nghị phương hướng nghiên cứu tiếp theo.....	150
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT

Từ viết tắt	Cụm từ tiếng Việt
CNH	Công nghiệp hóa
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
GTĐB	Giao thông đường bộ
GTVT	Giao thông vận tải
HĐH	Hiện đại hóa
HĐND	Hội đồng nhân dân
KTXH	Kinh tế xã hội
KCHT	Kết cấu hạ tầng
MTQG	Mục tiêu quốc gia
NHTM	Ngân hàng thương mại
NLTC	Nguồn lực tài chính
NLTS	Nông lâm thủy sản
NQ	Nghị quyết
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NSTW	Ngân sách trung ương
NSX	Ngân sách xã
PTNT	Phát triển nông thôn
TDMN	Trung du miền núi
TPCP	Trái phiếu Chính phủ
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản
XDNTM	Xây dựng Nông thôn mới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Danh sách các xã chọn điều tra, khảo sát	18
Bảng 2.1. Hỗ trợ của Chính phủ cho các làng tham gia phong trào làng mới.....	50
Bảng 2.2. Mức đầu tư bình quân cho 1 làng trong phong trào làng mới	50
Bảng 3.1. Diện tích và dân số vùng TDMN phía Bắc.....	57
Bảng 3.2 Tình hình thu – chi NSDP vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011 – 2015 ...	63
Bảng 3.3. Thực trạng mức đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới của vùng khi bắt đầu triển khai Chương trình XDNTM (năm 2011).....	69
Bảng 3.4: Phân loại xã theo kết quả số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc	70
Bảng 3.5. Kết quả thực hiện chương trình XDNTM các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2011-2015	71
Bảng 3.6. Một số kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc.....	74
Bảng 3.7. Đánh giá của người dân về kết quả chương trình.....	74
xây dựng nông thôn mới tại các điểm nghiên cứu	74
Bảng 3.8. Mục tiêu xây dựng số xã đạt chuẩn nông thôn mới các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2020.....	75
Bảng 3.9. Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc đến 31/12/2015	84
Bảng 3.10. Tình hình huy động vốn từ nguồn NSNN cho XDNTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc giai đoạn 2011-2015.	86
Bảng 3.11. Tình hình huy động vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2011-2015.....	88
Bảng 3.12 Mức đóng góp bình quân đầu người cho thực hiện XDNTM vùng TDMN phía Bắc đến năm 2015	90
Bảng 3.13. Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới.....	91
bình quân cho 1 xã giai đoạn 2011-2015	91
Bảng 3.14 Kết quả khảo sát về mức đóng góp của người dân	92
Bảng 3.15. Kết quả thực hiện kế hoạch huy động NLTC.....	94
tại các tỉnh nghiên cứu (tính đến hết năm 2015)	94
Bảng 3.16. Đánh giá của người được hỏi về nguồn NSNN	96
Bảng 3.17. Kết quả công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới.....	97
Bảng 3.18. Đánh giá của người được phỏng vấn về các biện pháp để huy động NLTC từ cộng đồng cho xây dựng nông thôn mới.....	99
Bảng 3.19. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp vào vùng TDMN phía Bắc	100

Bảng 3.20. Thống kê mô tả các biến thang đo thái độ về các nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia, đóng góp của cộng đồng vào chương trình	103
Bảng 3.21: Các biến đặc trưng và chất lượng thang đo	104
Bảng 3.22. Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett	104
Bảng 3.23. Mức độ giải thích của các biến quan sát	105
Bảng 3.24. Ma trận nhân tố xoay	106
Bảng 3.25. Kiểm định hệ số hồi quy (Model Summary).....	107
Bảng 3.26. Hệ số hồi quy (Coefficients).....	108
Bảng 3.27. Vị trí quan trọng của các yếu tố.....	109
Bảng 3.28: Tình hình sử dụng nguồn vốn NSNN cho xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc	114
Bảng 3.29. Tổng hợp vốn NSNN bình quân cho 1 tiêu chí đạt chuẩn NTM	115
Bảng 3.30: Kết quả phỏng vấn đánh giá về quản lý sử dụng vốn NSNN cho xây dựng nông thôn mới.....	117
Bảng 3.31: Tình hình sử dụng nguồn vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc	118
Bảng 3.32: Mức sử dụng vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc	119
Bảng 3.33: Kết quả phỏng vấn đánh giá về quản lý sử dụng vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc.....	120
Bảng 3.34: Kết quả tổng hợp về sử dụng nguồn lực tài chính trong xây dựng nông thôn mới.....	121
Bảng 3.35. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản bình quân.....	123
Bảng 3.36. Tình hình nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng theo cơ cấu	124
Bảng 3.37. Tổng hợp ý kiến của người dân về sử dụng NLTC trong xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc	126
Bảng 3.38. Kết quả khảo sát về vướng mắc trong sử dụng vốn từ NSNN	128

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH

Sơ đồ 1.1. Khung nghiên cứu tổng quát về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc	22
Sơ đồ 2.1. Mối quan hệ của các đối tượng quản lý và tham gia đóng góp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới	28
Hình 3.1. Bản đồ vùng TDMN phía Bắc	58
Hình 3.2. Biến động tỷ lệ xã theo số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới	70
Hình 3.3. Tỷ lệ đầu tư từ NSTW cho XDNTM các vùng kinh tế giai đoạn 2011-2015	85

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội (KTXH), mọi quốc gia đều có nhu cầu lớn về nguồn lực. Các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội bao gồm nguồn nhân lực, vật lực và nguồn lực tài chính, trong đó nguồn lực tài chính là yếu tố gắn kết và phát huy hiệu quả của các nguồn lực khác và có vai trò quyết định đối với sự phát triển toàn diện kinh tế xã hội.

Trong quá trình phát triển, mọi quốc gia đều phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt các nguồn lực cho các mục tiêu phát triển của mình, vấn đề này càng trở nên gay gắt hơn tại các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, việc huy động đầy đủ, kịp thời và quản lý sử dụng nguồn lực tài chính một cách hiệu quả là yêu cầu tất yếu và cấp thiết.

Ở nước ta, phát triển nông thôn được coi là một định hướng chiến lược quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và phát triển toàn diện kinh tế xã hội. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 08 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ ra những quan điểm cơ bản về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn và đặt ra mục tiêu phát triển nông thôn để đến năm 2020: “Giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao thu nhập của người dân nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay. Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn”.

Để triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã ban hành quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 về Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 với mục tiêu xây dựng và phát triển nông thôn theo mô hình mới nhằm thay đổi diện mạo của khu vực nông thôn, nâng cao đời sống mọi mặt của người nông dân. Chương trình mục tiêu quốc gia về XD NTM đã được tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn quốc và thu hút được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, từ trung ương đến các địa phương, đặc biệt là

đã tạo được sự quan tâm, thu hút được tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân và đã có tác động sâu sắc đến đời sống, kinh tế, xã hội của các vùng nông thôn nước ta.

Theo báo cáo Tổng kết thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011- 2015 của Văn phòng điều phối Chương trình MTQG về XDNTM, sau gần 5 năm thực hiện cả nước đã huy động được 851.380 tỷ đồng cho chương trình XD NTM, trong đó huy động trực tiếp từ ngân sách Nhà nước 266.785 tỷ đồng (chiếm 31,34%), huy động từ nguồn tín dụng 434.950 tỷ đồng (51%), từ các doanh nghiệp 42.198 tỷ đồng (4,9%), và từ người dân và cộng đồng 107.447 tỷ đồng (12,62%). Tính đến hết tháng 11/2015, trên cả nước mới có 1.298 xã (chiếm 14,5% tổng số xã trên toàn quốc) hoàn thành chương trình và đạt chuẩn nông thôn mới [57]. Với mục tiêu đặt ra là đến năm 2020, cả nước có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới là một thách thức lớn mà chủ yếu là thách thức về nguồn lực tài chính, do XDNTM đòi hỏi đầu tư tài chính rất lớn trong khi ngân sách nhà nước ngày càng hạn hẹp.

Quá trình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính (NLTC) cho Chương trình XDNTM cả nước trong thời gian qua còn có những bất cập: NSNN cấp cho địa phương còn hạn chế và chưa đảm bảo theo kế hoạch đặt ra, các địa phương còn nặng về tư tưởng trông chờ vào nguồn NSNN, việc huy động nguồn lực từ các nguồn ngoài NSNN hạn chế, nguồn tín dụng còn khó tiếp cận. Chính vì những bất cập này mà tiến độ kế hoạch XD NTM không đảm bảo, đa số các tỉnh đều phát sinh tiền nợ đọng về xây dựng cơ bản trong XD NTM (53 tỉnh có nợ đọng với số tiền 15.277 tỷ đồng [3]).

Cùng với các địa phương khác trong cả nước, thời gian qua các tỉnh vùng Trung du miền núi (TDMN) phía Bắc đã triển khai thực hiện Chương trình XDNTM và đã đạt được những thành công bước đầu đáng ghi nhận. Tuy nhiên đây là vùng núi, địa hình bị chia cắt phức tạp, nền kinh tế còn chậm phát triển, chủ yếu vẫn là nông lâm nghiệp, thu nhập của nhân dân thấp, tỷ lệ hộ nghèo khá cao... do vậy việc triển

khai thực hiện chương trình XD NTM gặp rất nhiều khó khăn, trong đó khó khăn về huy động, đảm bảo nguồn lực tài chính là khó khăn lớn nhất.

Các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc đã thực hiện kế hoạch huy động NLTC với nhiều hình thức khác nhau và đã xây dựng kế hoạch quản lý sử dụng cụ thể các NLTC huy động được cho chương trình XD NTM, đã huy động được một khối lượng lớn NLTC và sử dụng cho việc thực hiện các kế hoạch của cho chương trình XD NTM. Trong giai đoạn 2011- 2015 các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc đã huy động được 161.137 tỷ đồng cho chương trình XD NTM, trong đó huy động trực tiếp từ ngân sách Nhà nước 61.834,7 tỷ đồng (chiếm 38,37%), huy động từ nguồn tín dụng 65.165 tỷ đồng 40,44%), từ các doanh nghiệp 13.476 tỷ đồng (8,36%), từ cộng đồng 18.179 tỷ đồng (11,28%) và từ nguồn khác 2.481 tỷ đồng (1,54%). Đến cuối năm 2015 cả vùng mới có 8,1% số xã đạt chuẩn NTM, thấp hơn nhiều so với trung bình của cả nước [55]. Tuy nhiên, trong quá trình huy động, số lượng huy động được còn hạn chế, thiếu NLTC để thực hiện và hiệu quả sử dụng các NLTC chưa cao vẫn là vấn đề phổ biến tại các tỉnh trong vùng.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, theo kế hoạch đặt ra, toàn vùng cần huy động thêm 182.334 tỷ đồng từ các nguồn khác nhau để thực hiện chương trình XD NTM [54]. Đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, khó khăn đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp, đồng bộ, có cơ sở khoa học và thực tiễn nghiên cứu đồng bộ để tăng cường huy động và nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng các NLTC trong vùng.

Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề ***“Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam”*** là thực sự có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài Luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Góp phần tổng kết thực tiễn, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc bổ sung, điều chỉnh vấn đề huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2.2 Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài Luận án

Nghiên cứu đề tài Luận án có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung, cụ thể:

- *Về mặt lý luận*: Góp phần xây dựng khung lý thuyết và phương pháp phân tích, đánh giá việc huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- *Về mặt thực tiễn*: Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM ở các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

3. Kết cấu luận án

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, kết cấu Luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các nghiên cứu về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới và hướng nghiên cứu.

Chương 2. Cơ sở lý luận về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới.

Chương 3. Thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng Trung du miền núi phía Bắc.

Chương 4. Phương hướng, giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng Trung du miền núi phía Bắc.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố về huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

1.1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu đã công bố ở ngoài nước có liên quan đến vấn đề huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính cho phát triển nông thôn

Phát triển nông thôn là một trong những nhiệm vụ cơ bản trong chiến lược quá trình phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Để giải quyết nhiệm vụ này, cần đầu tư một khối lượng lớn các nguồn lực, trong đó có nguồn lực tài chính.

Trong thực tiễn, đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố về vấn đề huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho phát triển nông thôn.

Phạm Anh – Văn Lợi (2011) trong bài “*Xây dựng nông thôn mới: Bài học và kinh nghiệm từ Trung Quốc*” đã đi đến nhận định các nguồn lực thực hiện chương trình phát triển nông thôn tập trung từ nguồn NSTW và ngân sách địa phương, một phần là huy động từ dân và các nguồn lực xã hội khác. NSNN chủ yếu dùng làm đường, công trình thủy lợi..., một phần dùng để xây nhà ở cho dân. Tuy nhiên, trong bài chưa đề cập chi tiết đến từng nguồn cụ thể đã đóng góp như thế nào cho quá trình xây dựng nông thôn mới ở các địa phương [1].

Nguyễn Thành Lợi (2012) trong bài: “*Xây dựng nông thôn mới của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam*” cho rằng Nhật Bản đã rất sáng tạo trong quá trình phát triển nông thôn khi xác định nhiệm vụ trọng tâm theo từng giai đoạn: Trong giai đoạn đầu Nhà nước tăng cường nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường các khoản cho vay từ các quỹ tín dụng nông nghiệp của Chính phủ và các phương thức hỗ trợ đặc biệt; Sang giai đoạn hai, chính sách tập trung vào đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống của người dân, thu hẹp khoảng cách thành thị và nông thôn; Giai đoạn 3 hướng tới việc lựa chọn ra những sản

phẩm độc đáo, mang đậm nét đặc trưng của địa phương để phát triển. Yếu tố thành công chủ yếu của phong trào là nhận biết những nguồn lực chưa được sử dụng tại địa phương trước khi vận dụng nguồn lực một cách sáng tạo để cung cấp trên thị trường [24].

Dakley và cộng sự (1991) trong nghiên cứu: *“Dự án phát triển con người: Nghiên cứu thực tiễn trong phát triển nông thôn”* cho rằng: phát triển nông thôn phải theo hướng bền vững, phải kết hợp hài hoà trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên với nguồn lực con người, phải tạo được cơ chế để người nông dân tham gia vào thực thi, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án về xây dựng và phát triển nông thôn [60].

Frans Ellits (1994) trong nghiên cứu : *“Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển”* đã cho rằng đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển vùng nông thôn, là động lực để huy động sự tham gia đóng góp và thúc đẩy ý chí phát triển kinh tế của mỗi gia đình, tạo động lực phát triển vùng nông thôn. Để sự hỗ trợ của Nhà nước đạt hiệu quả thì cần phải có một quy trình cấp vốn hợp lý và cần được quản lý chặt chẽ [61].

Hanho Kim, Yong-Kee Lee (2004) trong bài: *“Cải cách chính sách nông nghiệp và điều chỉnh cấu trúc”* khi phân tích chính sách nông nghiệp qua các thời kỳ ở Hàn Quốc và Nhật Bản đã cho rằng cả hai nước này đều đã trải qua thời kỳ dài bảo hộ nông nghiệp và an ninh lương thực được đề cao, sau đó là chuyển đổi mạnh mẽ hướng tới thị trường nhằm tăng năng suất lao động và tính cạnh tranh của nông nghiệp trong nước, đồng thời phát triển khu vực nông thôn không còn chênh lệch quá xa so với thành thị. Trong cả hai thời kỳ này, vấn đề đầu tư các nguồn lực và tạo cơ chế quản lý các nguồn lực có ý nghĩa hết sức quan trọng để tạo động lực cho sự phát triển của khu vực nông thôn [62].

Thomas Dufhues và Halle (2007) trong nghiên cứu *“Đánh giá tài chính nông thôn: Thị trường tài chính nông thôn ở miền Bắc Việt Nam”* (Accessing rural finance: The rural financial market in Northern Vietnam) đã nghiên cứu sự biến

đổi của hệ thống thị trường tài chính ở Việt Nam và sự liên quan của hệ thống này tới thị trường tài chính ở vùng nông thôn miền Bắc Việt Nam, nhóm tác giả cũng thông tin và chỉ rõ các chính sách của ngân hàng với những người nghèo, đồng thời đề cập đến việc tiếp cận của các hộ gia đình nông thôn đối với tín dụng ở miền Bắc Việt Nam. [63]

Yunus (2005) trong nghiên cứu “ *Mở rộng tài chính vi mô để đạt mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*” đã đưa ra nhận định rằng đầu tư tài chính cho nông thôn có vai trò đặc biệt quan trọng để phát triển nông thôn và trực tiếp tạo ra những kết quả tích cực trong quá trình giảm đói nghèo cho người dân nông thôn [64].

Ngân hàng thế giới (1998) trong nghiên cứu: “*Nông nghiệp và môi trường, nhận thức về Phát triển nông thôn bền vững*” đã khuyến cáo với các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển rằng: Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn, phải đặc biệt coi trọng việc gắn kết hài hoà giữa phát triển sản xuất với gìn giữ và bảo vệ môi trường, nhất là môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí và môi trường rừng. Các quốc gia chỉ có thể đạt được sự thành công trong phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn khi đi theo hướng phát triển bền vững [65].

Những công trình trên đây đã cung cấp những luận cứ, luận chứng, những dữ liệu rất quan trọng cho việc xây dựng chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết vấn đề nông dân trong thời kỳ mới ở nước ta.

1.1.2 Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố trong nước liên quan đến vấn đề huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Nguyễn Sinh Cúc (2013), trong bài : “*Nhìn lại Chương trình xây dựng nông thôn mới sau 2 năm thí điểm*” đã cho rằng chương trình XDNTM đã huy động được nguồn lực tài chính nhiều hơn cho xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Tuy nhiên, các những bất cập cũng có rất nhiều như: chương trình này đòi hỏi nguồn vốn rất lớn nhưng

nguồn lực từ Nhà nước và cộng đồng có hạn, có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước nên tiến độ triển khai các dự án rất chậm [11].

Nguyễn Tiến Định (2010), trong đề tài *“Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất cơ chế chính sách huy động nội lực từ người dân vùng núi phía Bắc tham gia xây dựng nông thôn mới”* tác giả đã nêu các lĩnh vực người dân tham gia và các yếu tố xác định mức độ tham gia được áp dụng bao gồm: Được tham gia vào các cuộc họp dự án (nhưng không được ra quyết định), được tham gia vào quá trình ra quyết định, tham gia thi công thực hiện (tham gia bằng ngày công lao động trực tiếp hoặc gián tiếp), được tham gia vào giám sát dự án, được tham gia quản lý bảo dưỡng công trình. Tác giả cho rằng sự tham gia của người dân có tác động đến chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lực xây dựng công trình hạ tầng trên các khía cạnh: giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình, giảm chi phí đầu tư ngân sách, góp phần đảm bảo chất lượng công trình và phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân [12].

Nguyễn Hoàng Hà (2014), trong đề tài nghiên cứu khoa học *“Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp huy động vốn đầu tư cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn đến năm 2020”* đã cho rằng những nguyên nhân chính làm hạn chế kết quả huy động vốn của Chương trình giai đoạn 2011-2013 là khả năng của ngân sách trung ương; tư tưởng trông chờ vào nguồn đầu tư từ trung ương của các địa phương; khả năng hạn chế của ngân sách địa phương.... Tác giả cũng đề xuất nhiều giải pháp, trong đó có giải pháp cụ thể hoàn thiện chính sách huy động vốn đối với các nguồn trong thời gian tới [13].

Đoàn Thị Hân (2012), cho rằng các xã có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội thì việc huy động sự đóng góp của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn đạt kết quả khá tốt; ngược lại, ở những xã nghèo thì vấn đề huy động sự đóng góp các nguồn lực cho XD NTM là hết sức khó khăn, vấn đề đầu tư cho chương trình XD NTM chủ yếu phải trông chờ vào nguồn đầu tư từ ngân sách [15].

Hoàng Văn Hoan (2014), trong công trình nghiên cứu *“Xây dựng mô hình nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc nước ta hiện nay”* đã cho

rằng để tăng cường huy động vốn cho phát triển nông thôn vùng Tây Bắc, cần những giải pháp cơ bản như: (i) quy hoạch lại dân cư để tránh đầu tư tốn kém ở các vùng dân cư thưa thớt, (ii) thực hiện lồng ghép các chương trình nhằm tăng thêm nguồn lực; (iii) huy động vốn phải đi kèm với phân bổ hợp lý, (iv) Nhà nước cần quy định các doanh nghiệp phải trích một tỷ lệ nhất định lợi nhuận cho XDNTM, (v) tăng cường tuyên truyền vận động đóng góp của các hộ dân [17].

Trương Thị Bích Huệ (2015) trong công trình nghiên cứu: *“Quản lý nguồn vốn cho công tác xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hà Tĩnh”*, đưa ra nhận định: để thực hiện Chương trình XDNTM đòi hỏi nguồn vốn rất lớn, nhất là đầu tư nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn. Tác giả cho rằng để quản lý tốt nguồn vốn XDNTM cần thực hiện tốt các khâu từ lập kế hoạch, phân bổ vốn, thanh, quyết toán, công tác kiểm tra giám sát và báo cáo. Bên cạnh đó việc ban hành các chính sách, văn bản hướng dẫn kịp thời; sự vào cuộc đồng bộ, kiểm tra, giám sát của các cấp các ngành cũng hết sức quan trọng [18].

Vương Đình Huệ (2012), trong bài: *“Định hướng, giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn”*, đã cho rằng để phát triển nông thôn trong tình hình mới, cần thực hiện tốt những giải pháp: tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tăng cường NSNN đầu tư cho tam nông; tập trung nguồn vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) cho các dự án phát triển giao thông nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hoàn thành cơ bản hệ thống thủy lợi; tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn thông qua chương trình mục tiêu [19].

Nguyễn Quế Hương (2013), Công trình nghiên cứu: *“Một số giải pháp tăng cường thu hút sự tham gia, đóng góp của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đan Phượng - Thành phố Hà Nội”* cho rằng XDNTM là chương trình có cách tiếp cận và triển khai thực hiện khác với các chương trình phát triển nông thôn trước đây, đó là tiếp cận từ dưới lên, tiếp cận có sự

tham gia, lấy người dân làm trung tâm, người dân là chủ thể, do vậy vấn đề nâng cao vai trò của người dân, thu hút sự tham gia đóng góp của người dân vào chương trình này là vấn đề then chốt quyết định sự thành công của chương trình. Theo tác giả, sự sẵn lòng tham gia đóng góp của người dân chịu ảnh hưởng của hai nhóm nhân tố chính là: Mức độ người dân được tham gia ra quyết định và trực tiếp tham gia vào các hoạt động cụ thể của chương trình và Chất lượng của công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động nhân dân [21].

Nguyễn Thu Hương (2009) trong công trình nghiên cứu: *“Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ vùng nông thôn TDMN phía Bắc giai đoạn 2010 – 2020”* cho rằng nguồn vốn huy động để đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vùng nông thôn có từ 3 nguồn chính: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách TW, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương và sự đóng góp của nhân dân, các tổ chức, cá nhân. Việc huy động đóng góp của người dân có thể thực hiện bằng các biện pháp: huy động lao động nghĩa vụ để thực hiện các công trình công cộng như làm thủy lợi, làm giao thông, công trình phúc lợi, bệnh viện, trường học... có thể góp bằng ngày công hoặc tiền [22].

Nguyễn Thành Lợi (2012) trong bài: *“Xây dựng nông thôn mới của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam”* cho rằng Nhật Bản đã rất sáng tạo trong quá trình phát triển nông thôn khi xác định nhiệm vụ trọng tâm theo từng giai đoạn: Trong giai đoạn đầu Nhà nước tăng cường nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường các khoản cho vay từ các quỹ tín dụng nông nghiệp của Chính phủ và các phương thức hỗ trợ đặc biệt; Sang giai đoạn hai, chính sách tập trung vào đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống của người dân, thu hẹp khoảng cách thành thị và nông thôn; Giai đoạn 3 hướng tới việc lựa chọn ra những sản phẩm độc đáo, mang đậm nét đặc trưng của địa phương để phát triển. Yếu tố thành công chủ yếu của phong trào là nhận biết những nguồn lực chưa được sử dụng tại địa phương trước khi vận dụng nguồn lực một cách sáng tạo để cung cấp trên thị trường [24].

Nguyễn Ngọc Luân (2011), trong đề tài nghiên cứu khoa học “*Nghiên cứu kinh nghiệm huy động nguồn lực cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới nhằm đề xuất cơ chế chính sách áp dụng cho xây dựng nông thôn mới*”, đã khẳng định vai trò tham gia của cộng đồng trong XDNTM là đặc biệt quan trọng, có tính quyết định cho sự thành công của chương trình [25].

Chu Tiến Quang (2005) trong tài liệu: “*Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn: Thực trạng và giải pháp*”, cho rằng để đảm bảo tính hiệu quả của quá trình huy động và sử dụng các nguồn vốn cho phát triển nông thôn, cần có nhiều giải pháp như: (i) Nhà nước cần giữ vai trò chủ lực trong đầu tư hướng dẫn các nguồn vốn của khu vực tư nhân đầu tư về nông thôn; (ii) Tạo cơ chế mới hấp dẫn để huy động nhiều hơn các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các nguồn vốn của doanh nghiệp trong nước và vốn của dân cư đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn; (iii) Hợp lý hóa và giám sát chặt chẽ việc phân bổ sử dụng nguồn vốn tập trung do Nhà nước trực tiếp đầu tư; (iv) Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp cùng Nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn; (v) Phát triển nhanh thị trường vốn và thị trường tín dụng ở nông thôn [33].

Hoàng Vũ Quang (2014), trong đề tài nghiên cứu khoa học “*Nghiên cứu đóng góp của hộ nông thôn vào các hoạt động kinh tế xã hội địa phương*” đã cho thấy: thực tiễn tại các địa phương, việc huy động sự đóng góp của người dân cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương được thực hiện thông qua việc thu các quỹ gồm các quỹ bắt buộc theo quy định của Nhà nước và những quỹ tự nguyện. Sự đóng góp của người dân vào chương trình XD NTM được thực hiện qua việc thu quỹ xây dựng nông thôn mới [34].

Nguyễn Mậu Thái (2015) trong công trình: “*Nghiên cứu xây dựng nông thôn mới các huyện phía Tây thành phố Hà Nội*”, cho rằng ngoài sự hỗ trợ của NSNN, nguồn lực để XDNTM tại các xã trong vùng chủ yếu trông chờ vào nguồn lực đất đai, dựa vào các dự án đầu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất [37].

Nguyễn Quốc Thái (2012) trong đề tài: “*Tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam – một số vấn đề lý thuyết*” đã cho rằng cần phải tăng cường nguồn vốn tín dụng hỗ trợ cho chương trình XDNTM, các giải pháp đưa ra là: tăng cường khả năng cung ứng tín dụng, hoàn thiện cơ chế, quy trình và thủ tục trong tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra và tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới [38].

Vũ Nhữ Thăng (2015) trong đề tài nghiên cứu khoa học: “*Nghiên cứu đổi mới chính sách để huy động và quản lý các nguồn lực tài chính phục vụ xây dựng nông thôn mới*”, cho rằng cơ chế, chính sách có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả huy động và quản lý các nguồn lực tài chính phục vụ xây dựng nông thôn mới của cả nước. Tác giả cho rằng vấn đề mấu chốt để tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho XD NTM thì cần hoàn thiện các chính sách chính sách về huy động quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính [40].

Lê Sỹ Thọ (2016) trong công trình: “*Huy động và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội*”, đã làm rõ cơ sở khoa học về huy động và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới. Đồng thời, đánh giá đúng thực trạng những vấn đề đang đặt ra trong huy động và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới, góp phần thực hiện thành công chương trình XD NTM trên địa bàn Hà Nội. Nhưng luận án chỉ đề cập đến việc huy động và sử dụng vốn đầu tư cho riêng nội dung về xây dựng cơ sở hạ tầng trong quá trình thực hiện chương trình XD NTM. [41]

Đoàn Phạm Hà Trang (2011), trong bài “*Xây dựng nông thôn mới: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*” cho rằng ở nước ta trong giai đoạn đầu xây dựng nông thôn mới, vốn ngân sách đóng vai trò rất quan trọng, có ý nghĩa tạo đà và niềm tin để huy động các khoản đóng góp khác. Tuy nhiên, xuất phát điểm của mỗi xã sẽ rất khác nhau, cần phải tính toán kỹ để có chương trình huy động vốn phù hợp với điều kiện riêng của mỗi địa phương [53].

1.1.3. Những vấn đề thuộc đề tài Luận án chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết

Trong đề tài của luận án sẽ đề cập đến những vấn đề chưa được các công trình nghiên cứu đã công bố đề cập nghiên cứu giải quyết như sau:

- Trung du và miền núi phía Bắc là một vùng có những đặc điểm riêng về tự nhiên, kinh tế, xã hội, là vùng có điểm xuất phát ở nhóm thấp nhất cả nước khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình XDNTM. Trong thực tế, chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá kết quả huy động nguồn lực tài chính cho XDNTM trên địa bàn này, chưa nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng đến kết quả huy động nguồn lực tài chính cho XDNTM trên địa bàn này.

- Chưa có nghiên cứu nào đánh giá về tình hình quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính cho thực hiện các hoạt động của chương trình XDNTM trên địa bàn các tỉnh TDMN phía Bắc; Chưa có nghiên cứu nào về mối quan hệ giữa kết quả huy động, chất lượng quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính với kết quả thực hiện chương trình XD NTM trên địa bàn các tỉnh của vùng này.

1.1.4 Những vấn đề trọng tâm Luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết

Những vấn đề trọng tâm mà luận án tập trung nghiên cứu giải quyết là:

- Những ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc đến công tác huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình XD NTM của vùng.

- Thực trạng và kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực tài chính cho Chương trình XD NTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả huy động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính cho chương trình XDNTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc.

- Các giải pháp tăng cường huy động và nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện thành công chương trình XD NTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc.

1.2 Phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của Luận án

1.2.1 Mục tiêu nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu của đề tài Luận án

1.2.1.1. Mục tiêu tổng quát

Làm rõ cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất quan điểm, phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường huy động và nâng cao chất lượng quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho chương trình xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc.

1.2.1.2 Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới.
- Làm rõ thực trạng và kết quả huy động, sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh thuộc vùng TDMN phía Bắc.
- Chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện XD NTM trên địa bàn các tỉnh vùng TDMN phía Bắc.
- Đề xuất định hướng và giải pháp huy động hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính cho thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh vùng TDMN phía Bắc.

1.2.1.3. Các câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu, hoàn thành những nhiệm vụ và đem lại những ý nghĩa thiết thực, đề tài luận án sẽ trả lời các câu hỏi trọng tâm như sau:

- Nghiên cứu về huy động và sử dụng NLTC thực hiện chương trình XDNTM cần dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn như thế nào?
- Thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc hiện nay như thế nào?
- Có những yếu tố nào ảnh hưởng tới kết quả huy động và hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính cho XDNTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc?
- Cần có những giải pháp nào để huy động và sử dụng hợp lý nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc?

1.2.2 Đối tượng nghiên cứu và giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài Luận án

1.2.2.1 Đối tượng nghiên cứu của đề tài Luận án

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn về huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính và thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho Chương trình XD NTM tại các tỉnh vùng TDMN phía Bắc Việt Nam.

1.2.2.2 Giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài Luận án

- Phạm vi về nội dung:

Đề tài tập trung nghiên cứu vào các nội dung chính:

+ Vấn đề huy động nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp xã quản lý trong giai đoạn 2011-2015, bao gồm các nguồn từ Ngân sách nhà nước Trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn tín dụng cho XDNTM, các nguồn huy động từ cộng đồng... cho XDNTM.

+ Vấn đề sử dụng nguồn lực tài chính trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới do cấp xã tổ chức huy động và quản lý.

- Phạm vi về không gian:

Không gian nghiên cứu của Luận án là địa bàn gồm 14 tỉnh thuộc vùng Trung du, Miền núi phía Bắc, trong đó 3 tỉnh được chọn nghiên cứu điển hình là Sơn La, Lạng Sơn, Phú Thọ.

- Phạm vi về thời gian:

+ Các số liệu, tài liệu thứ cấp về quá trình và kết quả huy động, sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện XDNTM được tổng hợp và nghiên cứu trong giai đoạn 2011-2015.

+ Các số liệu sơ cấp được khảo sát, điều tra tại các điểm nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 6/2015 đến tháng 12/2016.

+ Các giải pháp về huy động và sử dụng NLTC thực hiện Chương trình XDNTM ở các tỉnh vùng TDMN phía Bắc được đề xuất đến năm 2020.

1.2.3 Cách tiếp cận và phương pháp thu thập, xử lý thông tin, tài liệu đề tài

1.2.3.1 Cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu của đề tài

Để giải quyết các mục tiêu và nội dung nghiên cứu đã đề ra, đề tài sử dụng các cách tiếp cận nghiên cứu cụ thể sau:

(1) Tiếp cận hệ thống

Vấn đề huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới phải được đặt ra trong một hệ thống thống nhất, bao gồm nhiều bộ phận cấu thành có mối liên hệ mật thiết với nhau, có ảnh hưởng tương hỗ lẫn nhau. Chủ thể của chương trình là người dân nhưng để thực hiện chương trình cần phải có sự hỗ trợ nguồn lực tài chính từ NSNN, từ các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng và các nguồn hỗ trợ khác ở mỗi địa phương. Để sử dụng nguồn huy động được cần phải lập kế hoạch chặt chẽ, việc lập kế hoạch sử dụng vốn phải có sự hỗ trợ chuyên môn của các cơ quan nhà nước từ trên xuống. Việc huy động và sử dụng nguồn lực để thực hiện chương trình phải có sự phối hợp chặt chẽ.

(2) Tiếp cận theo lãnh thổ

Xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng hợp phát triển kinh tế xã hội gắn liền với các đặc điểm riêng của từng vùng lãnh thổ. Các đặc điểm của vùng lãnh thổ có ảnh hưởng rất lớn đến cách làm và kết quả của chương trình này. Luận án sử dụng tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo lãnh thổ, lựa chọn các tỉnh mang tính đại diện của tiểu vùng Tây Bắc (Sơn La), Đông Bắc (Lạng Sơn), trung tâm (Phú Thọ) để nghiên cứu, đánh giá kinh nghiệm huy động và sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện các nội dung của chương trình xây dựng Nông thôn mới và đề xuất giải pháp cho huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình cả vùng. Cách tiếp cận này đảm bảo các kinh nghiệm được tổng kết và giải pháp được áp dụng phù hợp cho các tỉnh trong vùng.

(3) Tiếp cận theo nhóm đối tượng

Nguồn lực tài chính cho XDNTM được huy động từ nhiều nguồn, nhiều đối tượng khác nhau, mỗi đối tượng có đặc điểm riêng về tiềm lực, về cách thức tham gia, đóng góp... và đều có ảnh hưởng tới kết quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho XD NTM. Vì vậy, luận án sử dụng tiếp cận theo nhóm đối tượng để làm rõ các khía cạnh liên quan đến huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính cho chương trình XD NTM.

(4) Tiếp cận có sự tham gia

Đây là một phương pháp tiếp cận dựa vào sự tham gia của cộng đồng, nghĩa là sự phát triển nông thôn phải dựa trên lợi ích và sự tham gia của cộng đồng sống trong khu vực đó. Trong chương trình XD NTM, người dân biết rõ nhất những thuận lợi, khó khăn và nhu cầu của họ; người dân vừa là chủ thể vừa là người trực tiếp hưởng lợi từ kết quả thực hiện Chương trình này. Những đối tượng tổ chức thực hiện công tác huy động chủ yếu là chính quyền xã, bên cạnh đó có sự hỗ trợ, tham gia của các tổ chức đoàn thể địa phương. Đối tượng được huy động để đóng góp là từ NSNN, người dân và các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã,...), tổ chức tín dụng (ngân hàng, quỹ tín dụng,...) ở các địa phương.

(5) Tiếp cận thể chế

Luận án sử dụng tiếp cận thể chế để phân tích các cách thức, hình thức tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính trong XD NTM, xem xét các tác động, ảnh hưởng của yếu tố thể chế đối với kết quả huy động và quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính cho XD NTM của các địa phương.

(6) Tiếp cận chính sách

Luận án sử dụng tiếp cận chính sách để đưa các cơ chế, chính sách được ban hành, áp dụng tại địa phương khi phân tích thực trạng của vùng TDMN phía Bắc trong quá trình thực hiện huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính để thực hiện Chương trình XD NTM.

1.2.3.2. Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin, tài liệu

(1) Phương pháp chọn điểm nghiên cứu khảo sát thực tiễn

Trung du và miền núi phía Bắc bao gồm có 14 tỉnh, chia thành 3 tiểu vùng gồm:

- Tiểu vùng Tây Bắc, gồm các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình.
- Tiểu vùng Đông Bắc, gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Bắc Giang.

-Tiểu vùng trung tâm, gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái.

Khi triển khai nghiên cứu về chương trình XD NTM trong vùng TDMN phía Bắc, luận án lại tiếp tục phân chia các tỉnh thành 3 nhóm theo kết quả thực

hiện thể hiện ở số tiêu chí đạt chuẩn, gồm: nhóm tỉnh có tiến độ khá, tốt; nhóm tỉnh có tiến độ trung bình và nhóm tỉnh có tiến độ chậm.

Để khảo sát thực tiễn, luận án chọn 3 tỉnh nghiên cứu điển hình, đại diện cho 3 tiểu vùng và đại diện cho kết quả thực hiện xây dựng Nông thôn mới.

Các tỉnh được lựa chọn nghiên cứu điển hình bao gồm:

- Tỉnh Sơn La: đại diện cho tiểu vùng Tây Bắc, đồng thời đại diện cho nhóm tỉnh có tiến độ kết quả xây dựng Nông thôn mới thuộc loại chậm.

- Tỉnh Lạng Sơn: đại diện cho tiểu vùng Đông Bắc, đồng thời đại diện cho nhóm tỉnh có tiến độ kết quả xây dựng Nông thôn mới thuộc loại trung bình.

- Tỉnh Phú Thọ: đại diện tiểu vùng Trung tâm, đồng thời đại diện cho nhóm tỉnh có tiến độ kết quả xây dựng Nông thôn mới thuộc loại khá, tốt.

Trên địa bàn mỗi tỉnh nghiên cứu điển hình, luận án lại chọn 3 xã có tiến độ kết quả XD NTM thuộc các nhóm xã khá, tốt; trung bình; chậm).

Nhìn chung, các địa phương trong vùng TDMN phía Bắc về đặc điểm cơ bản có sự tương đồng về địa hình, về tốc độ phát triển kinh tế xã hội, về điều kiện tự nhiên, về những đặc trưng của văn hóa, về cơ cấu và mật độ dân số,...vì vậy, trong quá trình nghiên cứu khảo sát để thu thập thông tin liên quan đến huy động và sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện chương trình XDNTM tác giả lựa chọn 9 xã trên địa bàn của 3 tỉnh ở 3 tiểu vùng. Các xã được chọn để điều tra khảo sát tại 3 tỉnh được nêu trên bảng 1.1.

Bảng 1.1: Danh sách các xã chọn điều tra, khảo sát

TT	Tỉnh	Huyện	Xã	Thuộc nhóm
1	Sơn La	Mộc Châu	Chiềng Sơn	Khá, tốt
			Tân Lập	Trung bình
			Tân Hợp	Chậm
2	Phú Thọ	Phù Ninh	An Đạo	Khá, tốt
			Phú Lộc	Trung bình
			Bình Bộ	Chậm
3	Lạng Sơn	Chi Lăng	Chi Lăng	Khá, tốt
			Quang Lang	Trung bình
			Nhân Lý	Chậm

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra của tác giả

(2) Phương pháp thu thập thông tin tài liệu

** Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp*

Số liệu, tài liệu thứ cấp được thu thập và tổng hợp từ các tài liệu, báo cáo, công trình nghiên cứu đã công bố chính thức, bao gồm:

- Các niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê các tỉnh.
- Các Báo cáo hàng năm và báo cáo tổng kết giai đoạn 2011-2015 về kết quả thực hiện chương trình của Ban chỉ đạo quốc gia XD NTM và của các Ban chỉ đạo XD NTM các địa phương trong vùng nghiên cứu.
- Các kết quả nghiên cứu đã công bố về các vấn đề có liên quan.

** Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu sơ cấp:*

Các số liệu, tài liệu sơ cấp được thu thập chủ yếu qua điều tra, khảo sát qua các phiếu phỏng vấn và bảng hỏi chuẩn bị sẵn.

Các cá nhân điều tra được phỏng vấn là những cá nhân có liên quan đến quá trình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính để XD NTM tại các địa phương, cụ thể:

Tại mỗi xã nghiên cứu điển hình tiến hành phỏng vấn 30 đối tượng, gồm: 20 người dân được lựa chọn ngẫu nhiên, 5 người đại diện cho các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã (gồm: Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Mặt trận tổ quốc), 5 người trong nhóm cán bộ địa phương cấp xã, thôn (Chủ tịch UBND xã, Bí thư Đảng bộ xã, trưởng thôn/bản);

Trên địa bàn mỗi huyện nghiên cứu điển hình chọn phỏng vấn 25 người có tham gia và công tác chỉ đạo chương trình XD NTM ở cấp huyện (gồm 10 cán bộ có liên quan đến quản lý tài chính của chương trình: 3 cán bộ Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, 2 cán bộ thuộc Kho Bạc nhà nước huyện, 5 cán bộ thuộc phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng huyện... và 15 người đại diện các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng như ngân hàng, quỹ tín dụng đang hoạt động trên địa bàn huyện).

Tổng cộng có 345 cá nhân trên địa bàn 3 tỉnh được phỏng vấn trực tiếp qua phiếu phỏng vấn chuẩn bị sẵn.

Kết quả của toàn bộ cuộc khảo sát là cơ sở để khẳng định về các kết quả phân tích trong Luận án và minh chứng cho những nhận định của tác giả trong quá trình hoàn thiện Luận án.

(3) Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

** Phương pháp xử lý số liệu:*

Các số liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp tổng hợp, phân tổ thống kê, tính toán các chỉ tiêu và thông số thông qua sử dụng chương trình Excel trong Microsoft Office và phần mềm SPSS.22.

** Phương pháp phân tích số liệu:*

Để phân tích số liệu, tài liệu phục vụ cho các nội dung và mục tiêu nghiên cứu, Luận án đã sử dụng các phương pháp chủ yếu sau đây:

- Phương pháp thống kê mô tả:

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tính toán và phân tích thực trạng huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính ở các địa phương như: tính toán các trị số bình quân, các thông tin về tỷ trọng, xu hướng biến động, tốc độ phát triển... của các số liệu về quá trình và kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực tài chính cho XD NTM trên địa bàn nghiên cứu.

- Phương pháp so sánh:

Phương pháp so sánh được sử dụng để làm rõ các thông tin về thực trạng kết quả huy động và thực trạng quản lý sử dụng nguồn lực tài chính cho XD NTM tại địa bàn nghiên cứu. Các số liệu, thông tin được so sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch, giữa các thời điểm khác nhau, giữa các địa phương với nhau. Việc so sánh cũng được thực hiện khi xem xét ảnh hưởng của một số yếu tố ảnh hưởng tới kết quả huy động và quản lý sử dụng nguồn lực tài chính cho chương trình XD NTM trên địa bàn nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA:

Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA: Exploratory Factors Analysis) được sử dụng trong Luận án để xử lý, phân tích các ý kiến của người được phỏng vấn để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới mức sẵn lòng tham gia đóng góp của cộng đồng cho chương trình XDNTM.

Phương pháp EFA cho phép sắp xếp các biến có tương quan (là các khía cạnh có ảnh hưởng tới sự tham gia của người được hỏi) vào trong các nhân tố độc lập đại diện để xác định các nhân tố hình thành nên sự sẵn lòng tham gia đóng góp của cộng đồng địa phương cho chương trình xây dựng Nông thôn mới.

Để áp dụng phương pháp này, tác giả xây dựng bảng hỏi trên cơ sở sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ để ghi nhận ý kiến đánh giá của người được phỏng vấn về các nhân tố ảnh hưởng tới sự sẵn lòng tham gia đóng góp của họ cho chương trình XDNTM trên địa bàn nghiên cứu.

Các nhân tố đưa vào Bảng hỏi được nêu trong Phụ lục 01.

Trên cơ sở tổng hợp các phiếu khảo sát, số liệu sẽ được kiểm định qua một số bước như Kiểm định Cronbach Anpha..., sau đó tiến hành thiết lập tương quan tuyến tính nhiều lớp để xác lập tương quan giữa mức sẵn lòng tham gia, đóng góp của cộng đồng (biến phụ thuộc) với các yếu tố ảnh hưởng (các biến độc lập).

Tương quan tuyến tính biểu hiện mối quan hệ này có dạng:

$$Y = B + a_1X_1 + a_2X_2 + \dots + a_iX_i$$

Trong đó: - Y là mức sẵn lòng đóng góp của cộng đồng vào chương trình.

- X_i ($i=1 \div n$) là yếu tố ảnh hưởng thứ i

- a_i ($i = 1 \div n$) là hệ số ảnh hưởng của yếu tố X_i tới biến phụ thuộc Y

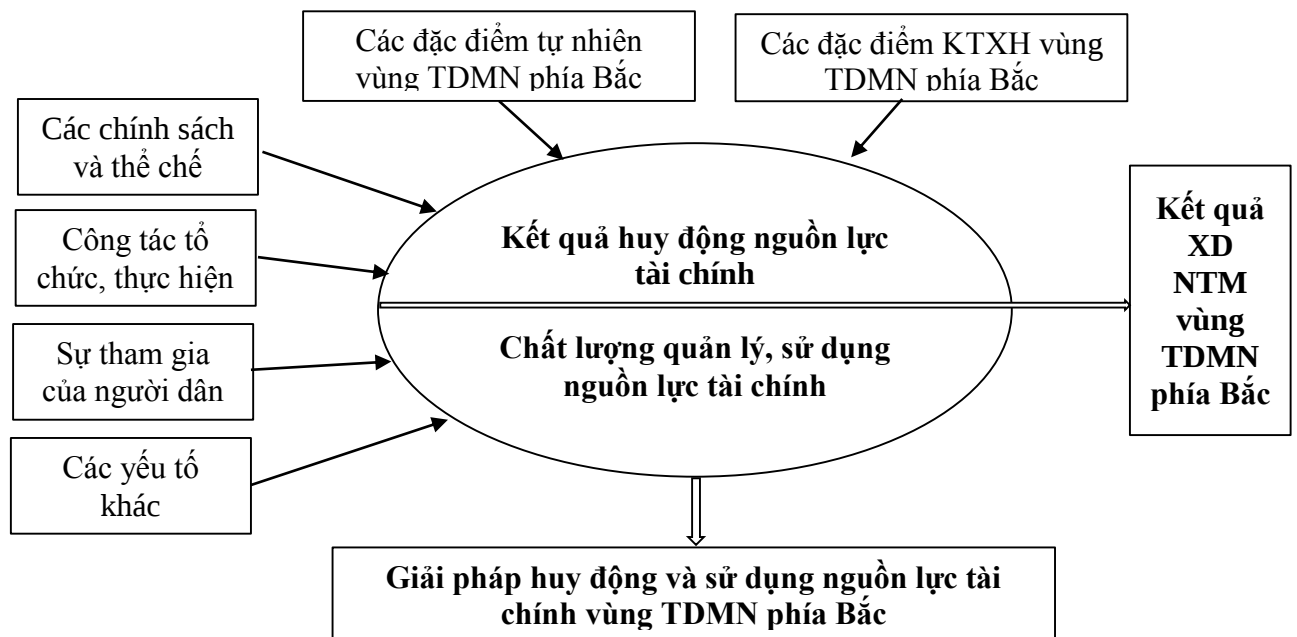
- B là hệ số tự do của tương quan.

- *Phương pháp phân tích chính sách:*

Sử dụng để xác định các chính sách đã ban hành và đang tổ chức thực hiện ở các địa phương có ảnh hưởng đến công tác huy động và sử dụng NLTC để thực hiện các nội dung của chương trình XD NTM ở các tỉnh trong vùng.

1.2.4 Khung nghiên cứu của Luận án

Trên cơ sở thực tiễn đã phân tích, với cách tiếp cận như đã nêu, tác giả xây dựng khung nghiên cứu qua sơ đồ 1.1.



Sơ đồ 1.1. Khung nghiên cứu tổng quát về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc

Nguồn: Tác giả

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1 Nông thôn mới và Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.1.1 *Nông thôn và nông thôn mới*

2.1.1.1 *Nông thôn và phát triển nông thôn*

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ phát triển kinh tế nước ta hiện nay, quá trình xây dựng nông thôn mới thì vấn đề tam nông luôn chiếm vị trí quan trọng, quyết định cho những chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế nông thôn trong thời kỳ CNH, HĐH [39].

Hiện nay, trên thế giới có nhiều quan điểm khác nhau về nông thôn. Có quan điểm cho rằng cần dựa vào chỉ tiêu trình độ phát triển của cơ sở hạ tầng, vùng nông thôn có cơ sở hạ tầng không phát triển bằng vùng đô thị. Quan điểm khác cho rằng nên dựa vào chỉ tiêu trình độ tiếp cận thị trường, phát triển hàng hóa để xác định vùng nông thôn vì cho rằng nông thôn có trình độ sản xuất hàng hóa và khả năng tiếp cận thị trường so với đô thị là thấp hơn. Cũng có ý kiến cho rằng nên dùng chỉ tiêu mật độ dân cư và số lượng dân trong vùng để xác định vì vùng nông thôn thường có số dân và mật độ dân thấp hơn vùng thành thị. Một quan điểm khác nêu ra, nông thôn là vùng có dân cư làm nông nghiệp là chủ yếu, tức là nguồn sinh kế chính của cư dân trong vùng là từ sản xuất nông nghiệp [10].

Nông thôn là nơi ở, nơi cư trú của mọi tầng lớp nhân dân, trong đó chủ yếu là nông dân. Nông thôn là nơi nền sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Hay, nói cách khác, nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các cấp tỉnh, thị xã, thị trấn và được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là UBND xã [35].

Nông thôn là vùng sinh sống của tập hợp cư dân, trong đó có nhiều nông dân với sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Sự khác biệt về công tác quản lý giữa nông

thôn và thành thị trên thực tế, nông thôn với cấp quản lý xã, thôn, bản; còn thành thị với cấp quản lý phường, thị trấn [37].

Theo Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ NN&PTNT, thì: "Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là UBND xã" [4].

Vậy, nông thôn là địa bàn sinh sống chủ yếu của người nông dân gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp là chính và được quản lý bởi chính quyền cấp xã.

Phát triển nông thôn là sự phát triển ở khu vực nông thôn, nhằm nâng cao vị thế KTXH cho người dân nông thôn thông qua việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của địa phương bao gồm nhân lực, vật lực và tài lực.

Cho đến hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm này:

Theo Ngân hàng thế giới (WB) thì: "Phát triển nông thôn là một chiến lược nhằm cải thiện các điều kiện sống kinh tế và xã hội của một nhóm người cụ thể - người nghèo ở vùng nông thôn. Nó giúp những người nghèo nhất trong những người dân sống ở các vùng nông thôn được hưởng lợi ích từ sự phát triển" [63]

Theo Mai Thanh Cúc và cộng sự thì phát triển nông thôn là một quá trình cải thiện có chủ ý một cách bền vững về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Quá trình này, trước hết là do chính người dân nông thôn và có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước và các tổ chức khác [10].

Theo Nguyễn Quế Hương (2013) thì Phát triển nông thôn là một quá trình cải thiện có chủ ý một cách bền vững về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn và có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước và các tổ chức khác [21]. Quan niệm này khá phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay.

2.1.1.2 Nông thôn mới

Nông thôn mới là khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng KTXH từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi

trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; theo định hướng XHCN [31].

Nông thôn mới là tổng thể những đặc điểm, cấu trúc tạo thành một kiểu tổ chức nông thôn theo tiêu chí mới, đáp ứng yêu cầu đặt ra cho nông thôn trong điều kiện hiện nay, là kiểu nông thôn được xây dựng tiên tiến về mọi mặt so với mô hình nông thôn cũ. [21]

Xã nông thôn mới là xã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên các lĩnh vực là Quy hoạch, hạ tầng kinh tế xã hội, kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường, hệ thống chính trị được quy định tại các văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Huyện nông thôn mới là huyện có tỷ lệ số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới và có các tiêu chí về quy hoạch, giao thông, thủy lợi, điện, y tế-văn hóa-giáo dục, sản xuất, môi trường, an ninh- trật tự xã hội và chỉ đạo xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn theo quy định tại các văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.[43]

2.1.2 Xây dựng nông thôn mới và Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.1.2.1 Xây dựng nông thôn mới

Xây dựng Nông thôn mới là quá trình xây dựng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân nông thôn, phát triển hài hòa, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị với nông thôn. Quá trình xây dựng với vai trò chủ thể là người dân nông thôn và có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước và các tổ chức khác [34].

Xây dựng nông thôn mới là một chính sách về một mô hình phát triển cả về nông nghiệp và nông thôn, nên vừa mang tính tổng hợp, bao quát nhiều lĩnh vực, vừa đi sâu giải quyết nhiều vấn đề cụ thể, đồng thời giải quyết các mối quan hệ với các chính sách khác, các lĩnh vực khác trong sự tính toán, cân đối mang tính tổng thể, khắc phục tình trạng rời rạc hoặc duy ý chí [35].

Xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng và cuộc vận động lớn để cộng đồng dân cư ở nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã, gia đình của mình khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ);

có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Xây dựng nông thôn mới giúp cho nông dân có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Quá trình xây dựng nông thôn mới có những đặc trưng cơ bản như sau:

- Nội dung XDNTM hướng tới thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia được qui định tại văn bản pháp quy do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Xây dựng nông thôn mới theo phương châm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, xã đặt ra các chính sách, cơ chế hỗ trợ và hướng dẫn. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

- Được thực hiện trên cơ sở kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai ở nông thôn, có bổ sung dự án hỗ trợ đối với các lĩnh vực cần thiết; có cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế; huy động đóng góp của các tầng lớp dân cư.

- Được thực hiện gắn với các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của mỗi địa phương (xã, huyện, tỉnh); có quy hoạch và cơ chế đảm bảo cho phát triển theo quy hoạch (trên cơ sở các tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật do các Bộ chuyên ngành ban hành).

- Là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng của chính quyền địa phương ở cấp xã, được tiến hành đồng bộ trên tất cả các mặt của xã hội trong đó việc xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương đi trước một bước.

Những đặc trưng này quyết định đến việc tổ chức, huy động nguồn lực tài chính để thực hiện xây dựng nông thôn mới ở mỗi địa phương. Từ khâu lập kế hoạch cho đến quá trình thực hiện cần có sự tham gia của người dân. Trong quá trình tổ chức huy động cần huy động sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội và quản lý của Nhà nước. Cần phải xây

dựng kế hoạch huy động và sử dụng vốn một cách công khai, minh bạch và có hiệu quả để thực hiện các tiêu chí của chương trình.

2.1.2.2 Chương trình xây dựng nông thôn mới

Chương trình XDNTM là một chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện ở các vùng nông thôn nhằm xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

Mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới là: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng KTXH và chính trị vững chắc cho sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình XDNTM bao gồm các nội dung chính sau đây:

- + Xây dựng và hoàn thiện quy hoạch phát triển KTXH tại các địa phương xây dựng nông thôn mới.

- + Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các địa phương để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao thu nhập, giảm nghèo và an sinh xã hội.

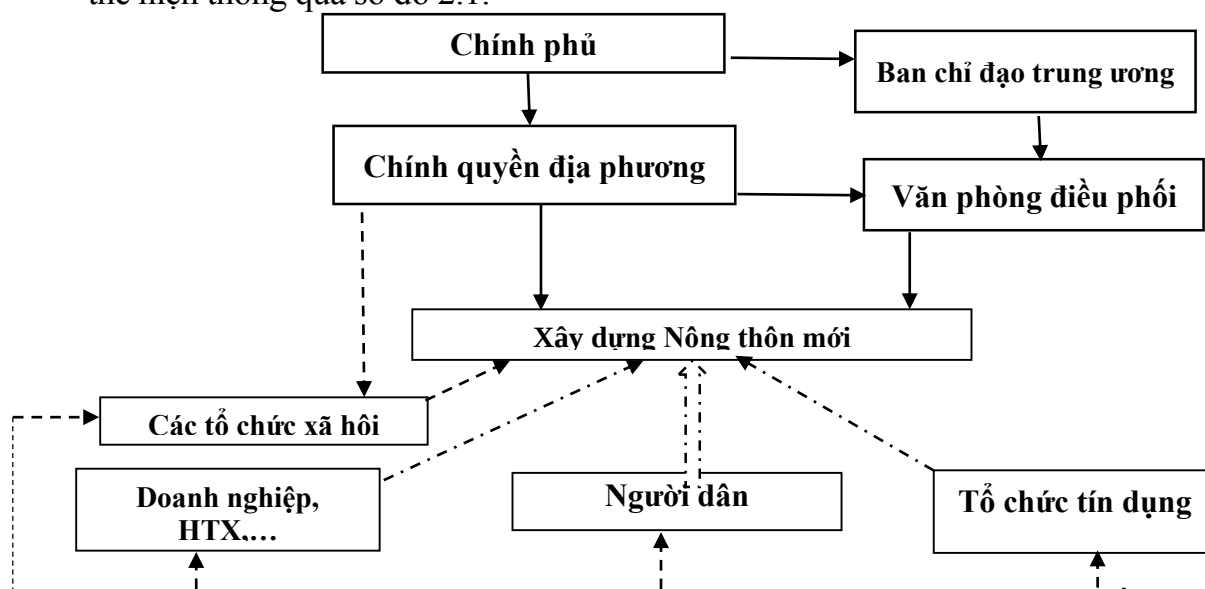
- + Phát triển giáo dục đào tạo, y tế, xây dựng đời sống văn hóa văn minh, lành mạnh và hiện đại cho các vùng nông thôn.

- + Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn, giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn,...

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã và đang thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo phương châm phát huy vai trò chủ thể của người dân địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức

thực hiện. Các đối tượng tham gia này có mối liên hệ mật thiết với nhau khi tham gia đóng góp vào quá trình thực hiện các nội dung của chương trình.

Các đối tượng tham gia quản lý và đóng góp xây dựng nông thôn mới được thể hiện thông qua sơ đồ 2.1.



Nguồn: tác giả

Sơ đồ 2.1. Mối quan hệ của các đối tượng quản lý và tham gia đóng góp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Chú thích: -.-.-> Quan hệ tham gia đóng góp -.-.-> Quan hệ hỗ trợ, phối hợp
 —> Quan hệ chỉ đạo, hỗ trợ <-.-> Quan hệ chủ thể, đóng góp

Trong xây dựng nông thôn mới, người dân tham gia từ khâu quy hoạch, đồng thời góp tiền, góp sức, tự chỉnh trang nhà cửa, công trình vệ sinh gia đình, giám sát quá trình thực hiện chương trình,...đồng thời, cũng là người hưởng lợi từ thành quả của Chương trình và người dân là chủ thể XDNTM.

2.1.3. Nguồn lực tài chính và nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới

2.1.3.1. Nguồn lực tài chính

** Khái niệm về nguồn lực tài chính*

Các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương gồm: nguồn nhân lực, vật lực và tài lực. Các nguồn lực đều có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Phối hợp hay gắn kết các yếu tố nguồn

lực có vai trò quan trọng cho sự phát triển. Trong 3 yếu tố nguồn lực nêu ở trên, nguồn lực tài chính là yếu tố quan trọng và có tính quyết định cho việc thực hiện mục tiêu phát triển KTXH, đây là nhân tố không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một nước.

Nguồn lực tài chính được hiểu là các nguồn tiền tệ (hoặc tài sản có thể nhanh chóng chuyển thành tiền) trong nền kinh tế có thể huy động để hình thành nên các quỹ tiền tệ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước [23].

Nguồn lực tài chính hay nguồn tài lực của một quốc gia là tổng thể các loại như: nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực từ các doanh nghiệp, nguồn lực từ các tổ chức tín dụng và nguồn lực từ nhân dân có thể huy động cho sự phát triển KTXH của quốc gia đó. Hay, nguồn lực tài chính của một quốc gia (địa phương) là toàn bộ của cải, tài sản của quốc gia (địa phương) đó có thể quy đổi thành tiền.

Nguồn lực tài chính là khả năng tài chính mà các đối tượng chủ thể trong xã hội có thể huy động và sử dụng để thực hiện các mục đích nhất định. Nguồn lực tài chính được thể hiện về mặt giá trị của toàn bộ của cải trong xã hội.

Nguồn lực tài chính là một loại nguồn lực cần thiết cho đầu tư phát triển mọi mặt của xã hội, được hình thành từ sự đóng góp bằng tiền (hoặc những tài sản có thể nhanh chóng chuyển thành tiền) của nhà nước, của người dân, của các doanh nghiệp, các tổ chức khác,...và được quản lý, sử dụng một cách hợp lý vào mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, nguồn lực tài chính được đề cập đến ở đây bao gồm cả tiền tệ, các nguồn vật lực và các tài sản khác được quy đổi thành tiền để thực hiện chương trình XD NTM.

** Phân loại nguồn lực tài chính*

Nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế xã hội rất đa dạng, có thể đến từ nhiều chủ thể, nhiều nguồn với qui mô và phạm vi khác nhau như từ các cá nhân, các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, các tổ chức nước ngoài ở Việt Nam,... Tùy mục đích phân tích mà có thể phân loại các nguồn lực tài chính thành các loại khác nhau.

Mặt khác, cũng có thể chia nguồn lực tài chính thành nguồn lực tài chính trong nước và nguồn lực tài chính nước ngoài. Nguồn lực tài chính từ trong nước bao gồm nguồn hỗ trợ từ ngân sách TW, nguồn đối ứng trong nước, nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình phát triển kinh tế (như các chương trình xóa đói giảm nghèo, thủy lợi nông nghiệp, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế vùng...), nguồn NSDP và nguồn đóng góp của các tổ chức kinh tế, nhân dân địa phương và cả nước. Nguồn lực tài chính từ nước ngoài gồm: đầu tư của các nhà tài trợ như Ngân hàng thế giới, các nhà tài trợ song phương, các tổ chức cơ quan của Liên Hiệp Quốc. Vốn đầu tư của các nhà tài trợ được chuyển qua các Bộ và các cơ chế dự án khác nhau như dự án, các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các chương trình giảm đói nghèo...

Trên góc độ vĩ mô, nguồn vốn của các chủ thể tham gia và quyết định đến đầu tư phát triển bao gồm: vốn nhà nước, vốn doanh nghiệp và vốn của dân cư.

Nguồn vốn nhà nước: theo phân loại của thống kê nói chung, nguồn vốn này bao gồm vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN), các khoản vay, vốn của doanh nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác.

Nguồn vốn của doanh nghiệp: bao gồm phần tích lũy, phần vốn vay của các doanh nghiệp dân doanh và các tổ hợp tác ở trong và ngoài nước. Các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thường ít tập trung vốn vào phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Nguồn vốn của dân cư: chủ yếu là hình thành từ phần tiết kiệm và tích lũy của dân cư. Đặc điểm của nguồn vốn này ở khu vực nông thôn là có tính nhỏ lẻ, tỷ lệ huy động thấp. [13]

Để phục vụ mục tiêu của luận án, chia nguồn lực tài chính phục vụ phát triển KTXH thành: nguồn NSNN và nguồn ngoài NSNN.

Nguồn NSNN bao gồm các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước Trung ương và Ngân sách địa phương (gồm ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã).

Nguồn ngoài NSNN bao gồm nguồn vốn tín dụng; nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn; nguồn đóng góp của dân hay các nguồn hỗ trợ khác...

** Vai trò của nguồn lực tài chính*

Nguồn lực tài chính là một yếu tố đầu vào quan trọng để đạt được tăng trưởng kinh tế và phát triển mọi mặt của xã hội.

Nguồn lực tài chính là cơ sở để tạo ra tăng trưởng kinh tế, từ đó nâng cao chất lượng mọi mặt cuộc sống nhân dân. Nhưng, nguồn lực tài chính hữu hạn vì vậy, để đáp ứng tốt cho hoạt động đầu tư, cần nâng cao hiệu quả sử dụng.

Nguồn lực tài chính là cơ sở quan trọng để đầu tư cho các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, nó là yếu tố quan trọng đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Nguồn lực tài chính mà chúng ta huy động được sẽ tạo điều kiện tiên đề, giúp nâng cao năng lực và trình độ khoa học công nghệ, để ứng dụng được công nghệ vào hoạt động sản xuất và đời sống.

Nguồn lực tài chính sẽ cho phép có được nguồn kinh phí để đầu tư cho giáo dục, y tế, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường và các nội dung phát triển khác, có nghĩa là nâng cao mặt chất lượng của tăng trưởng.

Nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội, cả về chất và lượng. Nó là điều kiện cần của tăng trưởng, điều kiện đủ là các nguồn lực tài chính phải được sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm [23].

Nguồn lực tài chính phục vụ cho các chiến lược phát triển KTXH. Phát triển KTXH không thể tự đi lên nếu không có hoặc thiếu nguồn lực tài chính.

Nguồn lực tài chính huy động được từ bên ngoài có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bổ sung, hỗ trợ cho nguồn vốn đầu tư trong nước.

Nguồn lực tài chính là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.

2.1.3.2. Nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM là nguồn lực tài chính được huy động từ các đối tượng trong xã hội bằng những phương thức phù hợp, được sử dụng để thực hiện Chương trình XDNTM theo các quy định.

Nguồn lực tài chính cho XDNTM hình thành từ các nguồn chính sau đây:

Nguồn từ ngân sách (Trung ương và địa phương), bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước bố trí trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới; Vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn; Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có). Nguồn vốn từ NSNN để thực hiện chương trình XD NTM thường được sử dụng như là nguồn vốn mới để thu hút nguồn từ các nhà đầu tư khác.

Nguồn từ tín dụng, bao gồm: Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn tín dụng thương mại được sử dụng cho các hoạt động trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Mục đích là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định vì vậy nguồn này thường có nhiều ưu đãi cho người vay.

Nguồn từ doanh nghiệp: gồm các khoản hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, bằng hiện vật cho các địa phương để thực hiện các hoạt động XDNTM

Các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân địa phương: Người dân đóng góp cho chương trình với tư cách là chủ thể của chương trình, vừa là người tổ chức thực hiện vừa là người thụ hưởng kết quả của Chương trình. Họ có thể tự đầu tư bằng cách nâng cấp nhà cửa,...hoặc tự nguyện đóng góp bằng nhiều hình thức cho Chương trình xây dựng nông thôn mới như: tiền, góp công, hiến đất,...

Việc nhìn nhận đầy đủ các loại nguồn lực tài chính cho phép chính quyền cấp xã có được bức tranh về tổng thể nguồn lực. Không những chỉ ra khả năng huy động các nguồn lực trên địa bàn, mà còn giúp chính quyền xã có kế hoạch lồng ghép, sử dụng các nguồn lực đó một cách chủ động và hiệu quả nhất cho các mục tiêu phát triển KTXH của địa phương.

Nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM có các đặc điểm sau:

- Nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM được huy động từ mọi đối tượng trong toàn xã hội. Ban đầu có sự hỗ trợ từ nguồn NSNN, sau đó là có sự tham gia đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức tín dụng, từ người dân và một số nguồn ngoài ngân sách khác.

- Các nguồn lực tài chính huy động để thực hiện chương trình XDNTM được phân bổ và sử dụng một cách công khai, minh bạch, chi tiết, cụ thể cho từng nội dung thực hiện.

- Có sự tham gia của người dân trong việc xây dựng các phương án huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình.

- Khi thực hiện chương trình phải sử dụng lồng ghép nguồn lực với quá trình thực hiện các chương trình mục tiêu khác có triển khai trên địa bàn để nguồn lực được sử dụng, phát huy được hiệu quả tối đa.

- Kết quả sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới được đánh giá đầy đủ cả về mặt kinh tế và xã hội.

2.2 Huy động các nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.2.1. Chính sách huy động nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Huy động nguồn lực là quá trình sử dụng các chính sách, biện pháp và các hình thức nhằm tập hợp được các nguồn lực từ các đối tượng có liên quan để thực hiện các mục tiêu đã đặt ra.

Huy động nguồn lực tài chính là một quá trình kinh tế - xã hội được thực hiện thông qua các chính sách, biện pháp và các hình thức mà Nhà nước, các tổ chức xã hội và các chủ thể kinh tế đưa ra và áp dụng nhằm chuyển các nguồn lực tài chính từ dạng tiềm năng thành các quỹ tiền tệ được sử dụng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội [23].

Huy động nguồn lực tài chính là một nội dung trong quá trình XDNTM được thực hiện thông qua các chính sách, biện pháp và các hình thức mà Nhà nước, các tổ chức xã hội đưa ra và áp dụng nhằm chuyển các nguồn lực từ dạng tiềm năng thành các quỹ để sử dụng cho xây dựng nông thôn mới.

Chính sách về huy động NLTC cho chương trình XD NTM ở nước ta hiện nay đảm bảo các nguyên tắc và huy động ở mỗi nguồn cụ thể như sau:

- Huy động nguồn lực tài chính để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo các nguyên tắc:

(i) Cần phải xây dựng kế hoạch huy động NLTC để thực hiện chương trình mang tính lâu dài vì đây là Chương trình lâu dài để phát triển KTXH cấp xã.

(ii) Huy động NLTC để xây dựng nông thôn mới phải gắn với mục tiêu phát triển KTXH ở mỗi địa phương và mục tiêu chung của cả nước.

(iii) Huy động tối đa mọi nguồn lực từ địa phương (ngân sách địa phương, các nguồn tín dụng và đầu tư của doanh nghiệp ở địa phương, từ đóng góp của người dân).

(iv) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình đang thực hiện ở các địa phương để thực hiện để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nhất các nguồn.

(v) Đa dạng hóa các hình thức huy động huy động từ các nguồn.

- Nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình XDNTM gồm: Ngân sách (gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương); Vốn tín dụng; Vốn từ các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác; Đóng góp của cộng đồng dân cư.

Thứ nhất, Nguồn từ NSNN là nguồn lực được huy động và phân bổ trực tiếp từ ngân sách nhà nước các cấp (gồm NSTW và NSDP) để thực hiện chương trình XDNTM. Nguồn lực huy động từ NSNN để thực hiện Chương trình XD NTM được quản lý theo cơ chế quản lý vốn NSNN.

Thứ hai, nguồn vốn tín dụng: Nguồn vốn tín dụng được huy động vào XDNTM thông qua kênh tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và tín dụng thương mại. Vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước được thực hiện thông qua hỗ trợ đào tạo việc làm, cho các hộ nghèo vay, Chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn,... Chính phủ hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đầu tư ở khu vực nông thôn có dự án thuộc danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư hoặc có hợp đồng xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu sẽ thuộc đối tượng hưởng chính sách tín dụng đầu tư

và tín dụng xuất khẩu. vốn tín dụng thương mại được thực hiện thông qua chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, NSNN hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Thứ ba, nguồn từ các doanh nghiệp: Để góp phần tạo nguồn lực tài chính cho XD NTM, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước thông qua nhiều chính sách như: miễn, giảm tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất,...

Thứ tư, nguồn từ cộng đồng là những khoản đóng góp bằng nhiều hình thức (tiền, hiện vật hoặc công lao động) của người dân trong cộng đồng địa phương để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.2.2 Nội dung và cơ chế huy động nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.2.2.1 Nội dung huy động các nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Để huy động các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM, phải thực hiện đa dạng hóa các nguồn huy động. Đây là chương trình thực hiện lâu dài nên cần có kế hoạch huy động nguồn lực một cách bền vững. Vì nhu cầu về nguồn lực tài chính thì lớn mà các nguồn lực tài chính thì có hạn, nên cần phải sắp xếp ưu tiên các nhiệm vụ cần thiết để thực hiện trước để có kế hoạch huy động nguồn lực phù hợp.

Khi thực hiện huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện XDNTM cần phải gắn trực tiếp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương. Nếu phát triển kinh tế thuận lợi, nguồn thu vào NSNN ổn định thì việc huy động và bố trí các nguồn lực cho XDNTM thuận lợi. Ngược lại, nếu nền kinh tế khó khăn, lợi nhuận của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, thu nhập của người dân khó khăn thì phải điều chỉnh nội dung huy động cho phù hợp với thực tế.

Huy động nguồn lực cho XDNTM phải xác định huy động tối đa các nguồn lực sẵn có của các địa phương như nguồn từ ngân sách địa phương, nguồn vốn hỗ trợ

của cá doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng và người dân địa phương.

Huy động nguồn bổ sung từ NSTW để thực hiện chương trình: nguồn đầu tư trực tiếp cho chương trình XDNTM, nguồn trái phiếu Chính phủ, và nguồn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác. Cần lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để tập trung vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Trong quá trình huy động nguồn lực tài chính cần đa dạng hóa các hình thức và phương thức huy động, tận dụng tối đa sức mạnh của các nguồn lực huy động.

Kế hoạch cụ thể huy động vốn xây dựng công trình, dự án do chính quyền xã lập và trình cấp huyện để thẩm tra. Sau đó, chính quyền xã và các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm tổ chức để nhân dân bàn và quyết định.

2.2.2.2 Cơ chế huy động nguồn lực tài chính

Cơ chế huy động các nguồn lực tài chính cho XD NTM được quy định trong nhiều văn bản của Nhà nước, về cơ bản có thể mô tả vắn tắt như sau:

(1) Đối với nguồn từ NSNN:

Nguồn NSNN được phân bổ cho thực hiện chương trình XD NTM ở các địa phương theo dự toán từng năm và trong cả giai đoạn thực hiện.

Cơ chế quản lý chi NSNN thực hiện XDNTM phải tuân thủ theo cơ chế quản lý NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan. Cơ chế quản lý chi NSNN thực hiện XDNTM được ưu tiên thực hiện, việc quản lý chi NSNN thực hiện XDNTM được phân cấp quản lý, thể hiện ở việc phân rõ trách nhiệm, quyền hạn cho các cấp chính quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN.

Ngoài ra, các địa phương có thể tự huy động nguồn lực để thực hiện chương trình XD NTM thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương hay vay nợ tín dụng nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về vay nợ.

Nguồn từ NSNN, gồm:

- Nguồn NSTW cấp trực tiếp cho chương trình được thực hiện thông qua chuyển giao có mục tiêu từ NSTW cho NSDP để xây dựng nông thôn mới, bao gồm cả nguồn đầu tư từ trái phiếu Chính phủ.

- Nguồn NSDP tự cân đối: các địa phương phân bổ nguồn vốn cho chương trình XDNTM từ các nguồn thu ở địa phương như nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, các loại thuế được phân cấp và các nguồn thu khác theo quy định. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng có thể đầu tư cho XD NTM thông qua việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án đầu tư từ NSNN trên địa bàn.

(2) Với các nguồn ngoài NSNN (nguồn huy động từ tín dụng, từ các doanh nghiệp, từ cộng đồng,...).

- Thực hiện phân bổ mức đóng góp: Đối với từng nội dung của chương trình, xác định các đối tượng hưởng lợi là ai (các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, người dân,...), mức độ hưởng lợi của từng đối tượng, sau đó họp bàn ở các địa phương với những đối tượng có liên quan để xác định mức phân bổ đóng góp.

- Thực hiện theo hình thức đóng góp tự nguyện: đây là cơ chế đang được áp dụng để không huy động quá sức dân trong quá trình thực hiện chương trình, đặc biệt là với các vùng có kinh tế khó khăn, mức sống người dân còn hạn chế .

- Thực hiện theo hình thức kết hợp công – tư: Hiện nay, NSNN hạn hẹp trong khi nhu cầu sử dụng càng mở rộng, vì vậy để huy động được vốn thực hiện xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt các công trình có thu phí như: đường giao thông, khu văn hóa thể thao, chợ,...sẽ làm giảm bớt gánh nặng về vốn cho NSNN trong quá trình thực hiện các công trình này.

Cách thức để huy động được các nguồn lực tài chính do cấp xã đứng ra thực hiện để XDNTM ở các xã cũng có sự khác nhau. Chính quyền cấp xã thường thành lập một Ban vận động bao gồm đại diện lãnh đạo xã, đại diện đoàn thể chính trị xã hội và lãnh đạo các đơn vị để tiến hành tổ chức và trực tiếp đi vận động đóng góp đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

2.2.3. Chỉ tiêu đánh giá kết quả huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Tổng số nguồn lực tài chính huy động được so với kế hoạch thực hiện. Chỉ tiêu này cho biết mức độ, tiến độ, huy động nguồn lực tài chính phục vụ cho chương trình XD NTM.

- Cơ cấu nguồn lực tài chính huy động cho chương trình XD NTM. Chỉ tiêu này cho biết tỷ trọng kết cấu của các nguồn huy động vốn cụ thể cho chương trình XD NTM. Phân tích cơ cấu huy động các nguồn lực có thể làm cơ sở đưa ra biện pháp huy động phù hợp, hợp lý để khai thác được các nguồn lực tiềm tàng ở mỗi địa phương để phục vụ cho chương trình XD NTM.

- Mức vốn huy động bình quân cho một tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới. Đây là tiêu chí để đánh giá ở mức độ nhất định hiệu quả của công tác huy động và quản lý sử dụng vốn cho chương trình XD NTM.

- Sự hợp lý của các khoản đóng góp được đánh giá định tính dựa vào kết quả khảo sát các nhóm đối tượng có phù hợp với khả năng đóng góp của người dân không, việc huy động ở địa phương có đúng trình tự không,...

2.2.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.2.4.1 Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội ở mỗi địa phương

Vị trí địa lý, địa hình, tài nguyên thiên nhiên có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của mỗi địa phương, đến việc thu hút vốn đầu tư và phát triển KTXH. Những địa bàn có vị trí thuận lợi, gần các khu đô thị, khu công nghiệp, khu vực có nhiều nguồn tài nguyên,...dễ thu hút vốn đầu tư hơn các khu vực khác.

Ngoài ra, các điều kiện về kinh tế xã hội như: cơ sở hạ tầng, thu nhập của người dân, trình độ của lao động địa phương càng thuận lợi, phát triển cao thì càng thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư vào phát triển KTXH.

2.2.4.2 Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước phát triển kinh tế, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Các chính sách kinh tế bao gồm cả các chính sách của Trung ương và của địa phương. Các chính sách kinh tế là nhóm nhân tố tác động lớn nhất đến kết quả huy động vốn đầu tư. Các chính sách này nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư ở các địa phương. Nguồn vốn đầu tư này vừa tạo nguồn thu cho các nhà đầu tư, tạo nguồn thu cho nhà nước thông qua thuế. Hơn nữa, là vấn đề tạo

việc làm cho lao động địa phương, hỗ trợ các hoạt động phát triển kinh tế ở các địa phương thông qua việc đầu tư hạ tầng cơ sở,...

2.2.4.3 Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương

Chiến lược phát triển KTXH của các địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả huy động các nguồn lực thực hiện chương trình. Ở những địa phương có điều kiện phát triển mọi mặt nó làm giảm số lượng vốn cần hoàn thành các tiêu chí của chương trình vì các tiêu chí đánh giá gần như đã đạt. Những xã nghèo, kết cấu hạ tầng nông thôn yếu kém thì chính quyền địa phương có nhu cầu phát triển KTXH càng lớn, đòi hỏi sự đóng góp của người dân nông thôn nhiều hơn. Các chiến lược phát triển được định hướng dài hạn, ổn định là điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn đầu tư. Ngoài ra, cũng cần tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, có các chính sách khuyến khích đầu tư,...mới nâng cao được huy động vốn để phát triển kinh tế xã hội.

2.2.4.4 Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý địa phương

Lãnh đạo chương trình ở các cấp giữ vai trò quan trọng trong định hướng mục tiêu, kế hoạch hành động và xây dựng lòng tin của cộng đồng về sự thành công của chương trình cũng như đảm bảo sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính để thực hiện. Đối với người lãnh đạo có trách nhiệm, hiểu biết, có trình độ, tạo được lòng tin với nhân dân thì sẽ vận động được người dân tham gia nhiệt tình trong quá trình thực hiện chương trình. Hơn nữa, cán bộ địa phương là những người gần dân nhất, hiểu được tâm tư nguyện vọng của người dân sẽ đưa ra được những hướng đầu tư đúng đắn và hợp lòng dân. Đội ngũ cán bộ phải được đào tạo sâu về chuyên môn, phải nghiên cứu, đầu tư sao cho có hiệu quả cao nhất, tránh thất thoát, lãng phí vốn đầu tư. Các nhân tố này tác động trực tiếp đến hiệu quả của công cuộc đầu tư nói chung và của từng dự án đầu tư nói riêng. Nếu năng lực chuyên môn thấp, công tác quản lý kém thì sẽ dẫn đến kết quả đầu tư.

2.2.4.5 Nhận thức về chương trình xây dựng nông thôn mới

Đây là nhân tố ảnh hưởng lớn đến kết quả huy động NLTC cho chương trình XD NTM ở các địa phương. Việc nhận thức đúng và đủ về nội dung của chương trình sẽ làm cho quá trình xây dựng được thực hiện bài bản, chủ động trong quá trình thực hiện các nội dung đặc biệt là công tác huy động và sử dụng nguồn lực phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc tổ chức thực hiện chương trình, là nhiệm vụ của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở. Chất lượng của công tác tuyên truyền quyết định đến nhận thức của người dân về chương trình và mức độ sẵn lòng tham gia đóng góp. Khi người dân hiểu về vai trò của Chương trình xây dựng nông thôn mới, hiểu rõ nội dung, phương pháp, cách làm, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc XDNTM người dân sẽ chủ động trong việc tham gia thực hiện chương trình, từng bước xóa bỏ tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước trong quá trình thực hiện.

2.2.4.6 Cơ chế chính sách của nhà nước

Đây là nhân tố thuộc về môi trường pháp lý, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động các NLTC cho thực hiện XD NTM thông qua tất cả các kênh huy động, trong đó đặc biệt quan trọng là kênh đầu tư của các doanh nghiệp và nhà đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

Hệ thống chính sách hợp lý sẽ có tác động thu hút mạnh mẽ sự đầu tư và đóng góp các nguồn lực, trong đó có nguồn lực tài chính từ các nhà đầu tư cho quá trình thực hiện chương trình XD NTM.

2.2.4.7. Lợi ích của các đối tượng đóng góp cho chương trình

Khi tham gia đóng góp cho chương trình thì sẽ có lợi ích gì? Là câu hỏi mà các đối tượng tham gia đóng góp sẽ đặt ra. Vì vậy, khi thực hiện các chính sách huy động nguồn lực để thực hiện chương trình, các địa phương cũng cần xác định các lợi ích mà các đối tượng tham gia đóng góp được nhận. Chẳng hạn, để huy động nguồn từ các doanh nghiệp thì địa phương cần có các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp về thuế, về các thủ tục, về mở rộng sản xuất,...Đối với nguồn huy động từ người dân, thì người dân là chủ thể của chương trình, là người hưởng thụ

thành quả chương trình XD NTM, tuy nhiên, để người dân tham gia một cách tự nguyện thì cần phải làm tốt công tác tuyên truyền để người dân hiểu những lợi ích mà họ sẽ được hưởng khi thực hiện chương trình này, vì trình độ dân trí ở mỗi địa phương khác nhau nên cần có các hình thức tuyên truyền phù hợp.

2.2.4.8 Sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện Chương trình

XDNTM dựa vào việc huy động cộng đồng để tận dụng các nguồn lực địa phương được coi là một hình thức quan trọng để phát triển các địa phương vì cộng đồng hiểu rõ nhất về những khó khăn mà họ phải đối mặt để tìm ra những giải pháp cần thiết để giải quyết những khó khăn này.

Sự sẵn lòng tham gia đóng góp của người dân cho chương trình XD NTM chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: khả năng tài chính, kết quả công tác tuyên truyền vận động, tính công khai, minh bạch trong quá trình huy động...

2.3 Sử dụng các nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới

2.3.1 Nguyên tắc phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Nguồn lực tài chính là một yếu tố quan trọng để có thể thực hiện thành công chương trình XD NTM ở các địa phương. Để đạt được các mục tiêu đã đưa ra của chương trình, Nhà nước đã ban hành các cơ chế để sử dụng các nguồn lực tài chính đã huy động được cho chương trình. Cơ chế sử dụng các nguồn lực tài chính này là các nguyên tắc, các hình thức, các nội dung sử dụng nhằm tạo lập, phân bổ, sử dụng các nguồn lực hiệu quả nhất. Đây cũng là cơ sở để kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực đã huy động cho thực hiện chương trình.

Sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới là việc sử dụng một cách hợp lý và có hiệu quả các quỹ đã huy động được trong xã hội để thực hiện các nội dung của chương trình.

Sử dụng NLTC để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới là việc dùng các nguồn lực đã huy động được để xây dựng kết cấu hạ tầng ở địa phương, phát triển sản xuất để nâng cao đời sống cho người dân địa phương - chủ thể của chương trình xây dựng nông thôn mới.

Để tạo sự chủ động cho các địa phương trong quá trình sử dụng nguồn lực để thực hiện Chương trình, khi sử dụng NSNN thực hiện XDNTM có những nội dung mà NSNN hỗ trợ một phần phần vì vậy sẽ tạo sự chủ động cho các địa phương có phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn để đủ vốn đối ứng. Ngoài ra, NSTW ưu tiên hỗ trợ chủ yếu cho các địa phương khó khăn và những địa phương làm tốt các nội dung của Chương trình trong giai đoạn trước.

Khi phân bổ, sử dụng NLTC các nguồn vốn được sử dụng theo nguyên tắc: (i) Đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng vốn. Phân bổ và sử dụng NSNN phải tuân theo quy định của Luật NSNN, sử dụng vốn tín dụng phải theo đúng mục đích sử dụng vốn theo hợp đồng đã ký kết,...; (ii) Phân bổ và sử dụng NLTC phải nằm trong kế hoạch đã được phê duyệt, không phân bổ tràn lan, dàn trải và phải phù hợp với nguyện vọng của người dân; (iii) Chỉ quyết định phê duyệt các dự án đầu tư khi đã xác định rõ nguồn thực hiện, đảm bảo có đủ vốn để thực hiện; (iv) Các cơ quan quản lý thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sử dụng vốn ở các địa phương để đảm bảo vốn cấp được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, được sử dụng công khai và minh bạch, đúng chế độ. (v) Các cơ quan chuyên môn cấp huyện trở lên cần hỗ trợ và hướng dẫn kịp thời các địa phương trong việc thanh quyết toán vốn.

Đối với nguồn NSDP, các địa phương chủ động sử dụng nguồn thu để xây dựng cho các công trình phúc lợi trên địa bàn xã theo quy định hiện hành. Cấp tỉnh quy định tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã để lại cho ngân sách xã thực hiện các nội dung XDNTM. Trung ương hỗ trợ cho các địa phương tổng mức vốn và giao cho tỉnh quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể. Cơ chế quản lý tài chính và giám sát việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực ở các cấp theo hướng tiếp tục hoàn thiện và thành lập bộ phận chuyên trách thuộc cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Chương trình ở các cấp.

2.3.2 Nội dung và cơ chế sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

2.3.2.1 Nội dung sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình

Nội dung sử dụng các nguồn lực tài chính đã huy động được để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới như sau:

Sử dụng các nguồn lực tài chính huy động được để thực hiện các chương trình, dự án phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng, đồng thời đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

Phải lựa chọn nội dung đầu tư cho phù hợp theo tinh thần “cái gì cần thì làm trước”. Trước khi phê duyệt đầu tư, người quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo khi thực hiện các công trình, dự án có đủ vốn để thực hiện, không triển khai thực hiện khi chưa có vốn đảm bảo tránh tình trạng gây hệ lụy nợ đọng vốn.

Thực hiện phân cấp quyền quản lý nguồn lực xuống từng cấp quản lý, ưu tiên thẩm quyền xuống cấp xã, nơi trực tiếp thực hiện chương trình XDNTM. Cơ quan thực hiện quản lý các chương trình, dự án XDNTM phải đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

Chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án được chủ đầu tư thành lập để quản lý dự án thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Nhà nước. Ban quản lý dự án, các cơ quan có thẩm quyền và người dân cần thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra giám sát quá trình thực hiện và quá trình sử dụng vốn để thực hiện các công trình, dự án.

Cơ quan tài chính các cấp, cơ quan quản lý về đầu tư xây dựng các công trình theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện dự án. KBNN có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư kịp thời, đầy đủ và đúng chế độ cho các dự án khi đã đủ điều kiện thanh toán theo quy định hiện hành.

Khi XDNTM, việc phân bổ nguồn lực cần dựa trên điều kiện thực tế từng địa phương và nhu cầu của người dân, tăng cường sự tham gia giám sát của người dân trong quá trình sử dụng các nguồn lực.

2.3.2.2. Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới

Nguồn lực tài chính phục vụ XD NTM rất đa dạng. Tương ứng với mỗi nguồn vốn cần có các cơ chế sử dụng khác nhau nhưng vẫn phải tuân thủ theo quy trình quản lý tài chính 3 khâu: lập dự toán, thực hiện và quyết toán.

(1) Đối với ngân sách nhà nước

Quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính huy động từ NSNN phải tuân theo các quy định về quản lý và sử dụng NSNN. Khi xây dựng nông thôn mới NLTC phải được phân bổ cho các công trình, dự án do các ban quản lý thực hiện và tuân theo quy trình về sử dụng ngân sách, phải lập dự toán và xác định thứ tự ưu tiên phân bổ vốn cho XDNTM. Cơ quan cấp trên khi phân bổ dự toán phải nhìn vào điều kiện KTXH của từng địa phương. Để sử dụng có hiệu quả thì phải phân tích, đánh giá đầy đủ và chính xác các nội dung liên quan đến khả năng thực hiện và hiệu quả của dự án đó, như: Xây dựng chủ trương, định hướng mục tiêu dự án, đối tượng thực hiện dự án; Dự tính nhu cầu nguồn lực, khả năng huy động để thực hiện dự án; Xây dựng dự toán, thời gian thực hiện và các giai đoạn sử dụng nguồn lực; xây dựng những quy định, cam kết hiệu quả hoạt động từ giai đoạn bắt đầu xây dựng dự án đến khi hoàn thành; xác định rõ thẩm quyền của từng đối tượng liên quan. Ngoài ra, khi sử dụng nguồn từ NSNN phải đảm bảo công khai, minh bạch và chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện quyết toán và theo dõi giám sát, đánh giá sử dụng các nguồn thực hiện chương trình.

(2) Đối với nguồn ngoài ngân sách nhà nước

Đối với nguồn huy động ngoài NSNN phân bổ dự toán cho các công trình dựa trên cơ sở thảo luận ý kiến, nguyện vọng của người dân. Trong giai đoạn thực hiện dự toán phải sử dụng kết hợp các nguồn huy động được một cách phù hợp để đảm bảo hiệu quả sử dụng cao nhất. Và phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến quá trình sử dụng vốn. Đối với nguồn vốn tín dụng mà do chính quyền địa phương huy động để thực hiện XDNTM phải được quản lý, sử dụng như nguồn từ NSNN, đảm bảo tính hiệu quả và khả năng trả nợ của chính quyền địa phương. Vốn tín dụng do doanh nghiệp và cực hộ gia đình huy động để phát

triển sản xuất thì phải được sử dụng nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Đối với nguồn huy động từ cộng đồng để thực hiện xây dựng nông thôn mới thì việc quản lý, sử dụng được thực hiện bởi ban đại diện do người dân bầu ra, tuân theo các quy định của cộng đồng dân cư địa phương, chịu sự giám sát của người dân. Ngoài ra, trường hợp người dân góp công lao động thì đóng góp trực tiếp khi các công trình thực hiện. Đối với nguồn đóng góp của các doanh nghiệp: nguồn này phụ thuộc vào chính sách hỗ trợ của mỗi doanh nghiệp.

Sau khi thực hiện hoàn thành, tiến hành quyết toán và đánh giá hiệu quả sử dụng, quá trình triển khai thực hiện. Thực hiện nghiêm chỉnh công tác công khai, minh bạch việc sử dụng các nguồn vốn này. Đây là cơ sở để các đối tượng đóng góp thực hiện giám sát. Đồng thời, chính quyền cơ sở phải có trách nhiệm giải trình với những đối tượng đóng góp nếu có các vấn đề thắc mắc về việc sử dụng vốn.

2.3.3 Các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá kết quả sử dụng vốn cho thực hiện chương trình

Để đánh giá công tác sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM, một số chỉ tiêu đánh giá định tính dựa vào kết quả khảo sát các nhóm đối tượng về công tác sử dụng nguồn lực tài chính được sử dụng như sau:

- Tính hợp lý, minh bạch trong sử dụng nguồn lực tài chính huy động được để thực hiện chương trình (theo đánh giá của các đối tượng khảo sát). Với các nguồn hỗ trợ từ NSNN sử dụng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng đối với các nguồn huy động từ các đối tượng bên ngoài cần phải công khai, minh bạch khi sử dụng để cộng đồng được biết. Khi các đối tượng biết rõ nguồn vốn họ đóng góp được sử dụng hợp lý, đúng mục đích, công khai, minh bạch sẽ tạo lòng tin để tiếp tục đóng góp trong giai đoạn sau.

- Tiến độ thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện các công trình theo đánh giá định tính của các đối tượng khảo sát. Việc thanh toán các nguồn thực hiện Chương trình, đặc biệt là đối với nguồn từ NSNN sẽ thúc đẩy các công trình nhanh được đưa vào hoạt động, mang lại lợi ích kịp thời cho người dân và các đối

tượng khác, đặc biệt các công trình hạ tầng địa phương, từ đó tạo lòng tin với các đối tượng và thu hút được sự tham gia để thực hiện các công trình tiếp theo từ họ.

- Số vốn bình quân sử dụng cho 1 tiêu chí đạt chuẩn. Chỉ tiêu này có thể dùng để đánh giá, so sánh giữa các địa phương, giữa các năm ở một địa phương và là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tính hiệu quả sử dụng, hiệu lực quản lý các nguồn lực tài chính trong thực hiện chương trình XD NTM.

2.3.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới

2.3.4.1 Tiến độ huy động các nguồn tài chính cho xây dựng nông thôn mới

Qua quá trình nghiên cứu và phân tích các nội dung trên địa bàn các tỉnh vùng TDMN phía Bắc cho thấy, các địa phương xây dựng cụ thể nhu cầu vốn hàng năm và phương án sử dụng các nguồn vốn đó, báo cáo về huyện và tỉnh. Tuy nhiên, tiến độ cấp vốn từ cấp trên cho các địa phương ảnh hưởng đến phân bổ cho các công trình, quá trình thực hiện thi công kéo dài dẫn đến việc giải ngân vốn chưa triệt để, gây lãng phí vốn. Các địa phương, nếu chưa tập trung được vốn đối ứng ở các địa phương kịp thời sẽ gây tình trạng nợ đọng XD CB.

2.3.4.2 Trình độ quản lý vốn xây dựng cơ bản của cán bộ chuyên môn

Công tác quản lý đầu tư của địa phương, trình độ quản lý và sử dụng vốn của cán bộ quản lý và thực hiện đầu tư tại địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện, đặc biệt với các công trình trọng điểm, do vậy muốn thực hiện đầu tư có hiệu quả thì địa phương phải có các cơ chế quản lý vốn một cách hợp lý. Điều này, phụ thuộc vào trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý vốn đầu tư ở mỗi địa phương. Những cán bộ có trình độ chuyên môn tốt sẽ tham mưu được cho lãnh đạo các phương án sử dụng cũng như công tác giải ngân các nguồn vốn một cách hiệu quả nhất. Công tác tổ chức quản lý vốn đầu tư không chỉ ở một địa phương riêng lẻ, mà nó được phân cấp từ trung ương đến địa phương. Hệ thống quản lý có tác động mạnh tới hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và kết quả của các dự án đầu tư cũng như công cuộc đầu tư nói chung.

2.3.4.3 Các thủ tục trong thanh toán vốn đầu tư

Các thủ tục thanh toán vốn đầu tư có ảnh hưởng lớn đến công tác sử dụng vốn, đặc biệt là trong khâu thanh toán vốn. Các thủ tục thanh toán các công trình xây dựng khó thực hiện, rườm rà, nhiều loại chứng từ, nội dung các thủ tục chi tiết, công thêm với việc năng lực, trình độ cán bộ xã còn nhiều hạn chế sẽ khó khăn cho quá trình thực hiện, làm chậm quá trình thanh toán.

2.3.4.4 Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát

Trong quá trình sử dụng nguồn vốn để thực hiện XDNTM, ngoài việc lập kế hoạch và tiến hành sử dụng vốn một cách phù hợp thì công tác giám sát kiểm tra các hoạt động đó là một nội dung quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn. Vì vậy, đối với các nguồn vốn từ NSNN cấp phải được kiểm soát chặt chẽ, nghiêm túc từ khi giao vốn đến rút vốn để sử dụng thông qua các cơ quan chuyên môn và các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. Đối với các nguồn huy động ngoài ngân sách cần được giám sát để đảm bảo không sử dụng lãng phí, sai mục đích sử dụng,...vì vậy, cần có sự tham gia quản lý của các đối tượng đóng góp để đảm bảo nguồn vốn đó được sử dụng hiệu quả, minh bạch.

2.3.4.5 Các cơ chế, chính sách của Nhà nước

Các chính sách kinh tế là nhóm nhân tố tác động lớn nhất đến hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính, đây là nhân tố pháp lý và có ảnh hưởng trực tiếp. Các chính sách này gồm chính sách định hướng phát triển kinh tế như: Chính sách công nghiệp hoá - hiện đại hoá, các chính sách về ưu đãi (bao gồm cả đối với các nguồn vốn từ nước ngoài), chính sách thương mại, chính sách về thu hút đầu tư từ các nhóm đối tượng...Các chính sách kinh tế tác động đến hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án cao hay thấp. Nếu các chính sách kinh tế được xác định phù hợp có hệ thống, đồng bộ và nhất quán thì việc huy động nguồn lực tài chính thực hiện sẽ đạt kết quả mong đợi, sẽ mang lại hiệu quả sử dụng cao.

2.3.4.6 Sự tham gia của cộng đồng trong triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới

Trong giai đoạn vừa qua, nhờ có sự tham gia giám sát của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới mà nhiều địa phương đã triển khai khá thành công kế hoạch thực hiện các hạng mục đầu tư, góp phần đảm bảo chất lượng và tiết kiệm kinh phí.

Sự tham gia của người dân trong XD NTM còn thể hiện ở hoạt động tham gia quản lý, vận hành các kết quả đầu tư để phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân địa phương.

2.4 Mối quan hệ giữa huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Để thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới cần phải có các nguồn lực, trong đó quan trọng nhất là nguồn lực tài chính. Nguồn lực tài chính để thực hiện các nội dung của Chương trình từ nhiều nguồn khác nhau vì ngân sách nhà nước ngày càng hạn hẹp, không đủ để thực hiện, cần có sự góp sức từ nhiều nguồn. Đây là chương trình để phát triển mọi mặt ở nông thôn, chủ thể và người thụ hưởng kết quả của Chương trình là người dân.

Từ ngân sách nhà nước gồm có ngân sách trung ương, các nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án và ngân sách địa phương. Đối với các nguồn này cấp cho các xã để thực hiện chương trình theo sự phân cấp từ trên xuống dựa theo kế hoạch và nhu cầu của các địa phương gửi lên. Việc sử dụng và quản lý nguồn này thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, cần quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn này nhanh chóng tạo ra những kết quả bước đầu của chương trình, mang lại lợi ích sử dụng cho người dân để người dân có lòng tin vào chương trình, đây là biện pháp tuyên truyền, vận động đóng góp từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước hiệu quả nhất.

Nguồn ngoài NSNN gồm các nguồn từ phía doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng và huy động từ người dân. Đây là nguồn có vai trò quan trọng đối với xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình huy động và sử dụng cần có sự tham gia của người dân, minh bạch công khai khi sử dụng các nguồn này để thực hiện chương trình. Các nguồn này có vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện vì: có những công trình, NSNN chỉ hỗ trợ một phần, phần còn lại là vốn đối ứng của địa phương, nếu như những địa phương không huy động được vốn đối ứng thì công trình không có vốn thực hiện, đặc biệt trong điều kiện hiện nay ngân sách xã hạn hẹp. Tuy

nhiên, để huy động được càng nhiều từ người dân và các đối tượng ngoài ngân sách thì phải sử dụng hợp lý, công khai, minh bạch để tạo được lòng tin với những người đóng góp. Mặt khác, lôi kéo sự tham gia tích cực của người dân, cộng đồng vào giám sát việc sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình XDNTM. Khi họ kiểm soát được và nhìn thấy sự đóng góp của họ được sử dụng đúng mục đích thì sẽ tiếp tục đóng góp cho những hoạt động tiếp theo của Chương trình.

Vậy, giữa huy động và sử dụng có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau. Sử dụng càng hợp lý, công khai, minh bạch là nhân tố thúc đẩy kết quả huy động, huy động được càng nhiều thì sử dụng được cho nhiều mục đích phát triển hạ tầng ở địa phương, tạo được lòng tin với người dân.

2.5 Kinh nghiệm thực tiễn và bài học kinh nghiệm về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới

2.5.1 Kinh nghiệm thực tiễn về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới

2.5.1.1 Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

Đối với nước có phần lớn dân số làm nông nghiệp xây dựng nông thôn mới là một quốc sách lâu dài. Những kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của một số nước châu Á như Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan là những nước trước đây người dân chủ yếu sống bằng nông nghiệp, nhưng nay đã có sự thay đổi nhất định, mỗi nước thực hiện việc huy động và sử dụng các cách làm khác nhau.

**** Kinh nghiệm của Hàn Quốc***

Vào thập kỷ 60 của thế kỷ XX, xã hội Hàn Quốc gặp phải nhiều những khó khăn. Tổng thống Park Chung-hee đã phát động thực hiện phong trào *làng mới* để là khuyến khích người dân tự hợp tác và giúp đỡ nhau, bên cạnh sự hỗ trợ có của Nhà nước và các chính sách tốt. Tổng kinh phí đầu tư huy động được cho phong trào *làng mới* giai đoạn 1971-1980 là khoảng 3 tỷ USD, trong đó chính phủ đóng góp 27,8% và người dân đóng góp 72,2%. Cách thực huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình như sau:

Để xây dựng hạ tầng cơ sở, trong năm đầu, Chính phủ đóng vai trò chủ đạo, hỗ trợ mỗi làng trên 80 tấn xi măng và 2,6 tấn sắt, thép, tương đương khoảng 2.000 USD/làng (tỷ giá năm 1974), còn lại do người dân đóng góp để mở rộng và nắn thẳng đường sá, làm lại mái nhà bếp và hàng rào, xây dựng giếng nước công cộng và khu giặt giũ công cộng. Năm thứ hai, Chính phủ quy định tiếp tục giúp đỡ 16,6 nghìn làng đã huy động và thực hiện được nhiều hơn, bằng cách cấp thêm cho mỗi làng 500 bao xi măng và 1 tấn sắt thép. Năm thứ ba, Chính phủ quy định chia 35.000 làng thành 3 loại làng: cơ sở, tự lực và tự lập. Mức hỗ trợ tiếp theo được hưởng của các loại làng thể hiện qua bảng 2.1.

Bảng 2.1. Hỗ trợ của Chính phủ cho các làng tham gia phong trào làng mới

<i>TT</i>	<i>Loại làng</i>	<i>Kết quả đạt được</i>	<i>Hỗ trợ được nhận tiếp theo</i>
1	Làng cơ sở	Hầu như chưa có sự tham gia đáng kể của người dân	Các dự án cải thiện môi trường và cần nâng cao ý thức người dân
2	Làng tự lực	Tỷ lệ người tham gia khoảng 50%	Dự án môi trường và nâng cao thu nhập
3	Làng tự lập	Tỷ lệ người tham gia 100%	Dự án nâng cao thu nhập, dự án phúc lợi văn hóa

Nguồn: Nguyễn Hoàng Hà (2014)[13]

Người dân quyết định lựa chọn danh mục các công trình cần ưu tiên đầu tư và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình thực hiện. Vốn góp cho những công trình được xác định theo nguyên tắc sau: Nhà nước bỏ ra 1, người dân bỏ ra từ 5-10. Người dân cũng tự quyết định và biểu quyết về mức độ đóng góp và bồi thường (đất đai, tài sản...) cho những cá nhân bị ảnh hưởng [13].

Bảng 2.2. Mức đầu tư bình quân cho 1 làng trong phong trào làng mới

<i>TT</i>	<i>Phân loại làng</i>	<i>Số người tham gia</i>	<i>Hỗ trợ chính phủ (USD)</i>	<i>Dân tự đóng góp (USD)</i>	<i>Tiền mặt từ các nguồn khác (USD)</i>	<i>Số dự án</i>
	Trung bình	1.948	1.247,5	5.525	642,5	31
1	Làng tham gia giai đoạn 1	2.266	1.035	1.035	615	38
2	Làng tham gia giai đoạn 2	1.471	692,5	692,5	450	23
3	Làng tham gia giai đoạn 3	2.288	6.115	6.115	1.675	33

Nguồn: Nguyễn Hoàng Hà (2014)[13]

** Kinh nghiệm của Nhật Bản*

Thập kỷ 80, Nhật Bản bắt đầu tìm tòi con đường phát triển nông nghiệp thích hợp với mình, họ đã chia quá trình thực hiện thành các giai đoạn. Quá trình thực hiện của họ chia làm 4 giai đoạn. Ở mỗi giai đoạn Chính phủ Nhật Bản tích cực tham gia và đầu tư kinh phí lớn. Giai đoạn 1, giai đoạn 2, giai đoạn 4 đều có sự định hướng và hỗ trợ vốn của Chính phủ. Riêng giai đoạn 3 được triển khai một cách tự phát, nhưng vẫn có sự ủng hộ từ phía Chính phủ. Thời gian đầu, để giải quyết vấn đề liên quan đến nguồn lực tài chính cho phát triển nông nghiệp, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng chính sách hỗ trợ nông nghiệp như trợ giá nông phẩm, xây dựng quỹ rủi ro về giá nông phẩm, trong đó người nông dân bỏ ra 30%, Chính phủ bỏ ra 70%. Thời kỳ sau do ngân sách khá hạn hẹp, Nhật Bản ý thức được rằng, muốn phát triển nông thôn nếu chỉ dựa vào Chính phủ sẽ khó thực hiện thành công, cần phải có sự tham gia tích cực của người nông dân - đội ngũ những người được hưởng lợi trong công cuộc này. Chính vì vậy, Chính phủ Nhật Bản đề cao tinh thần phát huy tính sáng tạo, dám nghĩ dám làm, từ việc xây dựng, thực thi quy hoạch, đến việc lựa chọn sản phẩm trong phong trào “mỗi làng một sản phẩm”, đều là do dân cư các vùng tự căn cứ vào nhu cầu của địa phương mình để đề xuất, thực hiện [24].

** Kinh nghiệm của Đài Loan*

Phát triển nông nghiệp và nông nghiệp đô thị ở Đài Loan là một quá trình khá thành công, và công tác huy động và sử dụng vốn cho quá trình này như sau:

Trong những thập niên đầu, Nhà nước thực hiện chiến lược huy động vốn thông qua: thực hiện chế độ thuế một cách nghiêm chỉnh để tích lũy; huy động tiền tiết kiệm của người dân trong nước; xin viện trợ nước ngoài; khuyến khích nước ngoài đầu tư vào Đài Loan... Chính phủ quy định rất rõ về chế độ thuế mỗi loại và các đối tượng được miễn giảm hoặc giảm thuế. Tuy nhiên, tùy theo mỗi giai đoạn, nhà nước vẫn có các điều chỉnh cho phù hợp để khuyến khích, giúp đỡ từng đối tượng. Nhà nước còn huy động vốn nhân rồi từ trong nước rất cao thông qua tiết

kiệm của dân chúng, cả việc phát hành công trái và việc đầu tư trực tiếp của thương nhân vào các xí nghiệp làm cho tiết kiệm trong nước ngày một tăng lên. Nhà nước chỉ duy trì một mức tiết kiệm trong một thời hạn nhất định và thực hiện chủ trương kích cầu. Chính phủ hết sức coi trọng tiền viện trợ và sử dụng tiền viện trợ một cách hiệu quả. Trong nông nghiệp, nhà nước thành lập 1 ban chỉ đạo phát triển nông nghiệp, 1/3 thành viên của Ban là người của nước viện trợ; Ban vừa giúp Chính phủ chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp, vừa là cơ quan để xem xét đầu tư bằng tiền viện trợ, sự xét duyệt này rất kỹ càng với mục đích sử dụng đồng tiền thật hiệu quả. Hầu hết tiền viện trợ dùng để xây dựng CSHT. Ngoài ra, Đài Loan coi trọng đầu tư từ nước ngoài. Luật đầu tư được ban hành, Chính phủ không quan niệm quá nặng vào việc đánh thuế, mà khuyến khích họ vào để họ xây dựng cơ sở vật chất, mang thiết bị máy móc vào và sử dụng được số lao động dư thừa của đất nước [66].

2.5.1.2 Kinh nghiệm của Việt Nam

Ở Việt Nam, chương trình XDNTM được thực hiện trên khắp các vùng nông thôn. Đã có những địa phương có cách làm sáng tạo và thành công trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực để thực hiện Chương trình.

** Thành phố Hà Nội*

Ở huyện Đan Phượng, thuộc thành phố Hà Nội là địa bàn nông thôn còn sản xuất nông nghiệp manh mún, hạ tầng nông thôn xuống cấp, thiếu đồng bộ, thu nhập người dân thấp, ô nhiễm môi trường,... Khi thực hiện xây dựng nông thôn mới, Đan Phượng thực hiện công tác tư tưởng, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận trong nhân dân phải đi trước một bước.

Để huy động và sử dụng hợp lý, tận dụng triệt để các nguồn lực huy động được, huyện đã vận dụng phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, người dân hưởng lợi, đặt mục tiêu huy động nguồn lực từ cộng đồng là nhân tố quyết định để đầu tư xây dựng nông thôn mới. Những năm đầu, khi thành phố Hà Nội chưa có chính sách hỗ trợ các địa phương đầu tư cơ sở hạ tầng, Đan Phượng đã hỗ trợ gần 1/3 giá trị nguyên vật liệu xây dựng, người dân tự đứng ra đóng góp và

làm đường làng, ngõ xóm. Đã mang lại hiệu quả rõ nét tại những xã kinh tế khá, đông dân cư, xây dựng được nhiều tuyến đường khang trang, sạch đẹp. Đối với những xã vùng còn khó khăn thì chưa thực hiện được. Khi thành phố có chủ trương hỗ trợ các địa phương nguyên vật liệu để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, huyện đã mạnh dạn đứng ra “mua chịu” nguyên vật liệu để cung cấp sớm cho người dân. Lãnh đạo huyện đã vận động các doanh nghiệp cung ứng nguyên vật liệu xây dựng cung cấp hàng theo hình thức trả chậm để ứng trước cho các xã làm đường giao thông. Các doanh nghiệp tư vấn miễn phí, còn các đơn vị thi công ủng hộ một phần giá trị nhân công và máy móc. Người dân đã tự nguyện đóng góp ngày công, nhiều hộ dân hiến đất mở rộng đường. Cách làm này không chỉ tiết kiệm ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực của người dân mà còn tạo ra không khí đoàn kết trong nhân dân [66].

** Kinh nghiệm Quảng Ninh*

Ngày 10/12/2010 Nghị quyết số 39/2010/NQ-HĐND, về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2020 có xây dựng chi tiết kế hoạch vốn huy động để thực hiện các nội dung của chương trình. Để có nguồn lực để giúp các xã thực hiện chương trình, Quảng Ninh đã thành lập quỹ “Chung tay xây dựng nông thôn mới” và mở tài khoản tại KBNN tỉnh Quảng Ninh để tiếp nhận các khoản hỗ trợ từ mọi đối tượng. Sau khi thành lập quỹ, đã có rất nhiều các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh,... đóng góp vào quỹ.

Quảng Ninh không lựa chọn thí điểm khi triển khai Chương trình, mà triển khai đồng loạt. Để xác định vốn hỗ trợ cho XDNTM từng xã, ngày 26/12/2011 UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 4159/2011/QĐ-UBND quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh thuộc Chương trình XDNTM giai đoạn 2012-2015. Việc phân bổ vốn cho các xã dựa trên số điểm của mỗi xã, số điểm của mỗi xã được xác định dựa trên các tiêu chí (tất cả các xã, xã có điều kiện khó khăn, xã điểm và xã làm tốt). Số điểm của mỗi xã được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Tổng số điểm} & & \text{Điểm hỗ} & & \text{Điểm hỗ trợ xã} & & \text{Điểm hỗ trợ} & & \text{Điểm hỗ trợ} \\ \text{phân bổ vốn} & = & \text{trợ triển} & + & \text{có điều kiện} & + & \text{các xã về} & + & \text{các xã thực} \\ \text{đầu tư cho} & & \text{khai đồng} & & \text{KTXH theo mức} & & \text{đích sớm} & & \text{hiện tốt} \\ \text{mỗi xã} & & \text{loạt} & & \text{độ khó khăn} & & \text{theo kế hoạch} & & \text{Chương trình} \end{array}$$

Số vốn định mức tính cho 1 điểm phân bổ được tính như sau:

$$\text{Số vốn định mức tính cho 1 điểm phân bổ} = \frac{\text{Tổng nguồn vốn dành cho Chương trình}}{\text{Tổng số điểm toàn tỉnh}}$$

Bằng cách thay đổi biện pháp chỉ đạo theo hướng phân cấp cho địa phương chủ động huy động và sử dụng vốn, tỉnh đã giảm tỷ trọng đầu tư từ NSNN, vốn từ NSNN cho chương trình đạt trên 57.704.342 triệu đồng, bằng 11,62% (kế hoạch là 40%), vốn tín dụng đạt 66,12% và xã hội hóa 22,26% [56].

* Kinh nghiệm của tỉnh Nam Định

Để huy động và sử dụng nguồn lực tài chính XDNTM, tỉnh Nam Định đã thực hiện theo phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”. Rút kinh nghiệm từ quá trình thực hiện ở xã điểm Hải Đường (huyện Hải Hậu) triển khai từ năm 2009 cho rằng Trung ương sẽ cấp kinh phí nên, giai đoạn đầu chưa quan tâm đến huy động sức dân nên, khi thực hiện bị chậm do thiếu vốn. Rút kinh nghiệm từ những hạn chế, phát động phong trào xây dựng NTM với tinh thần tự lực, phát huy nội lực. Trong xây dựng NTM, các xã, các thôn xóm phải chủ động, không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời không nóng vội chạy theo thành tích. Các nội dung xây dựng NTM đều phải đảm bảo sự đồng thuận của người dân. Muốn có sự đồng thuận cao và sự tham gia tích cực của người dân, trước hết từng người dân phải “thông” về tư tưởng và ủng hộ. Cụ thể là ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 10 tỷ đồng cho mỗi xã điểm, 8 tỷ đồng cho mỗi xã tham gia xây dựng NTM trong giai đoạn 2010-2015. Ngoài cơ chế khen thưởng của Trung ương, tỉnh thưởng cho xã đạt chuẩn NTM năm 2013: 2 tỷ đồng/xã, năm 2014: 1,5 tỷ đồng/xã, năm 2015: 1 tỷ đồng/xã; huyện đạt chuẩn NTM được thưởng 3 tỷ đồng,... Cụ thể, cách huy động vốn để thực hiện một số công trình hạ tầng như sau:

- Cách huy động nguồn lực để xây dựng nhà văn hóa: Trước tiên, tiến hành tổ chức họp dân để phổ biến ý nghĩa của việc xây dựng nhà văn hóa, đưa ra các

tiêu chuẩn, địa điểm xây dựng... để dân bàn, quyết định. Sau khi dự trù kinh phí thực hiện, tổ chức vận động: 50% chi phí xây dựng sẽ được chia đều trên đầu người trong độ tuổi lao động trong thôn, xóm và vận động đóng góp (trừ những gia đình chính sách, hộ nghèo, gia đình khó khăn về kinh tế); 50% kinh phí còn lại do NSNN hỗ trợ (50 triệu đồng/nhà văn hóa) và vận động các hội đoàn thể, các doanh nghiệp, những người con quê hương, gia đình có điều kiện... đóng góp.

- Cách huy động và sử dụng nguồn lực để xây dựng đường GTNT:

+ Đối với đường giao thông liên xã: Quy định nhiệm vụ của từng cấp, huyện bố trí kinh phí làm mặt đường; Xã thực hiện việc giải phóng mặt bằng bằng hình thức vận động người dân hiến đất, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

+ Đối với đường giao thông ở đồng ruộng, kênh mương nội đồng: Các đường giao thông nội đồng được người dân hiến đất để mở; ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ 50% chi phí vật liệu cứng, còn lại các hộ dân hưởng lợi từ đường giao thông, kênh mương sẽ được vận động đóng góp.

+ Đối với giao thông nông thôn liên xóm: Đường giao thông qua đất của hộ gia đình nào thì vận động gia đình đó thực hiện hiến đất và thực hiện xây dựng hàng rào, cổng ngõ [67].

2.5.2 Bài học kinh nghiệm cho vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Từ kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính rút ra được một số kinh nghiệm cho vùng Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng và cho Việt Nam nói chung như sau:

Thứ nhất, cần làm tốt công tác thông tin tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về chương trình XD NTM, trên cơ sở đó phát huy quyền làm chủ của người dân, thu hút sự tham gia của người dân vào tất cả các nội dung của chương trình XD NTM.

Thứ hai, Cần xây dựng các cơ chế, chính sách về huy động và sử dụng vốn phù hợp với các điều kiện về kinh tế- xã hội của từng địa phương trong vùng. Phải xây dựng và công khai các tiêu chí, định mức phân bổ vốn hợp lý, đảm bảo công

khai, minh bạch, đồng thời đảm bảo được kế hoạch, mục tiêu đã đề ra theo đúng định hướng của Chính phủ và phù hợp với điều kiện, tình hình của các địa phương để nguồn vốn được phân bổ, sử dụng đạt hiệu quả cao nhất. Cần có các chính sách ưu tiên phân bổ vốn cho các nội dung phát triển sản xuất.

Thứ ba, Tăng cường thực hiện các biện pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp vào các vùng nông thôn; thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đặc biệt trong việc đầu tư vào những phương thức sản xuất mới nhằm hoàn thiện nhóm tiêu chí về phát triển sản xuất vì thực trạng vùng TDMN phía Bắc hiện nay thì việc phát triển sản xuất là nhu cầu cấp thiết.

Thứ tư, Cần nghiên cứu lập các quỹ xây dựng nông thôn mới ở tất cả các thôn, xã để có thể chủ động trong quá trình thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới. Việc lập quỹ này cần phải đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng nguồn Quỹ, cần phân công cụ thể cho cán bộ có uy tín theo dõi, phụ trách các hộ sử dụng vốn từ nguồn vốn vay để có hướng dẫn hoặc giúp đỡ kịp thời.

Thứ năm, Cần khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tuyên truyền, phổ biến để cộng đồng và các tổ chức trên địa bàn chủ động trong việc sử dụng các nguồn vốn tín dụng.

Thứ sáu, Cần chú trọng công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho Chương trình XD NTM, đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo lộ trình đã đề ra. Đồng thời, thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho XD NTM.

Thứ bảy, Cần tránh tình trạng chạy theo thành tích, thực hiện XD NTM theo kiểu phong trào, cần tránh việc phê duyệt và triển khai quá nhiều dự án, công trình khi chưa có nguồn vốn huy động, hạn chế tình trạng nợ đọng XD CB diễn ra ở các địa phương.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Đặc điểm cơ bản các tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc

3.1.1 Các đặc điểm tự nhiên

Vùng TDMN phía Bắc gồm 14 tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình. Toàn vùng có diện tích 9.526,7 (1.000ha) chiếm 27,78 % diện tích cả nước, được chia thành 2.283 xã, 143 thị trấn và 136 phường.

Một số thông tin khái quát về diện tích và dân số của các địa phương vùng TDMN phía Bắc được nêu trên bảng 3.1.

Bảng 3.1. Diện tích và dân số vùng TDMN phía Bắc

TT	Tỉnh	Diện tích tự nhiên (1000ha)	Đất SX nông nghiệp (1.000ha)	Đất lâm nghiệp (1.000ha)	Dân số (Nghìn người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
1	Hà Giang	791,5	155,6	561,7	802,0	101
2	Cao Bằng	670,4	97,8	527,0	522,4	78
3	Bắc Kạn	485,9	36,7	379,4	313,1	64
4	Tuyên Quang	586,7	81,6	446,7	760,3	130
5	Lào Cai	638,4	83,6	336,2	674,5	106
6	Yên Bái	688,6	109,3	474,1	792,7	115
7	Thái Nguyên	353,3	108,1	181,5	1190,6	337
8	Lạng Sơn	832,1	109,5	569,7	757,9	91
9	Bắc Giang	385,0	129,4	140,3	1640,9	426
10	Phú Thọ	353,3	98,4	178,7	1369,7	388
11	Điện Biên	956,3	143,4	637,8	547,8	57
12	Lai Châu	906,9	93	739,0	425,1	47
13	Sơn La	1.417,4	286,5	638,0	1182,4	83
14	Hòa Bình	460,9	64,8	288,4	824,3	179
Tổng cộng		9.526,7	1.597,7	6.098,5	11.803,7	124
Tỷ lệ (%)		100	16,77	64,01	-	-
Tỷ lệ so với cả nước (%)		27,78	15,62	36,49	12,87	-

Nguồn: Tổng cục thống kê

Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc là vùng có phía bắc tiếp giáp với 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam (Trung Quốc), phía Tây giáp Lào, phía Nam giáp vùng Đồng Bằng Sông Hồng. Những điều kiện vị trí địa lý này, tạo cho vùng có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng và có nhiều cơ hội để giao lưu kinh tế với các địa phương trong và ngoài nước.



Hình 3.1. Bản đồ vùng TDMN phía Bắc

- Địa hình: Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình tương đối phức tạp, hiểm trở. Địa hình chủ đạo là các dãy núi cao, bị chia cắt bởi các con sông, suối và xen giữa các dãy núi cao là những vùng đồng bằng nhỏ và các thung lũng. Điều kiện địa hình trong vùng thường gây ra những khó khăn không nhỏ cho phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, đặc biệt là hệ thống giao thông, thủy lợi.

- Khí hậu: Khí hậu của vùng mang đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của địa hình vùng núi.

Tiểu vùng Đông Bắc có địa hình tuy không cao, nhưng lại là nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông bắc, là khu vực có mùa đông lạnh nhất nước ta. Tiểu vùng Tây Bắc tuy chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc yếu hơn, nhưng do nền địa hình cao nên mùa đông cũng vẫn lạnh. Bởi vậy, TDMN phía Bắc có thể mạnh để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

Khí hậu của vùng nhìn chung thuộc miền nhiệt đới và á nhiệt đới với nền nhiệt độ cao, độ ẩm lớn về mùa hè nhưng lại lạnh, khô về mùa đông. Thời tiết trong vùng thường có nhiều hiện tượng cực đoan gây khó khăn cho sản xuất và đời sống như: mùa hè thường có mưa nhiều, gây lũ lụt, sạt lở; mùa đông lại thường có những đợt lạnh sâu, sương muối, băng giá và hạn hán.

- Hệ thống sông suối: Vùng TDMN phía Bắc có một hệ thống sông suối khá dày, độ dốc lớn và vùng có tiềm năng thủy điện rất lớn của cả nước. Hệ thống sông suối của vùng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong vùng và cả vùng đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, do độ dốc cao, dòng chảy lớn nên các dòng sông suối này thường gây sạt lở, lũ quét ở các địa phương.

- Nguồn tài nguyên thiên nhiên: Tài nguyên thiên nhiên của vùng khá đa dạng và phong phú, thể hiện trên các mặt như sau:

+ *Tài nguyên đất*: Đất đai vùng Trung du và miền núi phía Bắc rộng nhưng chất lượng đất nghèo, dốc nên gây trở ngại cho canh tác nông nghiệp. Đất nông nghiệp trong vùng ít, diện tích ruộng bậc thang lớn, cánh đồng nhỏ hẹp giữa những dãy núi. Đất lâm nghiệp của vùng năm 2015 chiếm 36,49% trong tổng diện tích đất lâm nghiệp cả nước.

+ *Khoáng sản*: Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú nhưng trữ lượng nhỏ. Các khoáng sản chính là than, sắt, thiếc, chì – kẽm, đồng, pyrit, đá vôi và sét làm xi măng, gạch ngói, gạch chịu lửa, với quặng apatít, bôxít, nhôm... Tuy nhiên, việc khai thác đa số các mỏ đòi hỏi phải có phương tiện hiện đại và chi phí cao.

+ *Tài nguyên nước*: Các sông suối có trữ năng thủy điện khá lớn. Hệ thống sông Hồng (11 triệu kW) chiếm hơn 1/3 trữ năng thủy điện của cả nước. Riêng sông Đà chiếm gần 6 triệu kW. Nguồn thủy năng lớn này đã và đang được khai thác phục vụ cho các nhà máy thủy điện trong vùng.

+ *Tài nguyên rừng*: TDMN phía Bắc là vùng có diện tích rừng lớn nhất nước ta. Một thời gian dài rừng bị tàn phá, hiện nay rừng đã từng bước khôi phục và phát triển, sẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng đối với người dân trong vùng.

3.1.2 Các đặc điểm kinh tế, xã hội

3.1.2.1 Dân số và dân tộc:

Về cơ bản Trung du và miền núi phía Bắc là vùng đất rộng, người thưa, thành phần dân tộc rất đa dạng, phong phú.

Tính đến năm 2015, dân số toàn vùng là 11.803,7 nghìn người, chiếm tỷ lệ 12,87% tổng dân số cả nước. Mật độ dân số bình quân của vùng là 124 người/km², thấp hơn mật độ trung bình của cả nước (277 người/km²). Dân số phân bố không đều giữa các tỉnh trong vùng, trong đó cao nhất là Bắc Giang (426 người/km²), thấp nhất là tỉnh Lai Châu (47 người/km²) [52].

Trung du miền núi phía Bắc là vùng có tính đa dạng rất cao về thành phần dân tộc, toàn vùng có tới 35 dân tộc khác nhau với những nét bản sắc văn hóa đặc sắc như Thái, Tày, Nùng, Mường, H'Mông, Dao, Khomú, Kháng, Giáy...

Một số dân tộc ít người trong vùng còn duy trì một số phong tục tập quán lạc hậu, gây những khó khăn nhất định đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

3.1.2.2 Đặc điểm phát triển văn hóa, giáo dục, y tế

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng sống đan xen của nhiều dân tộc với những đặc trưng văn hóa dân gian truyền thống rất đặc sắc.

Những năm qua, cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp được đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, từng bước đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục.

Mạng lưới y tế từ cơ sở đến cấp tỉnh trong những năm gần đây được tăng cường, gần 100% xã có trạm y tế, công tác khám chữa bệnh cho người nghèo ngày càng được thực hiện tốt.

3.1.2.3 Đặc điểm về hệ thống cơ sở hạ tầng

Mặc dù có nhiều khó khăn về địa hình, khí hậu, nhưng được quan tâm đầu tư nên trong những năm gần đây hệ thống cơ sở hạ tầng của toàn vùng nhìn chung đã được cải thiện rõ nét, đã tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho phát triển sản xuất và từng bước nâng cao đời sống cho người dân.

Trên địa bàn của vùng có nhiều tuyến đường giao thông huyết mạch chạy qua như: các Quốc lộ 1, 2, 3, 4, 6; các tuyến đường sắt Hà Nội-Lạng Sơn, Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên. Hệ thống giao thông được quan tâm đầu tư, điều kiện giao thông đi lại của nhân dân đã được cải thiện nhiều, đã tạo điều kiện hết sức quan trọng để phát triển kinh tế xã hội của vùng.

Tuy nhiên, hệ thống các tuyến đường này chủ yếu là đường chạy dọc theo hướng Bắc – Nam, hệ thống đường ngang còn ít; chất lượng đường còn thấp nên việc giao lưu giữa các địa phương trong vùng với nhau được thuận lợi. Trong từng địa phương, hệ thống giao thông giữa các huyện, đặc biệt là giữa huyện với các xã, xã với các thôn bản còn khá khó khăn, nhất là trong mùa mưa lũ (riêng tiểu vùng Tây Bắc còn 22 xã chưa có đường ô tô về đến trung tâm xã).

Hệ thống cung cấp điện được tăng cường đầu tư phát triển nhưng chất lượng mạng lưới điện còn thấp.

Hệ thống thủy lợi chủ yếu là những công trình vừa và nhỏ, đang đối mặt với nguy cơ xuống cấp do không được duy tu, bảo dưỡng.

Nước sinh hoạt vẫn là vấn đề nan giải ở một số địa phương, đặc biệt là ở các khu vực núi cao, núi đá vôi của tỉnh Cao Bằng, Hà Giang và một số tỉnh vùng núi cao khác.

Về cơ bản, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của vùng tuy đã được quan tâm đầu tư phát triển, song vẫn còn thiếu lại và lạc hậu. Hệ thống cung cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống trường học, bệnh viện, hệ thống thu gom và xử lý chất thải.v.v, nhìn chung đều thiếu và yếu, thường là thấp hơn mức trung bình chung của cả nước, riêng tiểu vùng Tây Bắc còn tới gần 10% xã chưa có trạm y tế, gần 15% xã chưa có trụ sở kiên cố [14].

3.1.2.4 Đặc điểm phát triển các ngành kinh tế của vùng

Với những đặc thù về vị trí địa lý, địa hình, khí hậu thủy văn, các tỉnh trong vùng TDMN có nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển kinh tế, trên nhiều lĩnh vực. Nhờ có chủ trương và các chương trình đẩy mạnh phát triển kinh tế theo

hướng CNH, HĐH, nhìn chung kinh tế của các tỉnh đều đạt được những thành tựu hết sức quan trọng như: các ngành nghề kinh tế ngày càng đa dạng, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng đất, sử dụng tài nguyên ngày càng được nâng cao, thu nhập và đời sống người dân ngày càng được cải thiện.

Sản xuất nông lâm nghiệp đã bắt đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, đã tạo được một số vùng nông lâm sản hàng hóa tập trung, sản phẩm ngày càng đa dạng, hiệu quả sử dụng đất ngày càng được nâng cao.

Một số lĩnh vực công nghiệp được chú trọng phát triển như: công nghiệp điện, đặc biệt là thủy điện với các nhà máy lớn như Thác Bà, Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu, công nghiệp khai thác khoáng sản, công nghiệp cơ khí, công nghiệp dệt may, công nghiệp chế biến nông, lâm sản... cũng có những bước phát triển.

Trung du và miền núi phía Bắc còn là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái gắn với các danh lam thắng cảnh, các vùng núi cao, các khu rừng bảo tồn và du lịch văn hóa gắn với những nét bản sắc riêng của các dân tộc. Trong những năm gần đây ngành dịch vụ, du lịch trong vùng đã có những bước phát triển mạnh, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển chung của các địa phương.

Tuy nhiên, kinh tế của vùng mặc dù có sự chuyển dịch và phát triển nhanh trong những năm vừa qua nhưng chưa ổn định do xuất phát điểm thấp, nền kinh tế của các tỉnh trong vùng chủ yếu vẫn là kinh tế nông lâm nghiệp.

Tại những vùng núi cao, xa trung tâm, sản xuất còn lạc hậu, chủ yếu là sản xuất nhỏ, phân tán, nhiều vùng sản xuất nông lâm nghiệp còn mang nặng tính tự cung, tự cấp.

Tuy là vùng chiếm tới 28,78% diện tích tự nhiên và 12,87% dân số của cả nước, nhưng giá trị sản xuất nông nghiệp của toàn vùng chỉ chiếm 8,9% trong tổng giá trị của sản xuất nông nghiệp cả nước, còn giá trị của sản xuất công nghiệp và xây dựng chiếm có 2,71% cả nước.

3.1.2.5 Tình hình thu-chi ngân sách địa phương

Tình hình thu – chi NSDP các tỉnh vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011 – 2015 được thể hiện qua bảng 3.2.

Bảng 3.2 Tình hình thu – chi NSDP vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011 – 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tỉnh	Tổng chi ngân sách	Thu ngân sách địa phương		
			Tổng thu	Trong đó	
				Thu cân đối từ NSTW	Tỷ lệ (%)
1	Hà Giang	64.058.467	64.438.518	30.271.685	46,98
2	Cao Bằng	34.439.827	34.461.290	15.832.892	45,94
3	Bắc Cạn	21.424.561	21.949.549	8.731.933	39,78
4	Tuyên Quang	28.666.855	28.889.455	10.393.906	35,98
5	Lào Cai	47.871.892	48.303.878	13.420.633	27,78
6	Yên Bái	27.605.549	38.473.095	9.869.407	25,65
7	Thái Nguyên	42.201.165	42.352.563	10.564.591	24,94
8	Lạng Sơn	37.999.559	38.544.546	17.305.831	44,90
9	Bắc Giang	50.300.442	50.522.909	18.710.470	37,03
10	Phú Thọ	50.161.546	50.191.047	14.635.798	29,16
11	Điện Biên	35.173.236	35.291.647	14.548.102	41,22
12	Lai Châu	34.699.051	35.205.003	14.751.326	41,90
13	Sơn La	50.087.594	50.414.866	21.205.869	42,06
14	Hòa Bình	40.020.818	40.503.476	10.464.217	25,84
Cộng		564.710.562	579.541.842	210.706.660	36,36

Nguồn: Sở Tài chính các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Tình hình thực hiện hoạt động thu NSNN trên địa bàn các tỉnh trong vùng mặc dù có tăng qua các năm nhưng các tỉnh có số thu hưởng theo phân cấp ở địa phương còn thấp, nguồn bổ sung cân đối từ NSTW chiếm 36,36% tổng thu NSDP của các tỉnh. Tất cả các tỉnh đều chưa tự cân đối được nguồn để thực hiện nhiệm vụ chi ở địa phương nên đều có nguồn cân đối từ trung ương. Tỉnh có nguồn bổ sung cân đối từ NSTW cao nhất trong giai đoạn 2011-2015 là Hà Giang với tỷ lệ chiếm 46,98% tổng thu NSDP, thấp nhất là Thái Nguyên với tỷ lệ chiếm 24,94% tổng thu NSDP. Mặc dù, đang trong quá trình thực hiện xây dựng NTM, nhưng nguồn chi đầu tư để phát triển ở địa phương còn thấp.

3.1.3 Những đặc thù vùng nông thôn các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Ngoài các đặc điểm chung của vùng nông thôn cả nước, vùng nông thôn các tỉnh vùng TDMN phía Bắc có một số đặc điểm đặc thù sau:

- TDMN phía Bắc là vùng có mật độ dân số thấp nhất cả nước (124 người/km²). Dân số thưa, sống không tập trung có những ảnh hưởng khá lớn đến vấn đề đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, đến vấn đề phát triển thị trường tại chỗ và vấn đề cung ứng lao động cho phát triển kinh tế xã hội của vùng.

- Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có tỷ lệ người dân sống ở khu vực nông thôn và tỷ lệ lao động nông nghiệp rất cao, có tới 80% lực lượng lao động của vùng đang làm trong ngành nông lâm nghiệp. Mức sống của người dân còn rất thấp, tỷ lệ đói nghèo cao hơn so với mức bình quân cả nước.

- Người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ rất cao (tới 62%) trong tổng số dân cư của vùng. Một bộ phận khá lớn người dân tộc thiểu số trong vùng có trình độ văn hóa chưa cao, nhận thức hạn chế, phong tục tập quán còn lạc hậu.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng những năm gần đây mặc dù đã được Nhà nước chú trọng đầu tư cải thiện nhưng nhìn chung vẫn còn trong tình trạng yếu kém, thiếu thốn, lạc hậu và chưa đồng bộ.

- Kinh tế của vùng còn chưa phát triển, thu nhập của người dân còn thấp, tiềm lực kinh tế của các địa phương trong vùng còn yếu. Ngành nông lâm ngư nghiệp vẫn là ngành có tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế toàn vùng.

- Trình độ của đội ngũ cán bộ công chức cấp cơ sở còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác quản lý. Theo số liệu điều tra năm 2012, vùng Tây Bắc còn 54,6% cán bộ chưa đạt chuẩn về chuyên môn, 28% chưa đạt chuẩn về văn hóa, 66,2% chưa đạt chuẩn về quản lý nhà nước [17].

Những đặc điểm riêng này đã có những ảnh hưởng quan trọng đến công tác triển khai xây dựng nông thôn mới nói chung và công tác huy động, sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới nói riêng.

3.1.4 Những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, KTXH đến huy động và sử dụng NLTC thực hiện chương trình XDNTM vùng trung du và miền núi phía Bắc

3.1.4.1. Những thuận lợi

Vùng TDMN phía Bắc có nhiều tiềm năng về đất đai để phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Đất đai của vùng nhìn chung còn khá rộng, khí hậu nhiệt đới cận ôn đới với mùa đông lạnh của vùng có thể phù hợp với việc phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, có thể tạo các vùng nguyên liệu tập trung để phát triển các khu công nghiệp chế biến.

Vùng TDMN phía Bắc là vùng tập trung khá nhiều loại khoáng sản với chất lượng cao và trữ lượng lớn như than, sắt, kẽm, mangan, các loại kim loại hiếm..., là vùng có tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước, đã tạo cho vùng những cơ sở quan trọng để phát triển một nền công nghiệp mạnh có thể hỗ trợ tốt cho sự nghiệp phát triển toàn diện kinh tế xã hội của vùng.

Vùng TDMN phía Bắc có vị trí địa lý khá đặc biệt, đó là vùng có đường biên giới quốc gia kéo dài trên 2.000 km với nhiều cửa khẩu quan trọng (gồm trên 1.400 km biên giới Việt Trung và hơn 600 km biên giới Việt Lào) thuộc địa phận của 8 tỉnh trong vùng (gồm: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn). Đặc điểm này tạo cho vùng có những thế mạnh quan trọng trong việc phát triển giao lưu thương mại với các nước láng giềng.

Vùng TDMN phía Bắc có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch như phong cảnh hùng vĩ, những nét văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số, nhiều danh lam thắng cảnh, gắn với các di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh nổi tiếng... là một trong những thuận lợi cơ bản để phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ du lịch, tạo thu nhập, việc làm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Vùng TDMN phía Bắc có nguồn lao động khá dồi dào, đồng bào dân tộc có đức tính cần cù chịu khó, có nhiều kinh nghiệm sản xuất trên đất dốc và các nghề thủ công truyền thống, là cơ sở quan trọng để phát triển các ngành nghề mới, phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn.

Ngoài ra, cùng với các chính sách đầu tư phát triển hạ tầng của Nhà nước cho vùng sẽ thu hút được sự đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong vùng. Vì vậy, sẽ thuận lợi cho việc huy động các nguồn lực tài chính dưới mọi hình thức để thực hiện xây dựng NTM của vùng.

3.1.4.2 Những khó khăn

Nhìn chung, khi triển khai chương trình quốc gia về XD NTM, vùng TDMN phía Bắc là vùng có điểm xuất phát thấp nhất cả nước.

TDMN phía Bắc là vùng về cơ bản là vùng có địa hình khá hiểm trở, bị chia cắt mạnh, diện tích rộng, mật độ dân số thấp, dân cư sống khá phân tán, gây khó khăn không nhỏ đối với phát triển kinh tế- xã hội của vùng, nhất là chi phí cho việc xây dựng và hiện đại hoá hệ thống cơ sở hạ tầng, lượng vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng ở vùng này thường đòi hỏi cao hơn so với các vùng khác của cả nước.

Với đặc điểm độ dốc cao, thời tiết khí hậu thường xảy ra nhiều hiện tượng cực đoan như lũ lụt về mùa mưa, hạn hán về mùa khô, sương muối... làm cho việc phát triển kinh tế xã hội của vùng gặp nhiều khó khăn, chi phí khắc phục hậu quả thiên tai khá lớn.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của toàn vùng, đặc biệt là ở các vùng miền núi cao, vùng sâu còn rất thiếu thốn, yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Cơ cấu kinh tế của vùng TDMN phía Bắc về cơ bản vẫn nặng về nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ còn chưa phát triển. Hoạt động sản xuất của nông thôn trong vùng chủ yếu vẫn là thuần nông, quy mô nhỏ, manh mún, năng suất và chất lượng nông lâm sản còn thấp, dẫn đến thu nhập của người dân chưa cao, khả năng huy động nguồn lực tài chính từ cộng đồng rất hạn chế. Tỷ lệ hộ nghèo trong toàn vùng còn khá cao, ở mức 26,7%, thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp nhất cả nước.

Trình độ lao động trong toàn vùng chưa cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế.

Tóm lại, có thể nói, điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của vùng trung du miền núi phía Bắc vừa có những yếu tố thuận lợi, vừa có những yếu tố khó khăn đối với sự phát triển của vùng nói chung và đến kết quả huy động và sử dụng các NLTC để thực hiện XD NTM trong vùng nói riêng.

3.2 Thực trạng triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc

3.2.1 Công tác tổ chức triển khai thực hiện chương trình

Thực hiện các nhiệm vụ do Nghị quyết 26-NQ/TW đề ra, Chính phủ đã có Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 phê duyệt chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới 2010-2020 và đã triển khai thành lập các Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới từ cấp Trung ương đến địa phương.

Tại tất cả các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh đã được thành lập. Các Ban chỉ đạo cấp tỉnh có số lượng trung bình 30 thành viên (trong đó, tỉnh có số thành viên Ban chỉ đạo thấp nhất là Bắc Giang 25 thành viên, tỉnh có số lượng cao nhất là Điện Biên, với 41 thành viên...). Bộ máy quản lý điều hành chương trình xây dựng nông thôn mới được mô tả khái quát trên sơ đồ tại Phụ lục 02.

Ban chỉ đạo cấp tỉnh có văn phòng điều phối và thành lập các tổ công tác giúp việc, ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc được tổ chức như mô tả trên sơ đồ tại Phụ lục 03.

Tại cấp cơ sở là cấp xã, đều thành lập các Ban là: Ban chỉ đạo XD NTM cấp xã, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới, Ban Giám sát cộng đồng.

Giai đoạn đầu, các tỉnh trong vùng đều lựa chọn một số xã để thực hiện thí điểm chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh, sau đó rút kinh nghiệm để triển khai đại trà cho tất cả các xã trong toàn tỉnh.

3.2.2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

3.2.2.1. Kết quả rà soát hiện trạng nông thôn tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc khi bắt đầu thực hiện chương trình (năm 2011)

Vào năm 2011, khi bắt đầu triển khai đại trà chương trình XD NTM, các tỉnh vùng TDMN phía Bắc đã tiến hành rà soát đánh giá thực trạng nông thôn của vùng để làm cơ sở xây dựng Đề án, kế hoạch thực hiện. Căn cứ vào kết quả khảo sát thực tiễn, so sánh đối chiếu với các tiêu chí nông thôn mới, các xã được xếp vào một trong số 5 nhóm như sau:

- Nhóm 1: xã đạt đủ 19 tiêu chí;
- Nhóm 2: xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí;
- Nhóm 3: xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí;
- Nhóm 4: xã đạt từ 5 đến 9 tiêu chí;
- Nhóm 5: xã đạt từ 0 đến 4 tiêu chí.

Kết quả đánh giá, phân nhóm các xã theo thực trạng khi so sánh với mức chuẩn các tiêu chí NTM năm 2011 được tổng hợp trên bảng 3.3.

Qua bảng 3.3 có thể thấy một thực trạng: khi bắt đầu XDNTM, các tỉnh trong vùng hầu hết có điểm xuất phát thấp hơn mức trung bình của các nước.

Toàn vùng, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới rất thấp: Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân 1 xã toàn vùng chỉ là 3,84 tiêu chí/xã, trong khi đó mức đạt chuẩn bình quân cả nước cùng thời điểm là 4,7 tiêu chí/xã. Tỉnh đạt mức cao nhất là Bắc Giang cũng ở mức bình quân là 7,2 tiêu chí/xã, tỉnh đạt mức thấp nhất là Điện Biên, chỉ 1,4 tiêu chí/xã.

Toàn vùng không có xã nào được xếp vào nhóm 1 và nhóm 2 (là các nhóm xã đạt 15 tiêu chí trở lên), trong khi đó có tới 69,53% số xã nằm ở nhóm 5 (xã đạt dưới 5 tiêu chí), tất cả các tỉnh đều có xã không đạt tiêu chí nào.

Tình trạng điểm xuất phát thấp trong xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong thời gian này còn thể hiện trên các khía cạnh: chất lượng nguồn lao động thấp, trình độ dân trí thấp, tập quán lạc hậu vẫn tồn tại, bên cạnh đó còn do nguyên nhân các cấp, các ngành tại một số địa phương còn yếu trong quản lý, điều hành, kỷ cương hành chính trong quản lý chưa nghiêm, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ nhất là cấp xã miền núi còn hạn chế.

Bảng 3.3. Thực trạng mức đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới của vùng khi bắt đầu triển khai Chương trình XDNTM (năm 2011)

Đơn vị tính: Xã

TT	Tỉnh	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Tổng số	Số TC đạt chuẩn BQ/xã
1	Bắc Giang	0	0	24	96	82	202	7,20
2	Phú Thọ	0	0	37	159	51	247	6,51
3	Lào Cai	0	0	3	44	97	144	4,91
4	Thái Nguyên	0	0	10	53	80	143	4,80
5	Hòa Bình	0	0	4	74	113	191	4,40
6	Yên Bái	0	0	0	19	133	152	3,09
7	Bắc Kạn	0	0	0	27	85	112	2,86
8	Tuyên Quang	0	0	2	42	85	129	2,80
9	Lai Châu	0	0	1	17	75	93	2,68
10	Lạng Sơn	0	0	1	22	184	207	2,57
11	Cao Bằng	0	0	3	13	149	165	2,00
12	Hà Giang	0	0	0	23	154	177	1,76
13	Sơn La	0	0	0	8	180	188	1,59
14	Điện Biên	0	0	0	3	95	98	1,40
Tổng số		0	0	85	600	1.563	2.248	3,84
Tỷ lệ (%)		0	0	3,78	26,69	69,53	100	

Nguồn: Văn phòng điều phối XDNTM các tỉnh TDMN phía Bắc

Điểm xuất phát thấp trên nhiều mặt là một khó khăn rất lớn đối với việc triển khai thực hiện chương trình XDNTM của các tỉnh trong toàn vùng.

3.2.2.2. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2011 – 2015

Sau 5 năm triển khai thực hiện đại trà chương trình xây dựng nông thôn mới, toàn vùng đã đạt được những thành tựu lớn trên nhiều mặt. Kết quả phân loại nhóm xã theo số lượng tiêu chí đạt chuẩn NTM của vùng TDMN phía Bắc thời điểm 31/12/2015 được tổng hợp qua bảng 3.4. và hình 3.2.

Qua bảng 3.4 có thể thấy, xét về số lượng tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn, kết quả thực hiện chương trình XD NTM của vùng TDMN phía Bắc là rất rõ ràng.

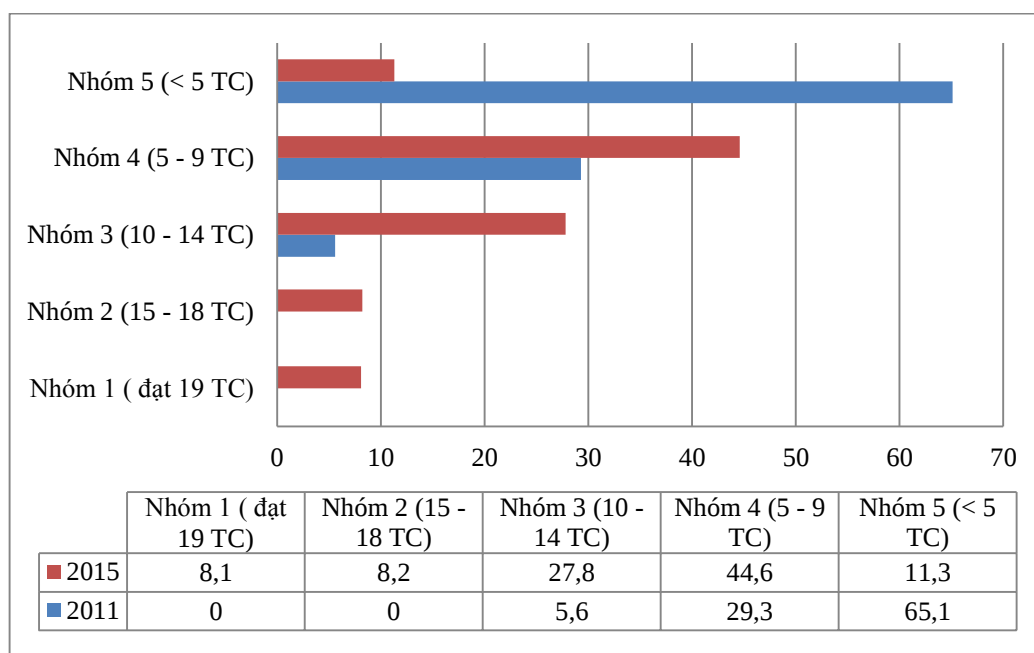
Bình quân toàn vùng, số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới đạt mức 9,3 tiêu chí/xã, tăng 5,46 tiêu chí trong vòng 5 năm.

Bảng 3.4: Phân loại xã theo kết quả số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011		Năm 2015		Tăng giảm		TDP TBQ (%)
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Tổng số xã trong vùng	xã	2.248		2280		32		101,42
2	Số TC đạt BQ một xã	TC	3,84		9,3		5,46		242,19
3	Phân nhóm xã theo số TC đạt chuẩn NTM								
a	Nhóm 1 (đạt 19 TC)	xã	0	0	198	8,1	185	8,1	-
b	Nhóm 2 (15 - 18 TC)	xã	0	0	187	8,2	187	8,2	-
c	Nhóm 3 (10 - 14 TC)	xã	126	5,6	634	27,8	508	22,2	503,17
d	Nhóm 4 (5 - 9 TC)	xã	659	29,3	1016	44,6	357	15,3	154,17
e	Nhóm 5 (dưới 5 TC)	xã	1463	65,1	245	11,3	-1205	-53,8	17,63

Nguồn: Văn phòng điều phối XDNTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Số xã có dưới 5 tiêu chí đạt chuẩn giảm từ 1.463 xã năm 2011 (chiếm 65,1%) xuống còn 258 xã vào năm 2015 (chiếm 11,3% số xã).



Hình 3.2. Biến động tỷ lệ xã theo số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới

Năm 2011, toàn vùng không có xã nào đạt từ 15 tiêu chí trở lên thì đến năm 2015 đã có 185 xã đạt đủ 19 TC và được công nhận xã đạt chuẩn NTM (chiếm 8,1% tổng số xã toàn vùng), có 187 xã đã đạt chuẩn từ 15 đến 18 TC (chiếm 8,2%).

Sau 5 năm triển khai đại trà chương trình, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình theo mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí nông thôn mới được nêu trên bảng 3.5.

Những kết quả thực hiện chương trình XD NTM của vùng thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

Bảng 3.5. Kết quả thực hiện chương trình XDNTM các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2011-2015

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Cả nước		Vùng TDMN phía Bắc		So với cả nước	
			2011	2015	2011	2015	2011	2015
I	Tổng số xã	Xã	8.953	8.935	2.248	2.279		
II	Số tiêu chí đạt chuẩn BQ 1 xã	TC	4,7	12,9	3,84	9,3	-0,86	-3,6
III	Tỷ lệ đạt chuẩn từng tiêu chí							
Quy hoạch								
1	Quy hoạch	%	28,34	98,74	33,41	99,82	5,07	1,08
Hạ tầng kinh tế-xã hội								
2	Giao thông	%	3,23	36,43	1,07	16,14	-2,16	-20,29
3	Thủy lợi	%	15,69	61,37	12,77	46,89	-2,92	-14,48
4	Điện	%	44,76	82,38	28,6	64,56	-16,16	-17,82
5	Trường học	%	12,19	42,12	11,48	28,11	-0,71	-14,01
6	Cơ sở vật chất văn hoá	%	2,3	34,56	2,00	18,77	-0,3	-15,79
7	Chợ nông thôn	%	12,77	57,95	8,41	42,32	-4,36	-15,63
8	Bưu điện	%	48,62	90,9	28,74	77,41	-19,88	-13,49
9	Nhà ở dân cư	%	17,88	61,27	8,05	31,67	-9,83	-29,6
Kinh tế và tổ chức sản xuất								
10	Thu thập	%	8,02	56,48	5,6	31,54	-2,42	-24,94
11	Hộ nghèo	%	11,92	53,36	10,01	34,12	-1,91	-19,24
12	Tỷ lệ LĐ có việc làm TX	%	10,92	85,48	4,4	79,52	-6,52	-5,96
13	Hình thức tổ chức sản xuất	%	41,67	75,73	23,09	53,25	-18,58	-22,48
Văn hóa – Xã hội – Môi trường								
14	Giáo dục	%	23,97	77,86	19,57	60,13	-4,4	-17,73
15	Y tế	%	45,08	67,1	39,37	51,05	-5,71	-16,05
16	Văn hoá	%	33,99	65,61	17,7	41,89	-16,29	-23,72
17	Môi trường	%	6,67	42,38	2,98	13,95	-3,69	-28,43
Hệ thống chính trị								
18	Hệ thống tổ chức CTXH	%	48,05	75,16	49,96	64,39	1,91	-10,77
19	An ninh, trật tự xã hội	%	76,05	93,7	77,05	90,04	1	-3,66

Nguồn: Văn phòng điều phối chương trình NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

+ Về thực hiện công tác quy hoạch: Đây là nội dung đều được các địa phương ưu tiên triển khai thực hiện trước để làm căn cứ thực hiện các nội dung khác trong

việc XDNTM. Ở tiêu chí này, vùng TDMN phía Bắc thực hiện đạt cao hơn so với cả nước, năm 2011 toàn vùng có 33,41% số xã hoàn thành hoạt động xây dựng quy hoạch và phê duyệt đề án nông thôn mới, cao hơn mức chung cả nước 5,07%. Đến năm 2015 có 99,82% số xã hoàn thành quy hoạch, cao hơn cả nước 1,08%.

+ *Về công tác phát triển hạ tầng kinh tế xã hội*: Các tiêu chí trong nhóm này là những tiêu chí về hạ tầng địa phương. Các tiêu chí trong nhóm này gồm: giao thông, thủy lợi, điện, trường, cơ sở vật chất văn hóa, bưu điện, nhà ở dân cư, chợ. Trong nhóm này, tỷ lệ các xã đạt thấp và tăng chậm qua các năm và số xã đạt tăng chậm so với cả nước. Chẳng hạn: Tiêu chí giao thông: Năm 2011, số xã đạt là 1,07% số xã (cả nước là 3,23%); đến năm 2015 mới có 16,145% số xã đạt (cả nước là 36,43%), thấp hơn mức chung cả nước là 20,29%. Tiêu chí nhà ở dân cư: Năm 2011, số xã đạt là 8,05% số xã (cả nước là 17,88%); đến năm 2015 có 31,67% số xã đạt (cả nước là 61,27%), thấp hơn mức chung cả nước là 29,6%; ...tất cả các tiêu chí trong nhóm hạ tầng kinh tế xã hội của vùng đều thấp hơn so với mức chung của cả nước.

+ *Về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập người dân*:

Các tiêu chí nhóm này là những tiêu chí ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân địa phương, gồm các tiêu chí: Thu nhập, hộ nghèo, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, hình thức tổ chức sản xuất. Các xã trong vùng thực hiện các tiêu chí trong nhóm này tốt, số xã đáp ứng được các tiêu chí tăng nhanh. Tuy nhiên, vẫn thấp hơn mức chung của cả nước. Tiêu chí thu nhập: Năm 2011, số xã đạt là 5,6% số xã (cả nước là 8,02%); đến năm 2015 đã có 31,54% số xã đạt (cả nước là 56,48%), thấp hơn mức chung cả nước là 24,94% nhưng đã tăng số xã đạt lên 25,94% so với năm 2011. Tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: Năm 2011, số xã đạt là 4,4% số xã (cả nước là 10,92%); đến năm 2015 có 79,52% số xã đạt (cả nước là 85,48%), thấp hơn mức chung cả nước là 5,96% nhưng số xã đạt tiêu chí này tăng thêm 75,12% so với năm 2011...tất cả các tiêu chí trong nhóm *kinh tế và tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập người dân* của vùng đều thấp hơn so với mức chung của cả nước nhưng tăng đáng kể so với năm 2011.

Về văn hóa - xã hội - môi trường: Nhóm này gồm các tiêu chí: Giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường. Nhóm tiêu chí này ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần của người dân. Ở các xã trong vùng đạt tiêu chí này đều tăng so với năm 2011 nhưng còn chưa cao. Trong đó, tiêu chí về môi trường có số xã đạt thấp nhất, năm 2011 số xã đạt tiêu chí này là 2,98% (cả nước là 6,67%), đến năm 2015 là 13,95% (cả nước là 42,38%) thấp và năm 2015 tăng thêm 10,57% số xã so với năm 2011.

Về hệ thống chính trị: Nhóm này gồm có 2 tiêu chí là: hệ thống tổ chức chính trị xã hội và an ninh, trật tự xã hội. Số xã đạt tiêu chí này ở nhóm cao nhất cả nước. Năm 2011, tỷ lệ số xã đạt 2 tiêu chí này lần lượt là 49,96% và 77,05% nhưng mức độ tăng các xã đạt thì không cao, tính đến thời điểm năm 2015 tăng lần lượt là 14,43% và 12,99%. Tỷ lệ số xã đạt các tiêu chí này đến năm 2015 cũng thấp hơn so với mức chung của cả nước.

Như vậy có thể thấy, tỷ lệ các xã đạt các tiêu chí NTM của vùng hầu hết thấp hơn mức chung của cả nước, trừ tiêu chí về quy hoạch.

Kết quả thực hiện chương trình XDNTM tại 3 tỉnh được chọn nghiên cứu khảo sát là Sơn La, Phú Thọ và Lạng Sơn, được nêu qua phụ lục 04. Phú Thọ là tỉnh có số tiêu chí đạt chuẩn là cao nhất trong 3 tỉnh nghiên cứu, tăng thêm 5,09 tiêu chí so với năm 2011. Ở Sơn La, các tiêu chí đạt được chuẩn đều tăng, trong đó điển hình là tiêu chí quy hoạch (100%), tiêu chí bưu điện (60,11% số xã đạt chuẩn). Riêng tiêu chí về môi trường có số xã đạt thấp nhất, đến năm 2015 chỉ có 4,26% số xã đạt. Ở Lạng Sơn, các tiêu chí đạt ở các xã đều tăng so với năm 2011. Tiêu chí có số xã đạt thêm thấp nhất là trường học và cơ sở vật chất văn hóa, chỉ có thêm 9,66% số xã đạt.

Nhìn chung trong toàn vùng, kết quả thực hiện chương trình XD NTM đã đạt được những thành tựu, tuy nhiên, tiến độ còn chậm, số tiêu chí đạt chuẩn NTM bình quân của vùng còn thấp so mức bình quân của cả nước, đặc biệt là các tiêu chí về hạ tầng KTXH và môi trường. Sau 5 năm triển khai thực hiện chương trình, tình hình kinh tế xã hội của toàn vùng đã có những chuyển biến tích cực, kinh tế toàn vùng đạt mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, thu nhập của người dân nâng cao rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt.

Những thông tin cơ bản về kết quả phát triển kinh tế xã hội của vùng sau 5 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới được nêu trên bảng 3.6.

Bảng 3.6. Một số kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2015	Tốc độ PTBQ (%)
1	Diện tích toàn vùng	Km2	95.264,4	95.266,8	100,00
2	Dân số	Nghìn người	11.290,5	11.803,7	104,55
3	Số xã trong vùng	xã	2.248	2.280	101,42
4	Cơ cấu kinh tế toàn vùng				
A	Nông, lâm, thủy sản	%	34,09	27,0	79,20
B	Công nghiệp, XD CB	%	28,64	34,1	119,06
C	Thương mại dịch vụ	%	36,98	38,9	105,19
5	Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội				
A	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	10	7,5	75,00
B	Thu nhập bình quân đầu người	Ng.đ/tháng	904,6	1.613	178,31
C	Tỷ lệ hộ nghèo	%	26,7	16	59,93

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2011 và năm 2015

Qua 5 năm triển khai XD NTM, tình hình kinh tế của vùng đã có những bước tiến khá rõ nét: cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch đúng hướng, thu nhập bình quân đầu người tăng khá nhanh (1,78 lần).

Trên cơ sở khảo sát 345 hộ dân trên địa bàn 9 xã khảo sát tại 3 tỉnh nghiên cứu điển hình, tỷ lệ các mức đánh giá của người dân về kết quả thực hiện chương trình XDNTM được tổng hợp trên bảng 3.7.

Bảng 3.7. Đánh giá của người dân về kết quả chương trình xây dựng nông thôn mới tại các điểm nghiên cứu

Đơn vị tính: %

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Các mức đánh giá			
		Tốt hơn	Không đổi	Kém hơn	Cộng
1	Điều kiện cơ sở hạ tầng	95,56	3,33	1,11	100
2	Đời sống kinh tế	93,33	6,67	0	100
3	Đời sống xã hội	94,44	5,56	0	100
4	Môi trường	63,66	31,33	5,01	100
Bình quân		86,75	11,72	1,53	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Từ bảng 3.7 cho thấy, trên 86,75 % người dân được hỏi cho rằng kết quả thực hiện chương trình XD NTM trong 5 năm qua đã làm cho mọi mặt đời sống của họ tốt hơn, chỉ có 11,72% cho rằng không có gì thay đổi và cũng còn 1,53% cho rằng kém hơn trước.

Qua đó cho thấy, việc thực hiện XDNTM ở các địa phương là cần thiết và đã mang lại những thay đổi lớn trong đời sống vật chất và tinh thần cho người dân vùng TDMN phía Bắc. Điều này cũng được thể hiện rõ trong các chỉ tiêu phát triển KTXH, thu nhập của người dân trong vùng tăng, tỷ lệ hộ nghèo giảm, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng so với trước khi triển khai chương trình.

Theo kế hoạch của Ban chỉ đạo quốc gia chương trình XD NTM, mục tiêu của vùng TDMN phía Bắc là đạt chỉ tiêu 27,85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới với các chỉ tiêu cụ thể được nêu trên bảng 3.8.

Bảng 3.8. Mục tiêu xây dựng số xã đạt chuẩn nông thôn mới các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2020

TT	Tỉnh	Tổng số xã (xã)	Số xã đạt chuẩn 31/11/2015		Mục tiêu số xã đạt chuẩn đến 2020	
			Số xã (xã)	Tỷ lệ (%)	Số xã (xã)	Tỷ lệ (%)
Toàn vùng		2.280	185	8,11	635	27,85
1	Hà Giang	177	9	5,08	30	16,95
2	Tuyên Quang	129	7	5,43	40	31,01
3	Cao Bằng	177	2	1,13	20	11,30
4	Lạng Sơn	207	13	6,28	72	34,78
5	Lào Cai	144	21	14,58	50	34,72
6	Yên Bái	152	1	0,66	25	16,45
7	Thái Nguyên	142	29	20,42	100	70,42
8	Bắc Kan	112	0	0	25	22,32
9	Phú Thọ	247	19	7,69	57	23,08
10	Bắc Giang	202	34	16,83	80	39,60
11	Hòa Bình	191	31	16,23	76	39,79
12	Sơn La	188	3	1,60	23	12,23
13	Lai Châu	96	15	15,63	30	31,25
14	Điện Biên	116	1	0,86	7	6,03

Nguồn: Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Trung ương

Mặc dù mục tiêu đặt ra của vùng TDMN phía Bắc đặt ra đến năm 2020 có 27,85% số xã toàn vùng đạt chuẩn NTM, thấp hơn so với mục tiêu của cả nước (50%), nhưng với những khó khăn riêng, để phân đấu đạt được mục tiêu này cũng đặt ra những thách thức lớn đối với các tỉnh trong vùng, đặc biệt là vấn đề huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho chương trình này.

Để thực hiện mục tiêu về số xã đạt chuẩn đến năm 2020, các địa phương đã xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng vốn từ các nguồn để thực hiện mục tiêu đã đặt ra phù hợp với đặc thù của địa phương và dựa trên kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2011 – 2015 qua Phụ lục 09.

3.3 Thực trạng huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc

3.3.1. Các văn bản pháp lý về huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc

Để thực hiện theo Nghị quyết số 26-NQ/TU về vấn đề tam nông, Chính phủ đã ban hành các Quyết định số 800/2009/QĐ-TTg, số 491/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 695/QĐ-TTg về thực hiện chương trình XD NTM và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, các ban ngành,... để thực hiện Chương trình XD NTM ở các vùng nông thôn, trong đó có vấn đề huy động và sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện Chương trình này.

Tại 3 tỉnh nghiên cứu điển hình, chính quyền các cấp đều ban hành khá đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung của chương trình XDNTM, trong đó có vấn đề huy động và quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính.

Tại tỉnh Phú Thọ, trong giai đoạn 2011- 2015, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết về hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn mới, UBND tỉnh đã ban hành 06 quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; các sở ngành liên quan đã bám sát các văn bản cấp trên ban hành các hướng dẫn đánh giá tiêu chí do ngành phụ trách.

Cụ thể: Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐND ngày 15/12/2014 về quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động để phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã thuộc chương trình XDNTM tỉnh Phú Thọ, nội dung là hỗ trợ chuyển đổi giống cây trồng và chuyển đổi giống vật nuôi; Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 15/12/2014 về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn mới; Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 về việc hỗ trợ các chương trình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2012-2015 như chương trình sản xuất lương thực, phát triển chè, phát triển thủy sản, phát triển rừng sản xuất và khuyến khích phát triển một số chương trình khác phù hợp với đặc điểm Phú Thọ và một số các văn bản khác,...

Tại Sơn La, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 115/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 (Thay thế 2 nghị quyết của HĐND đã ban hành: số 40/2012/NQ-HĐND và 63/2013/NQ-HĐND) của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ NSNN cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình XDNTM giai đoạn 2015-2020 với mục tiêu huy động đóng góp của người dân phải phù hợp với tính chất từng nội dung, công việc và điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội từng xã, nội dung chính của Nghị quyết là hỗ trợ từ 30-100% chi phí theo dự toán được duyệt cho 11 nội dung. Quyết định 23/2013/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND tỉnh quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh, đảm bảo lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án nhưng không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án đó, tránh chồng chéo nguồn vốn đầu tư. Quyết định 29/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 ban hành quy định cụ thể một số nội dung thực hiện cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh với nội dung quy định 6 công trình được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù: Kiên cố hóa kênh mương; Cấp nước sinh hoạt phân tán; Nhà lớp học mầm non (điểm trường); Nhà lớp học tiểu học (điểm trường); Nhà văn hóa bản; Công trình thể thao bản (sân thể thao). Ban hành thiết kế mẫu, chủ đầu tư chỉ lập phê duyệt dự toán, khuyến khích cộng đồng tự thực hiện (ngoài 6 công trình này, còn có 3 công

trình đường giao thông (trục xã, nội bộ bản, trục chính nội đồng) áp dụng cơ chế quản lý đặc thù theo Quyết định số 05/2014/QĐ-UBND ngày 01/4/2014). Ngoài ra, các sở, ngành ban hành 65 văn bản hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện 19 tiêu chí, thực hiện lập kế hoạch đầu tư và quản lý sử dụng vốn của chương trình.

Tại tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 51/KH-UBND đề hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn và thủy lợi nhỏ năm 2014. Để phân bổ chi tiết vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2013 UBND tỉnh đã ban hành QĐ số 295/QĐ-UBND ngày 12 tháng 03 năm 2013 nhằm phân bổ chi tiết cụ thể cho các công trình cụ thể ở từng xã trong tỉnh với nguồn vốn đầu tư phát triển là 18,399 tỷ cho 21 dự án, 6 tỷ vốn sự nghiệp cho công tác lập quy hoạch của 24 xã và 3,5 tỷ để hỗ trợ phát triển sản xuất của 35 xã trong tỉnh. Để phân bổ vốn TPCP và vốn từ NST thực hiện chương trình XDNTM năm 2014 tỉnh đã ban hành QĐ 239/QĐ-UBND ngày 28/2/2014 phân bổ chi tiết cho 112 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, xã nghèo của huyện nghèo 30a theo hướng lồng ghép ...để tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã theo mục tiêu của chương trình XDNTM. Ưu tiên bố trí cho danh mục các dự án đã được phê duyệt hoặc nằm trong đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt; các dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm 2014; các dự án huy động sự đóng góp của nhân dân và có khả năng huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện,...và một số văn bản khác như: Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 4/9/2013 về việc phê duyệt đề án XDNTM tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán NSNN năm 2015,...

Tại các tỉnh khác trong vùng, UBND các cấp cũng đã ban hành các văn bản phù hợp với đặc thù địa phương trong quá trình huy động và sử dụng các nguồn lực thực hiện XDNTM.

Nhìn chung, văn bản hướng dẫn của các tỉnh trong vùng cơ bản là đầy đủ, đồng bộ, rõ ràng và phù hợp với đặc điểm của tỉnh để thực hiện, tuy nhiên cũng

có một số văn bản hướng dẫn còn được ban hành chậm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nội dung cụ thể của chương trình

3.3.2 Kế hoạch về huy động nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới của vùng trung du miền núi phía Bắc

Chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc cần nguồn lực rất lớn, đặc biệt đối với các nội dung về phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế. Trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước về kinh tế, ngân sách Nhà nước hết sức khó khăn, cho nên bên cạnh nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước các cấp, việc huy động sự đóng góp của các đối tượng ngoài nhà nước cho chương trình XD NTM dưới nhiều hình thức như tiền, đất đai, tài sản, lao động,... là hết sức quan trọng.

Để thực hiện Chương trình XD NTM, các tỉnh trong vùng đều xác định cần phải huy động nguồn vốn từ nhiều kênh khác nhau như: Nhà nước, nhân dân đóng góp, các doanh nghiệp hỗ trợ, các tổ chức tín dụng,... Tuy nhiên, xuất phát điểm của mỗi địa phương là hết sức khác nhau do vậy cần phải có phương án tính toán thận trọng và hợp lý mới huy động được nguồn vốn theo kế hoạch.

Các địa phương đều bố trí nguồn vốn cho chương trình XD NTM lồng ghép từ các chương trình, dự án khác đầu tư vào địa bàn nông thôn, ưu tiên lựa chọn thực hiện trước các công trình thật sự cần thiết, dễ làm, ít tốn kém, huy động được sự đóng góp của người dân và đạt được tiêu chí theo quy định.

3.3.2.1. Huy động các nguồn từ Ngân sách Nhà nước

Tại cấp tỉnh, Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình XDNTM các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc cùng với các Sở: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng và trình UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch cấp vốn hàng năm cho các huyện.

Việc giao kế hoạch vốn hàng năm dựa vào các cơ sở sau đây:

- Kế hoạch thực hiện chương trình XDNTM do các xã xây dựng và thực tế thực hiện các nội dung đến thời điểm lập kế hoạch;
- Nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao hàng năm từ chương trình XDNTM và các chương trình lồng ghép;

- Nguồn lực có khả năng huy động được của các tổ chức, cá nhân cho thực hiện chương trình XDNTM theo kế hoạch.

Sau khi nhận quyết định giao kế hoạch giao vốn phân cấp của UBND tỉnh, UBND huyện phân bổ vốn cho từng xã và cho các chủ đầu tư khác (đối với các dự án xã không làm chủ đầu tư) để thực hiện đầu tư theo kế hoạch XD NTM.

UBND xã chỉ đạo Ban quản lý XDNTM cấp xã phân bổ vốn cho từng dự án, trình HĐND xã thông qua. UBND xã ra quyết định phân bổ vốn cho từng dự án, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước huyện để làm cơ sở giám sát và thanh quyết toán.

3.3.2.2. Huy động từ nguồn ngoài Ngân sách

UBND các xã đứng ra tổ chức huy động, quản lý và sử dụng có sự tham gia của đại diện hộ dân, các tổ chức đoàn thể địa phương để thực hiện huy động các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng kết cấu hạ tầng của xã, công khai mọi thông tin cho dân biết.

Khi xác định mức đóng góp, các địa phương không đóng góp theo bình quân các hộ mà có sự phân tích phù hợp, căn cứ vào thu nhập bình quân và khả năng đóng góp của nhân dân trên địa bàn.

UBND xã tùy theo từng nội dung, dự án, công trình, vận động người dân tham gia đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng của địa phương bằng các hình thức phù hợp, trên cơ sở phát huy dân chủ để người dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp.

Việc huy động sự đóng góp của người dân cho chương trình XD NTM vẫn chủ yếu thực hiện theo hướng dẫn tại Theo Thông tư 85/1999/TT-BTC ngày 7/7/1999 hướng dẫn Nghị định 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 về Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn.

Nguồn huy động của nhân dân được dùng chủ yếu để xây dựng công trình hạ tầng cấp xã, liên thôn gồm: công trình điện, giao thông, trường học, trạm xá xã, các công trình văn hoá, thể thao, hệ thống nước sạch, kênh, mương nội đồng và các công trình khác.

3.3.3. Nội dung, hình thức và tổ chức huy động nguồn lực tài chính

3.3.3.1. Nội dung huy động nguồn lực tài chính ở các địa phương

Thực tiễn các địa phương trong vùng TDMN phía Bắc đều thực hiện huy động nguồn lực tài chính từ tất cả các nguồn: Ngân sách nhà nước và nguồn ngoài Ngân sách nhà nước, bao gồm: huy động đóng góp từ các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng, từ người dân và một số nguồn khác.

Đối với nguồn từ Ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Khoản NSNN trung ương cấp trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới. Mức đầu tư hỗ trợ từ NSTW cho các địa phương được quyết định dựa vào điều kiện KTXH và yêu cầu đầu tư của từng địa phương cụ thể theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương khóa X về tam nông.

- Nguồn vốn lồng ghép của các chương trình mục tiêu quốc gia đang được thực hiện trên địa bàn như chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình,...

- Nguồn tài chính huy động từ quỹ đất: các địa phương đều thúc đẩy việc tạo quỹ đất sạch để đấu giá, tạo nguồn thu vào NSDP để tăng cường nguồn đầu tư.

Đối với nguồn tín dụng, bao gồm tín dụng ưu đãi cho đầu tư phát triển nhà nước và tín dụng thương mại.

Vốn tín dụng ưu đãi được áp dụng cho các hoạt động kiên cố hóa kênh mương, xây dựng đường giao thông, cho vay sản xuất... các doanh nghiệp đầu tư ở các lĩnh vực của nông thôn nếu có hợp đồng xuất khẩu các mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu sẽ được hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011.

Vốn tín dụng thương mại cho XDNTM chủ yếu để tạo nguồn vốn cho việc phát triển các hoạt động SXKD, thực hiện mục tiêu phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Những khoản tín dụng thương mại cho nông nghiệp nông thôn đều được thực hiện theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 12/12/2013 nhằm khuyến khích và thu hút đầu tư của các doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn.

Đối với nguồn huy động từ người dân: các tỉnh đều tổ chức vận động người dân tham gia vào tất cả các nội dung của chương trình theo các mức độ tham gia khác nhau và trên tinh thần “khoan thư sức dân”.

Đối tượng huy động cho từng công trình, dự án cụ thể do UBND xã xác định dựa trên các quy định về đối tượng được miễn giảm, mức tối đa huy động và mục đích sử dụng.

Mức đóng góp của từng đối tượng ngoài NSNN được xác định dựa trên nhu cầu vốn cần huy động của từng hạng mục cho từng giai đoạn, dựa trên quy định về ưu tiên, miễn, giảm cho một số đối tượng và nhu cầu vốn.

Mức đóng góp tùy từng địa phương có thể tính toán dựa trên tiêu thức số nhân khẩu, số lao động, diện tích đất canh tác,... Tiêu thức được lựa chọn là do nhân dân bàn và quyết định.

Sau khi xác định được số lượng đóng góp cho từng gia đình thì các gia đình có thể đóng góp trực tiếp bằng tiền, góp công, vật liệu,...

3.3.3.2 Các hình thức huy động nguồn lực tài chính ở các địa phương

Huy động nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía bắc được huy động dưới nhiều hình thức khác nhau.

Đối với nguồn hỗ trợ từ ngân sách:

Nguồn này bao gồm: nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới; ngân sách địa phương hỗ trợ; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án.

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách TW đầu tư cho nông thôn mới do TW quản lý được cấp (hỗ trợ) dưới hình thức: Nhà nước cấp trực tiếp nguồn vốn cho chương trình (nguồn này chủ yếu là nguồn trái phiếu Chính phủ) và nguồn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu.

Nguồn đầu tư từ ngân sách trung ương được thực hiện theo cơ chế phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách do địa phương quản lý: Giai đoạn 2011-2015 theo quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/09/2010 và quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 cho giai đoạn 2016- 2020.

Nguồn huy động từ người dân chủ yếu thực hiện qua hình thức tuyên truyền, vận động tự nguyện đóng góp. Các khoản đóng góp có thể bằng: tiền mặt, hiện vật (như đất đai, hoa màu và tài sản khác...), ngày công lao động...

Nguồn lực huy động từ các doanh nghiệp được thực hiện thông qua các hình thức như: thực hiện chính sách thu hút và khuyến khích, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các DN đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; vận động các doanh nghiệp trên địa bàn tài trợ trực tiếp cho một số công trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Nguồn lực huy động từ các tổ chức tín dụng hỗ trợ cho chương trình cũng rất đa dạng theo nhiều hình thức như: cho vay đầu tư trực tiếp cho các công trình, dự án trong xây dựng nông thôn mới; trực tiếp hỗ trợ cho một số công trình xây dựng nông thôn mới và cho vay phát triển sản xuất tại các địa phương.

3.3.3.3. Tổ chức huy động nguồn lực tài chính cho XD NTM ở các địa phương

Các khoản đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đều được thực hiện theo kế hoạch và quy trình quản lý Ngân sách nhà nước hiện hành.

Đối với các nguồn huy động ngoài NSNN: Căn cứ kế hoạch triển khai xây dựng nông thôn mới của địa phương, UBND xã sẽ thành lập các “Ban vận động” để thực hiện việc xây dựng phương án và trực tiếp vận động các đối tượng doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, từ người dân... tham gia đóng góp trên tinh thần tôn trọng sự tự nguyện của các đối tượng được vận động đóng góp.

Ban vận động được UBND xã thành lập, thường bao gồm đại diện của Đảng, chính quyền, đoàn thể và đại diện lãnh đạo cấp thôn, nhiệm vụ của ban là tuyên truyền nội dung của chương trình đến cộng đồng, vận động để huy động các nguồn lực tài chính ngoài NSNN để thực hiện chương trình XD NTM.

3.3.4 Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng Trung du và miền núi phía bắc

Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011-2015 được tổng hợp trên bảng 3.9.

Bảng 3.9. Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc đến 31/12/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

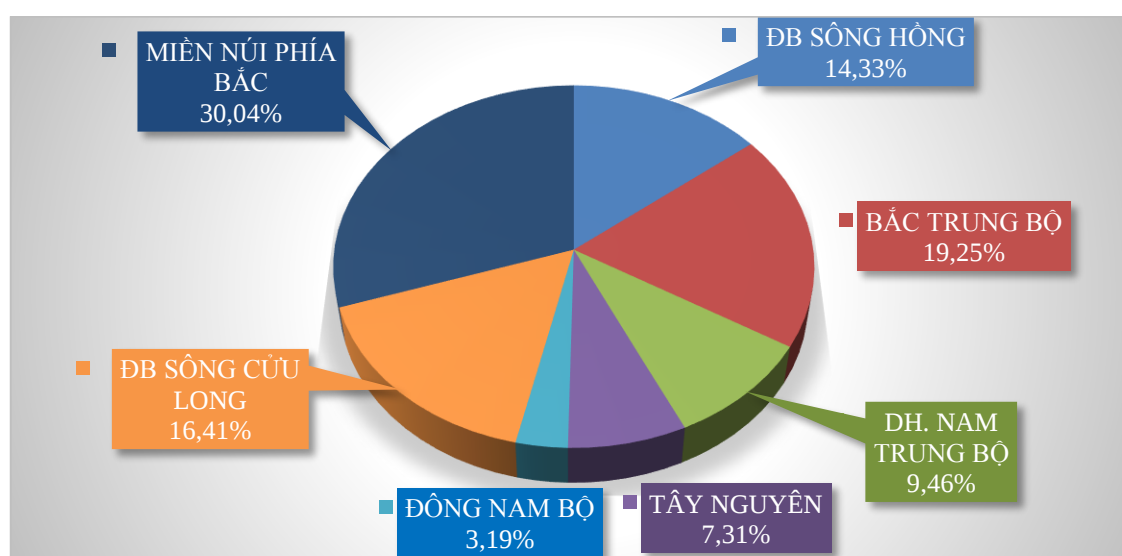
<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>
I	Vốn huy động từ NSNN	61.834.744	38,38
1	Vốn trực tiếp cho chương trình NTM	4.693.643	2,91
<i>a</i>	<i>Vốn TPCP</i>	3.087.000	1,92
<i>b</i>	<i>Vốn Đầu tư phát triển</i>	664.777	0,41
<i>c</i>	<i>Vốn sự nghiệp</i>	941.866	0,58
2	Vốn lồng ghép các chương trình, dự án	49.631.733	30,80
3	Vốn từ ngân sách địa phương	7.509.368	4,66
II	Vốn huy động ngoài NSNN	99.302.350	61,62
1	Huy động từ các DN	13.476.268	8,36
2	Huy động từ các TC tín dụng	65.164.844	40,44
3	Huy động từ người dân	18.179.462	11,28
4	Nguồn huy động khác	2.481.777	1,54
Tổng cộng		161.137.094	100,00

Nguồn: Văn phòng điều phối Nông thôn mới các tỉnh TDMN phía Bắc

Trong giai đoạn thực hiện XDNTM vùng TDMN phía Bắc từ 2011-2015, các tỉnh trong toàn vùng đã huy động được 161.137.094 triệu đồng, trong đó nguồn huy động từ NSNN là 61.834.744 triệu đồng (chiếm 38,38%), từ nguồn ngoài NSNN là 99.302.350 triệu đồng (chiếm 61,62%).

3.3.4.1. Kết quả huy động nguồn lực tài chính từ NSNN

Là vùng có nhiều khó khăn, có điểm xuất phát thấp nên TDMN phía bắc là vùng được Nhà nước hỗ trợ nguồn vốn trực tiếp từ NSTWW để thực hiện chương trình XD NTM ở mức cao nhất so với các vùng khác của cả nước, điều này được thể hiện trên hình 3.3.



Hình 3.3. Tỷ lệ đầu tư từ NSTW cho XDNTM các vùng kinh tế giai đoạn 2011-2015

Bảng 3.9 cũng cho thấy, trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ NSNN TW cho XD NTM tại các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011-2015:

Nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án là nguồn vốn chủ yếu chiếm tỷ trọng cao nhất (30,80%); nguồn huy động từ nội lực ngân sách các địa phương còn thấp, chỉ đạt 7.509.368 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 4,66%.

Nguồn vốn trực tiếp cấp cho chương trình từ NSTW là 4.693.643 triệu đồng chiếm 2,91%, trong đó, nguồn từ trái phiếu chính phủ (TPCP) cấp cho Chương trình là 3.087 tỷ đồng (chiếm 1,92%), vốn đầu tư phát triển chỉ chiếm 0,41%, vốn sự nghiệp chiếm 0,58% tổng vốn huy động.

Nguồn vốn huy động từ ngân sách địa phương chỉ chiếm 4,66% tổng số vốn huy động được, chủ yếu là do khả năng ngân sách của các tỉnh còn rất hạn chế.

Nhìn chung, nguồn vốn huy động từ NSNN cho XD NTM đã có vai trò hết sức quan trọng để thu hút các nguồn vốn khác trong quá trình thực hiện chương trình XD NTM của vùng.

Kết quả huy động vốn từ NSNN cho chương trình XD NTM tại các tỉnh vùng TDMN phía Bắc giai đoạn 2011-2015 được nêu chi tiết trên bảng 3.10

Bảng 3.10. Tình hình huy động vốn từ nguồn NSNN cho XDNTM tại các tỉnh TDMN phía Bắc giai đoạn 2011-2015.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tỉnh	Tổng huy động từ NSNN	Trong đó					
			Vốn trực tiếp		Vốn lồng ghép		Ngân sách ĐP	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hà Giang	1.853.747	377.005	20,34	1.309.522	70,64	167.220	9,02
2	Tuyên Quang	1.924.025	237.677	12,35	1.609.911	83,67	76.437	3,97
3	Cao Bằng	373.586	373.586	100	-	-	-	-
4	Lạng Sơn	2.401.398	381.639	15,89	1.867.948	77,79	151.811	6,32
5	Lào Cai	8.317.183	322.708	3,88	6.394.986	76,89	1.599.489	19,23
6	Yên Bái	3.669.551	283.035	7,71	3.385.416	92,26	1.100	0,03
7	Thái Nguyên	4.313.522	278.535	6,46	1.115.981	25,87	2.919.006	67,67
8	Bắc Kạn	1.283.814	210.210	16,37	1.067.204	83,13	6.400	0,50
9	Phú Thọ	2.614.793	611.420	23,38	1.303.247	49,84	700.126	26,78
10	Bắc Giang	3.089.663	375.039	12,14	1.371.143	44,38	1.343.481	43,48
11	Hòa Bình	5.589.234	367.364	6,57	5.220.770	93,41	1.100	0,02
12	Sơn La	13.958.801	371.436	2,66	13.114.700	93,95	472.665	3,39
13	Lai Châu	5.608.825	216.845	3,87	5.328.000	94,99	63.980	1,14
14	Điện Biên	6.836.602	287.144	4,20	6.542.905	95,70	6.553	0,10
Cộng		61.834.744	4.693.643	7,59	49.631.733	80,27	7.509.368	12,14

Nguồn: Văn phòng điều phối xây dựng NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Bảng 3.10 cho thấy tổng nguồn vốn từ NSNN huy động cho chương trình XDNTM vùng TDMN phía bắc trong 5 năm đạt mức 61.834,744 tỷ đồng. Cơ cấu các nguồn huy động từ NSNN có sự khác biệt khá lớn giữa các tỉnh, cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách trung ương cho XD NTM tại các tỉnh toàn vùng đạt 4.693,6 tỷ đồng (chiếm 7,59% nguồn từ NSNN), trong đó nguồn vốn này đạt mức cao nhất là tỉnh Phú Thọ (611,4 tỷ đồng, chiếm 23,38% tổng nguồn từ NSNN của tỉnh), thấp nhất là tỉnh Bắc Kạn (với mức 210,2 tỷ đồng, chiếm 16,37% tổng nguồn từ NSNN của tỉnh).

- Nguồn huy động từ ngân sách địa phương toàn vùng chỉ đạt 7.509,4 tỷ đồng (chiếm 12,14% tổng nguồn từ NSNN), trong đó Thái Nguyên là tỉnh có nguồn huy động từ ngân sách địa phương cao nhất cả vùng với 2.919 tỷ đồng, thấp nhất là các tỉnh Cao Bằng, Yên Bái, Hòa Bình. Đối với nguồn từ NSDP cho thực hiện chương trình thì phần lớn là huy động từ ngân sách tỉnh, phần đóng huy động từ ngân sách cấp huyện và cấp xã là rất hạn chế.

Theo báo cáo tổng kết 5 năm xây dựng nông thôn mới, phần vốn huy động từ ngân sách cấp xã là rất nhỏ: tỉnh Bắc Giang đạt 713,4 tỷ đồng, Thái nguyên: 142,5 tỷ đồng, Sơn La: 4,221 tỷ đồng, các tỉnh còn lại trong vùng, con số này là không đáng kể. Nguồn huy động từ ngân sách xã cho chương trình XD NTM tại các tỉnh đạt rất thấp bởi nguồn huy động từ ngân sách cấp xã chủ yếu là từ nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất để lại cho các xã, tuy nhiên nguồn huy động này còn rất hạn chế vì các lý do như: đặc thù về địa hình, chủ yếu là diện tích đất xen kẹt trong các khu dân cư, các thủ tục đấu giá phức tạp, giá sàn mà Sở tài chính đưa ra cao hơn so với thực tiễn....

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án toàn vùng đạt mức 49.631,7 tỷ đồng (chiếm 80,27% tổng nguồn vốn từ NSNN), trong đó Sơn La là tỉnh có nguồn huy động từ vốn lồng ghép cao nhất 13.114,7 tỷ đồng, thấp nhất là Bắc Cạn 1.067,2 tỷ đồng. Nguồn vốn này được lồng ghép từ 16 chương trình mục tiêu như: Chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, chương trình y tế, chương trình văn hóa, thông tin, chương trình mục tiêu giáo dục đào tạo, chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình việc làm, dạy nghề, chương trình đưa thông tin về cơ sở miền núi và một số dự án và nhiệm vụ khác,... thực hiện trên địa bàn các tỉnh vùng TDMN phía Bắc. Nguồn này do trung ương phân bổ thông qua việc phê duyệt triển khai các chương trình, dự án mục tiêu hàng năm và giai đoạn, trên cơ sở đó các tỉnh xây dựng kế hoạch lồng ghép để thực hiện các nội dung của chương trình XDNTM. Theo kế hoạch cơ cấu nguồn tài chính XDNTM nêu trong quyết định 800/QĐ-TTg thì nguồn từ chương trình này chiếm khoảng 23% nhưng thực tế trong giai đoạn vừa qua ở vùng TDMN phía Bắc nguồn này chiếm 30,8% tổng nguồn vốn huy động được để thực hiện chương trình.

3.3.4.2. Kết quả huy động nguồn lực tài chính ngoài NSNN

Tình hình và kết quả huy động nguồn vốn ngoài NSNN cho chương trình XD NTM của các tỉnh cụ thể trong vùng TDMN phía Bắc trong giai đoạn 2011-2015 được nêu trên bảng 3.11.

Bảng 3.11. Tình hình huy động vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2011-2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tỉnh	Tổng	Trong đó							
			Huy động từ doanh nghiệp		Huy động từ tín dụng		Huy động từ người dân		Nguồn khác	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hà Giang	781.422	293.979	37,62	221.700	28,37	265.742	34,01		-
2	Tuyên Quang	5.331.780	409.475	7,68	4.066.850	76,28	854.640	16,03	815	0,02
3	Cao Bằng	154.858	45.924	29,66	20.000	12,92	74.807	48,31	14.127	9,12
4	Lạng Sơn	6.839.878	1.087.780	15,90	5.351.257	78,24	-	5,86		-
5	Lào Cai	1.288.875	461.739	35,82	-	-	827.136	64,18		-
6	Yên Bái	2.205.152	189.252	8,58	1.642.000	74,46	373.900	16,96	-	-
7	Thái Nguyên	33.435.744		-	23.954.188	71,64	9.440.025	28,23	41.531	0,12
8	Bắc Kạn	2.227.622	14.232	0,64	2.150.723	96,55	62.667	2,81		-
9	Phú Thọ	3.197.412	743.523	23,25	1.698.000	53,11	755.889	23,64		-
10	Bắc Giang	8.039.803	99.617	1,24	7.018.569	87,30	921.617	11,46		-
11	Hòa Bình	4.102.450	492.990	12,02	1.699.980	41,44	1.733.630	42,26	175.850	4,29
12	Sơn La	30.237.989	9.602.966	31,76	16.065.273	53,13	2.320.296	7,67	2.249.454	7,44
13	Lai Châu	604.000	34.000	5,63	465.000	76,99	105.000	17,38		-
14	Điện Biên	855.366	790	0,09	811.304	94,85	43.272	5,06		-
	Cộng	99.302.350	13.476.268	13,57	65.164.844	65,62	18.179.462	18,31	2.481.777	2,5

Nguồn: Văn phòng điều phối chương trình XD NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Qua bảng 3.11 ta thấy: tổng nguồn vốn ngoài NSNN huy động cho chương trình XDNTM vùng TDMN phía bắc trong 5 năm đạt mức 99.302,35 tỷ đồng.

Cơ cấu các nguồn ngoài NSNN huy động có sự khác biệt khá lớn giữa các tỉnh, cụ thể:

- Nguồn vốn huy động từ các doanh nghiệp cho XD NTM tại các tỉnh toàn vùng đạt 13.467 tỷ đồng (chiếm 13,57% nguồn vốn ngoài NSNN), trong đó nguồn vốn này đạt mức cao nhất là tỉnh Sơn La (9.602,9 tỷ đồng), thấp nhất là tỉnh Điện Biên (790 triệu đồng). Hiện tại, các tỉnh đều đã huy động được sự đóng góp của các DN cho XD NTM nhưng kết quả còn rất thấp, chỉ đạt mức toàn vùng là 8,36% tổng nguồn huy động được, trong khi đó mục tiêu theo QĐ 800/2010/QĐ-TTg là 20%.

- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức tín dụng toàn vùng đạt mức 65.164,844 tỷ đồng (chiếm 65,62% tổng nguồn vốn ngoài NSNN), trong đó Thái Nguyên là tỉnh có nguồn huy động từ tín dụng cao nhất là 23.954,188 tỷ đồng, thấp nhất là Cao Bằng với 20,0 tỷ đồng.

- Nguồn huy động từ người dân trong cộng đồng toàn vùng đạt 18.179,46 tỷ đồng (chiếm 18,31% tổng nguồn ngoài NSNN), trong đó Thái Nguyên là tỉnh có nguồn huy động từ người dân cao nhất cả vùng với 9.440 tỷ đồng, thấp nhất là các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Điện Biên.

Tính đến năm 2015, mỗi người dân nông thôn vùng TDMN phía Bắc đã đóng góp vào chương trình XDNTM số tiền bình quân là 1.882.000 đồng/người, tuy nhiên mức độ huy động đóng góp từ người dân có sự khác biệt rất lớn giữa các tỉnh trong vùng. Số liệu về mức đóng góp bình quân của người dân tại từng tỉnh được nêu trên bảng 3.12.

Qua bảng 3.12 cho thấy, mức huy động đóng góp từ người dân cao nhất là ở tỉnh Thái Nguyên (12.033.000 đồng/người), thấp nhất là tỉnh Điện Biên (93.000 đồng/người).

- Nguồn huy động khác toàn vùng chỉ đạt 3.358 tỷ đồng (chiếm 3,67% tổng nguồn ngoài NSNN), trong đó Sơn La là tỉnh có nguồn huy động từ nguồn này cao nhất cả vùng với 1.124,73 tỷ đồng, các tỉnh Yên Bái, Lạng Sơn, Phú Thọ

không có nguồn này. Đối với nguồn khác, chủ yếu là các khoản đóng góp của người làm ăn xa quê, từ các khoản viện trợ, hỗ trợ,...

Bảng 3.12 Mức đóng góp bình quân đầu người cho thực hiện XDNTM vùng TDMN phía Bắc đến năm 2015

<i>TT</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Số tiền huy động từ người dân (triệu đồng)</i>	<i>Dân số nông thôn năm 2015 (ngàn người)</i>	<i>Mức đóng góp bình quân (ngàn đồng/người)</i>
1	Hà Giang	265.742	681,9	390
2	Cao Bằng	74.807	401,5	186
3	Bắc Cạn	62.667	261	240
4	Tuyên Quang	854.640	657,6	1.300
5	Lào Cai	827.136	519,6	1.592
6	Yên Bái	373.900	630,9	593
7	Thái Nguyên	9.440.025	784,5	12.033
8	Lạng Sơn	400.841	609,1	658
9	Bắc Giang	921.617	1454,7	634
10	Phú Thọ	755.889	1.114,6	678
11	Điện Biên	43.272	465,1	93
12	Lai Châu	105.000	351,4	299
13	Sơn La	2.320.296	1.020,7	2.273
14	Hòa Bình	1.733.630	704,6	2.460
Toàn vùng		18.179.462	9.657	1.882

Nguồn: Văn phòng điều phối XDNTM các tỉnh TDMN phía Bắc

Khối lượng nguồn lực tài chính huy động được cho thực hiện chương trình XD NTM trong 5 năm (2011-2015) tại các tỉnh TDMN phía Bắc tính bình quân cho một xã được tổng hợp trên bảng 3.13.

Từ bảng 3.13 ta thấy: bình quân một xã trong vùng, trong giai đoạn 2011-2015 đã huy động được 70,674 tỷ cho thực hiện chương trình XD NTM, trong đó mức huy động cao nhất toàn vùng là Thái Nguyên (263,981 tỷ đồng/xã), thấp nhất là Cao Bằng (2,986 tỷ đồng/xã).

Vốn từ NSNN cấp cho 1 xã bình quân là 27.121 triệu đồng, cao nhất vùng là Sơn La (74,249 tỷ đồng/xã), thấp nhất là Cao Bằng (2,111 tỷ đồng), trong đó:

- Vốn cấp trực tiếp cho chương trình cho 1 xã bình quân là 2,059 tỷ đồng, nguồn này tỉnh được cấp cao nhất toàn vùng là Lai Châu (3,010 tỷ đồng/xã), thấp nhất là Bắc Giang (1,478 tỷ đồng/xã).

**Bảng 3.13. Kết quả huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới
bình quân cho 1 xã giai đoạn 2011-2015**

Đơn vị tính: triệu đồng/xã

TT	Tỉnh	Số xã năm 2015	Tổng số vốn HD cho 1 xã	Huy động từ NSNN				Huy động ngoài NSNN				
				Cộng	Vốn trực tiếp	Vốn lông ghép	NS địa phương	Cộng	Doanh nghiệp	Tín dụng	Dân đóng góp	Nguồn khác
1	Hà Giang	177	14.888	10.473	2.130	7.398	945	4.415	1.661	1.253	1.501	-
2	Tuyên Quang	129	56.247	14.915	1.842	12.480	593	41.332	3.174	31.526	6.625	6
3	Cao Bằng	177	2.986	2.111	2.111	-	-	875	259	113	423	80
4	Lạng Sơn	207	44.644	11.601	1.844	9.024	733	33.043	5.255	25.851	1.936	-
5	Lào Cai	144	66.709	57.758	2.241	44.410	11.108	8.951	3.207	-	5.744	-
6	Yên Bái	152	38.649	24.142	1.862	22.272	7	14.508	1.245	10.803	2.460	-
7	Thái Nguyên	143	263.981	30.164	1.948	7.804	20.413	233.816	-	167.512	66.014	290
8	Bắc Kạn	110	31.922	11.671	1.911	9.702	58	20.251	129	19.552	570	-
9	Phú Thọ	247	23.531	10.586	2.475	5.276	2.835	12.945	3.010	6.874	3.060	-
10	Bắc Giang	203	54.825	15.220	1.847	6.754	6.618	39.605	491	34.574	4.540	-
11	Hòa Bình	191	50.742	29.263	1.923	27.334	6	21.479	2.581	8.900	9.077	921
12	Sơn La	188	235.089	74.249	1.976	69.759	2.514	160.840	51.080	85.454	12.342	11.965
13	Lai Châu	96	64.717	58.425	2.259	55.500	666	6.292	354	4.844	1.094	-
14	Điện Biên	116	66.310	58.936	2.475	56.404	56	7.374	7	6.994	373	-
Toàn vùng		2.280	70.674	27.121	2.059	21.768	3.294	43.554	5.911	28.581	7.973	1.088

Nguồn: Văn phòng điều phối chương trình XD NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án cấp cho 1 xã bình quân là 21,768 tỷ đồng, nguồn này tỉnh được cấp cao nhất toàn vùng là Sơn La (69,759 tỷ đồng/xã), thấp nhất là tỉnh Cao Bằng không phát sinh nguồn này.

- Nguồn vốn từ NSDP cấp cho 1 xã bình quân là 3.294 triệu đồng, cao nhất toàn vùng là Thái Nguyên (20,413 tỷ đồng/xã), thấp nhất là Cao Bằng, Yên Bái, Hòa Bình.

Vốn huy động được từ các nguồn ngoài NSNN bình quân của 1 xã là 43,554 tỷ đồng, cao nhất toàn vùng là Thái Nguyên (233,816 tỷ đồng/xã), thấp nhất là Cao Bằng (0,875 tỷ đồng/xã):

- Nguồn vốn huy động được từ các doanh nghiệp cho XD NTM bình quân của 1 xã toàn vùng là 5,911 tỷ đồng, cao nhất toàn vùng là Sơn La, thấp nhất là Điện Biên.

- Nguồn vốn huy động được từ các tổ chức tín dụng bình quân 1 xã đạt 28,581 tỷ, trong đó Thái Nguyên là tỉnh có nguồn huy động từ tín dụng cao nhất 167,512 tỷ đồng, thấp nhất là Cao Bằng 113 triệu đồng, Lào Cai chưa huy động được nguồn.

- Nguồn vốn huy động từ người dân cho 1 xã bình quân là 7,973 tỷ đồng, cao nhất là Thái Nguyên với 66,014 tỷ đồng, thấp nhất là Điện Biên (373 triệu đồng/xã), Cao Bằng, Bắc Kạn.

Khi tiến hành khảo sát ý kiến của người dân trên địa bàn nghiên cứu về vấn đề huy động đóng góp của họ cho chương trình XD NTM tại địa phương, kết quả được tổng hợp trên bảng 3.14.

Bảng 3.14 Kết quả khảo sát về mức đóng góp của người dân cho xây dựng nông thôn mới

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số lượng (phiếu)</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1	Tổng số phiếu khảo sát	180	100
2	Tình hình đóng góp		
<i>a</i>	<i>Đã có đóng góp</i>	<i>178</i>	<i>98,89</i>
<i>b</i>	<i>Chưa đóng góp</i>	<i>2</i>	<i>1,11</i>
2	Nhận xét về mức đóng góp		
<i>a</i>	<i>Cao</i>	<i>4</i>	<i>2,25</i>
<i>b</i>	<i>Chấp nhận được</i>	<i>167</i>	<i>93,82</i>
<i>c</i>	<i>Thấp</i>	<i>7</i>	<i>3,93</i>

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả

Qua bảng 3.14 cho thấy, kết quả khảo sát 180 hộ dân thì có 178 hộ đã tham gia đóng góp cho chương trình, chỉ có 2 hộ chưa tham gia đóng góp. Trong số 178 hộ đã tham gia đóng góp thì:

Có 4 hộ (chiếm 2,25%) cho rằng mức họ đã đóng góp là cao so với khả năng của họ, nhưng đây đều do sự đóng góp tự nguyện của các hộ dân.

Có 167 hộ (chiếm 93,82%) cho rằng mức họ đã đóng góp trong thời gian vừa qua là phù hợp với khả năng của họ.

Có 7 hộ (chiếm 3,93%) cho rằng mức họ đã đóng góp trong thời gian vừa qua còn thấp với khả năng của họ và sẽ tiếp tục đóng góp trong thời gian sắp tới.

- Nguồn huy động khác toàn vùng cho 1 xã bình quân là 1.088 triệu đồng (chiếm 3,67% tổng nguồn ngoài NSNN), trong đó Sơn La là tỉnh có nguồn huy động từ nguồn này cho 1 xã bình quân cao nhất cả vùng với 11.965 triệu đồng, các tỉnh Yên Bái, Lạng Sơn, Phú Thọ không có nguồn này.

Qua khảo sát cũng cho thấy, sự tham gia đông đảo của người dân vào thực hiện chương trình XD NTM, trong đó có tham gia đóng góp các nguồn lực là một thành công quan trọng của công tác tổ chức quản lý và triển khai thực hiện chương trình này ở các địa phương. Những thành công này có được trước hết là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất, thường xuyên, liên tục của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của cả hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, do có sự khác nhau về điều kiện kinh tế xã hội, cách thức tổ chức quản lý và triển khai huy động... nên kết quả huy động nguồn lực tài chính cho chương trình của các địa phương trong vùng cũng khác nhau khá xa. Kết quả huy động thấp thường diễn ra ở các xã thuộc vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Tính đến hết năm 2015, tại 3 tỉnh được chọn nghiên cứu điển hình đều cho thấy kết quả huy động NLTC cho XD NTM ở các địa phương có sự khác biệt khá lớn và được thể hiện trên bảng 3.15.

Qua bảng 3.15 cho thấy tại 3 tỉnh nghiên cứu điển hình, các chỉ tiêu kế hoạch về XD NTM có sự khác biệt khá lớn, cụ thể:

Tổng vốn huy động được của 3 tỉnh từ các nguồn cho XD NTM đạt mức 92,02% so với kế hoạch đặt ra nhưng có sự chênh lệch lớn ở các tỉnh nghiên cứu:

trong khi tỉnh Phú Thọ chỉ đạt 14,28% thì 2 tỉnh Sơn La và Lạng Sơn lại đạt mức huy động cao hơn khá nhiều so với kế hoạch đặt ra với mức tương ứng 261,32% và 136,65%.

Bảng 3.15. Kết quả thực hiện kế hoạch huy động NLTC tại các tỉnh nghiên cứu (tính đến hết năm 2015)

Đơn vị tính: tỷ đồng

<i>Tỉnh</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số xã đạt chuẩn NTM (xã)</i>	<i>Vốn đã huy động cho XD NTM</i>				
			<i>Tổng cộng</i>	<i>Từ NSNN</i>	<i>Từ nguồn tín dụng</i>	<i>Từ Doanh nghiệp</i>	<i>Từ cộng đồng</i>
Phú Thọ	Kế hoạch	95	40.716	22.394	8.143	6.107	4.072
	Thực hiện	31	5.812	2.615	1.698	744	756
	TH/KH (%)	32,63	14,28	11,68	20,85	12,17	18,57
Lạng sơn	Kế hoạch	35	6.762	2.705	2.029	1.352	676
	Thực hiện	13	9.240	2.401	5.351	1.088	400
	TH/KH (%)	37,14	136,65	88,77	263,73	80,47	59,17
Sơn La	Kế hoạch	55	16.913	10.994	2.875	2.537	507
	Thực hiện	3	44.197	13.959	16.065	9.603	4.570
	TH/KH (%)	5,45	261,32	126,97	558,78	378,52	901,38
Tổng 3 tỉnh NC	Kế hoạch	185	64.391	36.092	13.047	9.996	5.255
	Thực hiện	47	59.249	18.975	23.114	11.435	5.726
	TH/KH (%)	25,41	92,02	52,57	177,16	114,39	108,97

Nguồn: Văn phòng điều phối XDNTM tỉnh Sơn La, Lạng Sơn, Phú Thọ

Tuy nhiên khi xem xét về kết quả chung thực hiện kế hoạch chương trình XD NTM trên khía cạnh số xã đạt chuẩn NTM đến hết năm 2015 thì tất cả các tỉnh này đều không đạt kế hoạch (chỉ có 47 xã thực tế đạt chuẩn so với 185 xã theo kế hoạch), với tỷ lệ 25,41% so với chỉ tiêu kế hoạch. Lạng Sơn là tỉnh đạt chỉ tiêu này ở mức cao nhất cũng chỉ ở mức 37,14%, thấp nhất là tỉnh Sơn La chỉ ở mức 5,45%.

Về cơ cấu nguồn vốn huy động được cũng có sự khác biệt lớn giữa thực tế với kế hoạch, nguồn huy động từ NSNN đều đạt thấp, bình quân toàn vùng chỉ đạt 52,57% so với kế hoạch, trong khi đó các nguồn khác đều vượt kế hoạch như nguồn vốn tín dụng (177,16%), nguồn huy động từ doanh nghiệp (114,39%) và nguồn huy động từ người dân (114,39%).

Như vậy tình hình thực tiễn tại 3 tỉnh nghiên cứu điển hình cho thấy có sự chênh lệch khá lớn giữa kế hoạch với thực tiễn huy động NLTC, giữa kết quả huy động NLTC với kết quả thực hiện chương trình XD NTM.

Sự khác biệt này do các nguyên nhân chủ yếu là: (i) Chất lượng công tác lập kế hoạch tài chính cho chương trình XD NTM có nhiều bất cập, làm cho kế hoạch chưa sát với thực tiễn, chưa tính hết các tiềm năng có thể huy động tại từng địa phương; (ii) Công tác tổ chức quản lý và triển khai thực hiện công tác huy động có hiệu quả rất khác nhau ở mỗi địa phương, và (iii) Hiệu quả quản lý sử dụng các NLTC huy động được cho chương trình XD NTM còn thấp, thể hiện ở chỉ tiêu số xã đạt chuẩn không đạt mức kế hoạch.

3.3.5 Các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả huy động nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng Trung du và miền núi phía Bắc

3.3.5.1 Khả năng của ngân sách nhà nước

Khả năng của NSNN phụ thuộc chủ yếu vào các khoản thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế, vì vậy khi nền kinh tế phát triển tốt thì ngân sách mới có đủ khả năng đảm bảo đầu tư cho chương trình XD NTM.

Trong giai đoạn 2011-2015, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu vẫn chưa ra khỏi suy thoái và có nhiều bất ổn, kinh tế nước ta cũng chịu rất nhiều ảnh hưởng xấu, mặc dù có tăng trưởng nhưng không đạt được kế hoạch dự kiến.

Sự suy giảm các khoản thu làm cho khoản đầu tư từ NSNN cho chương trình XD NTM chỉ ở mức rất thấp so với kế hoạch.

Nguồn huy động từ NSNN chủ yếu từ 3 nguồn chính: Vốn đầu tư trực tiếp từ NSTW; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại các địa phương; vốn của ngân sách địa phương dành cho chương trình XD NTM.

Trong thực tế, khoản đầu tư từ ngân sách trung ương cho chương trình XD NTM đều trong tình trạng vừa chậm, vừa thiếu so với kế hoạch đặt ra, nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu là do thu ngân sách Nhà nước không đảm bảo kế hoạch, do vậy không có nguồn cân đối cho khoản đầu tư vào chương trình.

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương cho chương trình xây dựng nông thôn mới cũng hết sức khó khăn, luôn thiếu và chậm so với kế hoạch đặt ra. Nguyên nhân chính là do các tỉnh TDMN phía Bắc về cơ bản đều là những tỉnh kinh tế còn chưa phát triển, thu ngân sách thấp, chưa cân đối được thu chi ngân sách trên địa bàn. Bên cạnh đó nguồn tài chính mà các địa phương kỳ vọng từ khai thác quỹ đất công qua đấu giá quyền sử dụng đất trong những năm gần đây lại rất hạn chế, không đạt kế hoạch do thị trường bất động sản đang trong kỳ khủng hoảng, đóng băng và chưa có dấu hiệu phục hồi.

Kết quả khảo sát thực tiễn về nguồn vốn từ NSNN cho chương trình XDNTM tại địa bàn nghiên cứu được nêu trên bảng 3.16.

Bảng 3.16. Đánh giá của người được hỏi về nguồn NSNN cho chương trình xây dựng nông thôn mới

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1	Số người được hỏi	phiếu	165	100
2	Mức độ đáp ứng của nguồn vốn NSNN			
<i>a</i>	<i>Cao hơn nhu cầu</i>	<i>phiếu</i>	13	7,88
<i>b</i>	<i>Đủ nhu cầu</i>	<i>phiếu</i>	47	28,48
<i>c</i>	<i>Không đủ</i>	<i>phiếu</i>	105	63,64
3	Thời gian cấp vốn NSNN			
<i>a</i>	<i>Nhanh</i>	<i>phiếu</i>	18	10,91
<i>b</i>	<i>Đúng kế hoạch</i>	<i>phiếu</i>	38	23,03
<i>c</i>	<i>Chậm</i>	<i>phiếu</i>	109	66,06

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả (2015)

Qua bảng 3.16 cho thấy: đến 63,64% người được phỏng vấn đánh giá nguồn từ NSNN chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện XDNTM trên địa bàn và 63,48% cho rằng thời gian cấp vốn chậm so với kế hoạch đưa ra, chỉ có 25,8% số người được hỏi cho rằng thời gian cấp vốn đúng kế hoạch.

Quan thực tiễn khảo sát thực tiễn ở các địa phương, tình hình chung đều cho thấy nguồn vốn từ NSNN cho chương trình vừa thiếu, vừa chậm, đã làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện chương trình nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động nguồn vốn khác cho thực hiện chương trình.

3.3.5.2. Nhận thức về chương trình xây dựng nông thôn mới

Đây là nhân tố ảnh hưởng lớn đến kết quả huy động NLTC cho chương trình xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Khảo sát cho thấy đa số các địa phương đã quan tâm đến vấn đề tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong cán bộ nhân dân về ý nghĩa, nội dung và các chủ trương của Đảng và Nhà nước về chương trình XD NTM.

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, việc tuyên truyền, phổ biến, vận động trong vùng được nêu trên bảng 3.17.

Có 97,78% người dân đã được nghe về chương trình qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến khác nhau.

Bảng 3.17. Kết quả công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Có biết về chương trình XDNTM	97,78%
2	Hình thức tuyên truyền đã thực hiện	
a	<i>Rất phù hợp</i>	11,01
b	<i>Phù hợp</i>	35,36
c	<i>Chưa phù hợp</i>	53,62
3	Mức độ hiểu về nội dung chương trình XD NTM	
a	<i>Hiểu rõ</i>	16,52
b	<i>Hiểu một phần</i>	68,12
c	<i>Chưa hiểu</i>	15,36
4	Nhận thức về chủ thể của chương trình XD NTM	
a	<i>Người dân</i>	58,55
b	<i>Nhà nước</i>	18,26
c	<i>Chính quyền địa phương</i>	13,33
d	<i>Các đoàn thể</i>	7,25
e	<i>Không biết</i>	2,61

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Về mức độ phù hợp của công tác tuyên truyền thì có đến 53,62% số người được hỏi cho rằng hình thức tuyên truyền là chưa phù hợp với họ.

Với câu hỏi về mức độ hiểu về nội dung của chương trình XD NTM, chỉ có 16,52% người được hỏi cho rằng họ hiểu rõ về chương trình, trong khi đó có đến 68,12% số người mới chỉ hiểu được một phần và 15,36% chưa hiểu gì vấn đề này.

Khi được hỏi về nhận thức của họ về chủ thể của chương trình XD NTM thì có 58,55% người trả lời chủ thể là người dân.

Còn lại 41,45% người được hỏi nhận thức chưa đúng về chủ thể của chương trình, trong đó:

- 18,26% người được hỏi cho rằng chủ thể là Nhà nước
- 13,33% người được hỏi cho rằng chủ thể là chính quyền địa phương
- 7,25% người được hỏi cho rằng chủ thể là các đoàn thể địa phương
- 2,61% người được hỏi trả lời là không biết hoặc cho rằng chủ thể là các đối tượng khác.

Công tác tuyên truyền, vận động trong quá trình XD NTM còn một số tồn tại như sau:

- Việc tuyên truyền, phổ biến, vận động để tăng cường nhận thức của người dân ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, một bộ phận người dân chưa nắm rõ được chủ thể của nông thôn mới là ai, dẫn đến tham gia một cách hoàn toàn thụ động, thậm chí thờ ơ với chương trình này.

- Trong hệ thống chính trị địa phương còn nhiều người có sự nhận thức chưa đầy đủ về chương trình XD NTM, còn có tư tưởng cho rằng nông thôn mới chỉ là các vấn đề nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng, có thể làm nhanh, dẫn đến tư tưởng nóng vội, chủ quan thậm chí duy ý chí của khá nhiều cán bộ địa phương trong khai xây dựng kế hoạch không phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Còn khá phổ biến tư tưởng trông chờ vào nguồn đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, của cấp trên và từ bên ngoài mà không coi trọng việc khai thác sức mạnh nội lực của địa phương trong các nội dung xây dựng nông thôn mới.

3.3.5.3. Các biện pháp huy động nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các địa phương

Việc áp dụng một cách hợp lý các biện pháp có ảnh hưởng rất mạnh đến kết quả huy động các NLTC từ các nguồn ngoài NSNN cho thực hiện chương trình XD NTM các địa phương.

Kết quả khảo sát 345 người tại các địa phương nghiên cứu điển hình về nhận xét của họ đối với các biện pháp áp dụng trong huy động nguồn lực tài chính từ nguồn ngoài NSNN cho chương trình XD NTM được tổng hợp trên bảng 3.18.

Qua bảng 3.18 cho thấy: Đánh giá của người được phỏng vấn về các biện pháp để huy động NLTC từ cộng đồng cho XD NTM của vùng cho rằng:

Bảng 3.18. Đánh giá của người được phỏng vấn về các biện pháp để huy động NLTC từ cộng đồng cho xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung	Tốt		Trung bình		Yếu	
		Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
1	Việc tổ chức họp dân để bàn bạc	122	35,36	144	41,74	79	22,90
2	Công tác vận động của các tổ chức đoàn thể	98	28,41	169	48,99	78	22,61
3	Việc nghiêm túc trong quản lý các khoản đóng góp	146	42,32	118	34,20	81	23,48
4	Sự minh bạch, công khai trong sử dụng vốn	99	28,70	201	58,26	45	13,04
5	Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động	102	29,57	133	38,55	110	31,88
6	Mức độ tự nguyện của người dân	200	57,97	145	42,03	0	0

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả (2015)

- Về việc tổ chức các cuộc họp công đồng để bàn bạc vẫn có 41,74% người đánh giá mức trung bình, 22,9% đánh giá ở mức yếu cho thấy vấn đề này còn chưa đạt được yêu cầu đặt ra.

- Về công tác tham gia vận động của các tổ chức đoàn thể: có 48,99% người đánh giá mức trung bình và 22,61% đánh giá ở mức yếu.

- Về vấn đề đảm bảo tính nghiêm túc trong quản lý các khoản đóng góp (như việc ghi chép, thống kê, báo cáo...) của các đối tượng đóng góp vào chương trình: có 42,32% đánh giá ở mức tốt và 34,2% đánh giá ở mức trung bình.

- Sự minh bạch, công khai trong quá trình sử dụng vốn được đánh giá khá tốt, chỉ có 13,04 % người đánh giá mức thấp.

- Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động: 31,88% người đánh giá ở mức yếu, 38,55% người đánh giá ở mức trung bình.

- Mức độ tự nguyện của người dân tham gia đóng góp trong XD NTM được đánh giá khá tốt, không có ý kiến nào đánh giá ở mức yếu.

3.3.5.4. Môi trường thu hút đầu tư của các địa phương

Nguồn tài chính từ các nhà đầu tư vào nông nghiệp nông thôn là một nguồn vốn hết sức quan trọng để thực hiện các nội dung của chương trình XD NTM, đặc biệt là tiêu chí phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập.

Để huy động được nguồn lực tài chính của các nhà đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân, góp phần đẩy nhanh

tiến độ xây dựng nông thôn mới, các địa phương cần đặc biệt quan tâm việc cải thiện các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư của địa phương mình.

Hiện tại, môi trường đầu tư trong vùng còn có những bất cập thể hiện trên những khía cạnh sau đây:

- Chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ở vùng chưa cụ thể;
- Các tỉnh vùng TDMN phía Bắc có nguồn tài nguyên, nguyên liệu khá phong phú, nhưng việc khai thác lại gặp nhiều khó khăn do địa hình phức tạp;
- Nguồn lao động trong vùng khá dồi dào nhưng chất lượng thấp, thiếu kỹ năng tay nghề, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo khá cao;
- Hệ thống cơ sở hạ tầng chưa phát triển, địa hình phức tạp, chi phí xây dựng cơ bản và chi phí vận chuyển cao;

Kết quả khảo sát 45 doanh nghiệp trên địa bàn về những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp vào khu vực nông thôn vùng TDMN phía Bắc để thực hiện XDNTM được tổng hợp trên bảng 3.19.

Bảng 3.19. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp vào vùng TDMN phía Bắc

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

TT	Chỉ tiêu	Số DN chọn	Tỷ lệ (%)	Các mức đánh giá					
				Tốt	%	TB	%	Kém	%
1	Cơ sở hạ tầng địa phương	45	100	3	6,67	17	37,78	25	55,56
2	Tài nguyên thiên nhiên	40	88,89	26	57,78	11	24,44	8	17,78
3	Chất lượng lao động	37	82,22	4	8,89	26	57,78	15	33,33
4	Chính sách hỗ trợ địa phương	33	73,33	11	24,44	24	53,33	10	22,22
5	Thủ tục hành chính đối với DN	34	75,56	8	17,78	32	71,11	5	11,11
6	Tiếp cận nguồn tín dụng	36	80	5	11,11	29	64,44	11	24,44
7	Điều kiện đất đai của ĐP	35	77,78	2	4,44	21	46,67	22	48,89

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Từ kết quả bảng 3.19 cho thấy:

- 100% số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng hệ thống cơ sở hạ tầng ở địa phương có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ vào khu vực TDMN phía Bắc. Trong đó, có 6,67% doanh nghiệp cho rằng hệ thống cơ sở hạ tầng địa phương đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng, có đến 55,56% đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng địa phương vùng này còn thấp kém, hạn chế.

- Về tài nguyên thiên nhiên, 88,89% số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng nó có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ vào khu vực TDMN phía Bắc. Trong đó, có 57,78% doanh nghiệp cho rằng hệ tài nguyên thiên nhiên phong phú, đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu đầu vào cho DN, có đến 17,78% thì cho rằng tài nguyên thiên nhiên vùng này còn hạn chế, 24,44% đánh giá mức trung bình.

- Về chất lượng lao động địa phương, 82,22% số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng nó có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ. Trong đó, có 57,78% doanh nghiệp cho rằng chất lượng lao động vùng này chưa cao, có đến 33,33% thì cho rằng chất lượng lao động trong vùng thấp.

- Về các chính sách hỗ trợ của địa phương, 73,33% số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng nó có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ vào vùng TDMN phía Bắc. Trong đó, có 53,33% doanh nghiệp cho rằng các tỉnh trong vùng có nhiều chính sách hỗ trợ các DN trong quá trình sản xuất nhưng hỗ trợ chưa sâu.

- Có 75,56% doanh nghiệp cho rằng các thủ tục hành chính có ảnh hưởng lớn quyết định đầu tư của mình vào vùng này, nhưng các thủ tục hành chính hiện nay tuy có nhiều cải tiến nhưng vẫn còn rườm rà.

- Khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng có 80% số DN cho rằng nó ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ, và khả năng tiếp cận nguồn tín dụng ở đây chưa cao, 64,44% doanh nghiệp đánh giá mức trung bình, 24,44% ở mức thấp.

- Có 77,78% số doanh nghiệp cho rằng điều kiện về đất đai của địa phương ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của họ. có 48,89% đánh giá là điều kiện về đất đai còn thấp, 46,67% đánh giá mức trung bình.

3.3.5.5. Sự sẵn lòng tham gia đóng góp của người dân cho chương trình

Để tìm hiểu, phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ sẵn lòng tham gia, đóng góp của cộng đồng thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc, tác giả đã tiến hành khảo sát 345 người qua bảng hỏi trên cơ sở sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để khảo sát ý kiến nhận định của mỗi người về vấn đề này. Mẫu bảng hỏi được nêu trong phần Phụ lục 01.

Trên cơ sở kết quả 345 bảng hỏi thu được, tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA để nhận diện các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những nhân tố đó đến mức sẵn lòng tham gia đóng góp của cộng đồng đối với chương trình này.

Trên cơ sở các số liệu tổng hợp, tác giả tiến hành xử lý số liệu, thực hiện các bước kiểm định và phân tích nhân tố khám phá trên SPSS 22.

Thống kê mô tả các biến quan sát

Kết quả điều tra cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia, đóng góp của cộng đồng vào chương trình XDNTM về từng nội dung được mô tả qua bảng 3.20.

Qua bảng 3.20 cho thấy: với mức trung bình là 3,0 các ý kiến đánh giá của người được hỏi về các khía cạnh có ảnh hưởng tới quyết định tham gia đóng góp của họ có giá trị trung bình nằm trong khoảng 2,788 đến 3,530.

Cột Std. Deviation là sự biến động của các biến quanh giá trị trung bình. Chẳng hạn, biến X11 có giá trị trung bình cộng của những người được hỏi trả lời là 3,142 và những người trả lời xung quanh giá trị trung bình này là 76,26% số người được phỏng vấn.

Bảng 3.20. Thống kê mô tả các biến thang đo thái độ về các nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia, đóng góp của cộng đồng vào chương trình

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Tên biến</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>N</i>	<i>Min</i>	<i>Max</i>	<i>Mean</i>	<i>Std. Deviation</i>
I- Công tác tuyên truyền, phổ biến về chương trình xây dựng nông thôn mới (X1)							
1	Người dân được tuyên truyền, phổ biến và hiểu rõ chủ trương của Nhà nước về chương trình XDNTM	X11	345	1.0	5.0	3.142	.7626
2	Người dân được phổ biến rõ ràng về nội dung, quy mô các hoạt động của đề án XDNTM	X12	345	1.0	5.0	2.971	.7695
3	Người dân được phổ biến rõ ràng về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với XDNTM	X13	345	1.0	5.0	2.959	.7840
4	Các đoàn thể địa phương tham gia vào công tác tuyên truyền, vận động người dân về chương trình XDNTM	X14	345	1.0	5.0	2.942	.8437
II- Hệ thống điều hành thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (X2)							
1	Ban chỉ đạo chương trình xã, thôn có sự chỉ đạo rõ ràng trong quá trình thực hiện	X21	345	1.0	5.0	3.206	.8463
2	Lãnh đạo địa phương quan tâm, có trách nhiệm cao trong việc chỉ đạo thực hiện chương trình XDNTM	X22	345	1.0	5.0	3.412	.7501
3	Cán bộ và ở các đoàn thể ở địa phương gương mẫu trong đóng góp tài chính, công sức, hiến đất...cho chương trình	X23	345	1.0	5.0	3.530	.6558
4	Người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của cán bộ địa phương trong quá trình	X24	345	1.0	5.0	3.235	.8105
III- Cơ chế tham gia của người dân vào quá trình xây dựng nông thôn mới (X3)							
1	Người dân được tham gia các cuộc họp để thảo luận về các vấn đề có liên quan	X31	345	1.0	5.0	2.925	.8423
2	Người dân được tham gia biểu quyết, đóng góp ý kiến về các nội dung của đề án	X32	345	1.0	5.0	2.838	.8775
3	Người dân được tham gia kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các nội dung chương trình XDNTM	X33	345	1.0	5.0	2.812	.8937
4	Người dân được thông tin đầy đủ về kết quả và chất lượng thực hiện các hoạt động	X34	345	1.0	5.0	2.788	.8653
IV- Sự minh bạch trong huy động và sử dụng tiền huy động từ người dân (X4)							
1	Người dân biết rõ nhu cầu vốn cần huy động từ cộng đồng cho chương trình	X41	345	1.0	5.0	2.852	.8916
2	Người dân biết rõ mục đích sử dụng các khoản đóng góp của họ cho chương trình	X42	345	1.0	5.0	2.858	.8827
3	Người dân được tham gia bàn và đóng góp ý kiến về huy động NLTC cho chương trình	X43	345	1.0	5.0	2.820	.9290
4	Người dân được giám sát việc sử dụng NLTC đóng góp cho chương trình	X44	345	1.0	5.0	2.800	.8912

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

Kiểm định chất lượng thang đo: Tiến hành kiểm định chất lượng thang đo bằng kiểm định Cronbach Alpha cho thấy 4 thang đo đều đạt tiêu chuẩn chất lượng. Kết quả kiểm định Cronbach alpha được thể hiện trên bảng 3.21.

Bảng 3.21: Các biến đặc trưng và chất lượng thang đo

<i>TT</i>	<i>Thang đo</i>	<i>Biến đặc trưng</i>	<i>Cronbach Alpha của thang đo</i>
1	X1(Công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung chương trình XDNTM)	X11, X12, X13, X14	0,861
2	X2 (Hệ thống điều hành thực hiện chương trình XDNTM)	X21, X22, X23, X24	0,711
3	X3 (Cơ chế tham gia của người dân vào quá trình XDNTM)	X31, X32, X33, X34	0,896
4	X4 (Sự minh bạch trong huy động và sử dụng tiền huy động từ người dân)	X41, X42, X43, X44	0,895

Nguồn: Kết quả kiểm định thang đo

Phân tích kiểm định cho thấy trị số Cronbach Alpha tổng thể của các thang đo đều lớn hơn 0,6 do vậy thang đo nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới đảm bảo chất lượng tốt.

Thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA

Các phép kiểm định cho EFA từ kết quả khảo sát về mức sẵn lòng tham gia đóng góp của cộng đồng vào quá trình thực hiện chương trình XDNTM gồm:

+ *Kiểm định tính thích hợp của EFA bằng phương pháp kiểm định KMO*

Sử dụng phương pháp kiểm định KMO đối với bảng các nhân tố dự kiến cho kết quả trên bảng 3.22.

**Bảng 3.22. Kiểm định KMO và kiểm định Bartlett
(KMO and Bartlett's Test)**

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,929
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3256,594
	Df	120
	Sig.	0,000

Nguồn: Kết quả chạy SPSS của tác giả

Qua bảng 3.22 cho thấy KMO = 0,929, thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$, vậy có thể kết luận là phân tích nhân tố khám phá là thích hợp để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng tham gia đóng góp của cộng đồng vào Chương trình XDNTM.

+ *Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong thang đo đại diện*

Bảng 3.22 cũng cho thấy qua kiểm định Bartlett có kết quả Sig.< 0,05 nên 16 biến quan sát (từ X11 đến X44) có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

+ *Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố đại diện*

Kết quả kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát được nêu trên bảng 3.23.

Trên bảng 3.23, cột Cumulative cho biết trị số phương sai trích là 66,199%, điều này có nghĩa là 66,199% sự thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến đặc trưng.

**Bảng 3.23. Mức độ giải thích của các biến quan sát
(Total Variance Explained)**

Total Variance Explained									
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	7.380	46.124	46.124	7.380	46.124	46.124	5.362	33.510	33.510
2	2.195	13.718	59.842	2.195	13.718	59.842	3.038	18.990	52.500
3	1.017	6.357	66.199	1.017	6.357	66.199	2.192	13.699	66.199
4	.774	4.839	71.038						
5	.647	4.045	75.082						
6	.574	3.590	78.673						
7	.541	3.380	82.053						
8	.472	2.951	85.004						
9	.389	2.431	87.436						
10	.366	2.289	89.725						
11	.339	2.119	91.843						
12	.331	2.066	93.909						
13	.298	1.860	95.770						
14	.257	1.608	97.378						
15	.216	1.353	98.731						
16	.203	1.269	100.000						
Extraction Method: Principal Component Analysis.									

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

+ *Kết quả của mô hình EFA*

Kết quả của phân tích mô hình EFA lần thứ 1 được thể hiện trên bảng 3.25.

Bảng 3.24 cho biết các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5. Theo mô hình ban đầu, tổng số 16 biến quan sát được sắp xếp thành 4

nhóm yếu tố (từ X1 đến X4), qua bước thực hiện ma trận xoay được sắp lại chỉ thành 3 nhóm nhân tố đại diện.

Như vậy, 3 nhân tố đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ sẵn lòng tham gia đóng góp tài chính cho chương trình XDNTM với các biến đặc trưng của nhân tố được sắp xếp lại như sau:

- Nhân tố 1 (Component 1) bao gồm các biến: X41, X32, X42, X31, X44, X43, X34, X33. Như vậy, các biến ban đầu có liên quan đến cơ chế tham gia của người dân và sự minh bạch trong huy động và sử dụng NLTC huy động từ người dân sau khi phân tích được sắp xếp vào cùng nhân tố. Đặt tên cho nhân tố mới này là F1 (*Cơ chế và sự minh bạch trong huy động, sử dụng NLTC*).

**Bảng 3.24. Ma trận nhân tố xoay
(Rotated Component Matrix^a)**

	<i>Component</i>		
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
X41	.863		
X32	.806		
X42	.800		
X31	.764		
X44	.752		
X43	.740		
X34	.729		
X33	.713		
X12		.796	
X11		.771	
X13		.747	
X14		.671	
X21			.762
X22			.733
X24			.715
X23			.715
Extraction Method: Principal Component Analysis. Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization. ^a			
a. Rotation converged in 5 iterations.			

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

- Nhân tố 2 (Component 2) bao gồm các biến: X12, X11, X13, X14. Các biến này đều có liên quan đến công tác tuyên truyền, vận động tham gia đóng góp cho

chương trình XDNTM. Đặt tên cho nhân tố này là F2: Công tác tuyên truyền, vận động tham gia đóng góp cho chương trình XD NTM.

- Nhân tố 3 (Component 3) bao gồm các biến: X21, X22, X24, X23. Các biến này có liên quan đến hệ thống quản lý, điều hành chương trình. Đặt tên cho nhân tố này là F3: Hệ thống quản lý điều hành chương trình XDNTM.

Các nhân tố F1, F2, F3 cũng được định lượng bằng tính điểm trung bình của các biến quan sát nằm trong nhóm nhân tố đó.

+ *Phân tích hồi quy bội*: Để nhận diện mức độ ảnh hưởng các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia đóng góp tài chính của người dân vào chương trình, mô hình tương quan tổng thể có dạng: $Y = f(F1, F2, F3)$.

Trong đó Y là biến phụ thuộc, F1, F2, F3 là biến độc lập.

Việc xem xét trong các yếu tố từ F1 đến F3, yếu tố nào thật sự tác động đến mức độ tham gia đóng góp tài chính thực hiện chương trình một cách trực tiếp sẽ được thực hiện bằng phương trình hồi quy tuyến tính:

$$Y = b_0 + b_1 F1 + b_2 F2 + b_3 F3 + e_i$$

Trong đó các biến đưa vào phân tích hồi quy được xác định bằng cách tính điểm của các biến nhân với hệ số. Nhân tố thứ i, được xác định $F_i = W_{i1}X_1 + \dots + W_{ik}X_k$. Sử dụng SPSS –Regression Analysis có kết quả được nêu trên bảng 3.25 và 3.26.

Bảng 3.25. Kiểm định hệ số hồi quy (Model Summary)

Model Summary				
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	.725 ^a	.526	.521	.3661
a. Predictors: (Constant), F3, F2, F1				

Nguồn: Kết quả phân tích tương quan hồi quy

Bảng 3.25 cho thấy mô hình có R^2 điều chỉnh là 0,521. Điều này có nghĩa là 52,1% thay đổi của Mức độ sẵn sàng tham gia đóng góp cho chương trình XDNTM được giải thích bởi các biến F1, F2, F3. Còn lại 47,9% là các nhân tố chưa được đưa vào mô hình nghiên cứu.

Bảng 3.26. Hệ số hồi quy (Coefficients)

Coefficients^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	T	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	1.426	.020		72.348	.000		
	F1	.327	.020	.618	16.563	.000	1.000	1.000
	F2	.166	.020	.313	8.389	.000	1.000	1.000
	F3	.114	.020	.215	5.761	.000	1.000	1.000
a. Dependent Variable: Y								

Nguồn: Kết quả phân tích tương quan hồi quy

Bảng 3.26 cho thấy mô hình hồi quy có dạng:

$$Y = 0,327 \cdot F1 + 0,166 \cdot F2 + 0,114 \cdot F3 + 1,426$$

- Cả 3 biến (F1, F2, F3) đảm bảo có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 95% (Significance < 0,05).

- Độ phóng đại phương sai (VIF) nhỏ hơn 2. Như vậy các biến độc lập không có hiện tượng đa cộng tuyến.

- Biến F1 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,327. Điều này có nghĩa là khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về Cơ chế huy động và sự minh bạch trong huy động, sử dụng NLTC thì Mức độ sẵn lòng tham gia đóng góp chung cho chương trình XDNTM tăng thêm 0,327 điểm.

- Biến F2 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,166. Điều này có nghĩa là khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về Công tác tuyên truyền, vận động tham gia chương trình thì mức độ sẵn lòng tham gia đóng góp cho chương trình XDNTM tăng thêm 0,166 điểm.

- Biến F3 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,114. Điều này có nghĩa là khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về Hệ thống quản lý điều hành thì Mức độ sẵn lòng chung tham gia đóng góp cho chương trình XDNTM tăng thêm 0,114 điểm.

Hệ số hồi quy được chuẩn hóa cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập trong mô hình. Các hệ số hồi quy chuẩn hoá có thể được chuyển đổi về dạng phần trăm như được nêu trên bảng 3.27.

Bảng 3.27. Vị trí quan trọng của các yếu tố

T T	Tên yếu tố	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)
1	F1 (Cơ chế huy động và sự minh bạch trong huy động, sử dụng nguồn lực tài chính)	0,327	53,87
2	F2 (Công tác tuyên truyền, vận động tham gia chương trình)	0,166	23,35
3	F3 (Hệ thống quản lý điều hành chương trình)	0,114	22,78
Tổng		0,607	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả SPSS

Thông qua các kết quả trên có thể khẳng định các yếu tố ảnh hưởng đến Mức độ sẵn lòng tham gia, đóng góp của người dân bao gồm:

- F1 (Cơ chế huy động và sự minh bạch trong sử dụng nguồn lực tài chính) với mức độ ảnh hưởng 53,87%;
- F2 (Công tác tuyên truyền, vận động) với mức độ ảnh hưởng 23,35%;
- F3 (Hệ thống quản lý điều hành chương trình) có mức độ ảnh hưởng 22,78%.

3.4. Thực trạng sử dụng nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các tỉnh TDMN phía Bắc

3.4.1. Những quy định về sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh TDMN phía Bắc

3.4.1.1 Đối với nguồn ngân sách nhà nước

Về cơ bản tại các tỉnh TDMN phía Bắc, vốn huy động từ nguồn NSNN cho XD NTM được quản lý và sử dụng theo Quy trình quản lý vốn NSNN theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước 2002 và Luật Ngân sách Nhà nước 2015.

Các quy định về lập kế hoạch vốn NSNN cho xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh trong vùng cụ thể như sau:

+ *Quy trình lập kế hoạch vốn đầu tư:*

UBND cấp xã lập kế hoạch vốn đầu tư theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, Chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách xã gửi UBND xã. UBND cấp xã tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét thông qua.

Kế hoạch vốn đầu tư của xã sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, được gửi đến phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Quy trình phân bổ vốn:

Việc phân bổ vốn cho cả giai đoạn 5 năm và cho từng năm do UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện sau khi có thông báo từ Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ Tài chính. UBND các cấp thực hiện việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước. Sau khi có kế hoạch phân bổ vốn, UBND xã chỉ đạo ban quản lý XDNTM phân bổ cho từng công trình sau đó trình HĐND xã thông qua.

Căn cứ vào dự toán được duyệt, UBND xã thông báo kế hoạch vốn cho thôn và Ban quản lý xã tiến hành thực hiện các thủ tục để triển khai công trình, thực hiện giám sát trong quá trình thi công và nghiệm thu công trình theo quy định.

+ Thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư:

Trong quá trình tham gia với các đơn vị liên quan về kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch đồng thời thực hiện luôn nhiệm vụ thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trước khi các cơ quan trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp có dự án không đủ thủ tục đầu tư, Kho bạc nhà nước không thanh toán và thông báo Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch để trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện xử lý.

+ Quy định về sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho XD NTM:

- Đối với nguồn từ NSNN hỗ trợ trực tiếp cho chương trình XD NTM, các địa phương xây dựng kế hoạch giải ngân hợp lý từ các nguồn để phát huy được cao nhất hiệu quả sử dụng, vì đây là nguồn vốn khởi đầu và mang tính hỗ trợ.

- Đối với nguồn từ NSNN Trung ương và NSNN cấp tỉnh: các địa phương được sử dụng nguồn vốn này để hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động: Công tác quy hoạch; lập Đề án XDNTM của xã; kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo các cấp và bồi dưỡng kiến thức về XDNTM cho các đối tượng, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản xuất và dịch vụ, thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn và các công trình hạ tầng thiết yếu.

- Đối với NSNN cấp huyện: được bố trí làm vốn đối ứng cho các dự án được ngân sách cấp trên hỗ trợ (dự án thuộc trách nhiệm của huyện, thị xã) và thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Đối với nguồn huy động từ ngân sách xã: sử dụng nguồn thu NSX được hưởng (theo phân cấp) để đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án được ngân sách cấp trên hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ khác trong Đề án của xã.

Trong quá trình sử dụng nguồn vốn cho XDNTM, tùy tỷ lệ vốn hỗ trợ cho các công trình, dự án mà vốn đó được quản lý theo những cơ chế khác nhau:

- Đối với công trình mà NSNN hỗ trợ từ 50% trở lên thì việc quản lý sử dụng phải thực hiện theo các quy định của nhà nước (tại Thông tư 86/TT-BTC về Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước ngày 17/06/2011).

- Đối với các công trình sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ chiếm dưới 50% thì Ban Quản lý xã thống nhất với nhà tài trợ để quyết định cơ chế quản lý phần vốn ngoài NSNN này. Việc xây dựng cơ chế quản lý vốn của Ban Quản lý xã và Nhà tài trợ phải đảm bảo công khai, minh bạch, sử dụng có hiệu quả phần vốn NSNN và vốn tài trợ.

+ *Công tác Kiểm tra, giám sát*: Quy chế kiểm tra, thanh tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu đầu tư theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 về quy chế giám sát cộng đồng. Công tác kiểm tra việc quản lý và sử dụng vốn cho XD NTM do các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện như:

UBND các cấp, Ban chỉ đạo XD NTM các cấp, Văn phòng điều phối XDNTM tỉnh, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; cấp huyện, các đoàn thể chính trị, xã hội...

+ *Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:*

Thanh toán, quyết toán vốn đối với các công trình do BQL xã làm chủ đầu tư thực hiện theo Hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/2/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Đối với các công trình mà nhà nước chỉ hỗ trợ vật liệu xây dựng thì UBND tỉnh quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn NSNN hỗ trợ phù hợp với điều kiện địa phương.

Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 231/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán về: số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho Chủ đầu tư. KBNN căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng. KBNN hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán trong hệ thống, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước.

3.4.1.2 Đối với nguồn ngoài ngân sách nhà nước

Việc quản lý vốn ngoài NSNN cho chương trình XD NTM được thực hiện như sau:

+ *Lập kế hoạch vốn:* Trên cơ sở Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã lập kế hoạch vốn của xã trong các năm và cả giai đoạn, gửi đến Ban Chỉ đạo các cấp.

Căn cứ vào các nguồn vốn huy động được, Ủy ban nhân dân xã quyết định thông báo kế hoạch vốn, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) để làm căn cứ chuyển vốn, thanh toán.

+ Quy định về quản lý nguồn vốn ngoài NSNN

Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được quản lý theo các quy định tại Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 – 2015 và theo Quyết định số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009.

Nguồn vốn huy động từ cộng đồng: UBND xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản Tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý mở tại Kho bạc Nhà nước. Các khoản đóng góp bằng hiện vật thì được quản lý Thông tư 75/2008/TT-BTC ngày 28/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

+ Công tác kiểm tra, giám sát:

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện bởi cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, có sự tham gia giám sát của cả cộng đồng.

Ban công tác dân vận ở cơ sở, Ban thường trực ủy ban MTTQ các cấp cùng với các tổ chức thành viên tiến hành giám sát việc thực hiện các quy định về sử dụng các khoản hỗ trợ, đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

+ Nghiệm thu, thanh quyết toán

Đối với những công trình được thực hiện bằng nguồn vốn do cộng đồng đóng góp, cán bộ địa phương tiến hành nghiệm thu và kiểm tra so với tiêu chuẩn kỹ thuật và ghi nhận khoản đóng góp.

Để thực hiện thanh toán vốn, chủ đầu tư các công trình XDNTM xã gửi các tài liệu, hồ sơ và căn cứ để thực hiện dự án cho Kho bạc nhà nước huyện, sau đó KBNN huyện thanh toán cho Chủ đầu tư để trả cho nhà thầu theo hợp đồng.

Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước.

3.4.2. Thực trạng sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới

3.4.2.1 Thực trạng sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước

Nguồn vốn từ NSNN cấp để thực hiện chương trình XD NTM gồm nguồn từ NSTW và từ NSDP. Tại các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc, nguồn từ NSTW cấp trực tiếp cho chương trình XD NTM chiếm 3,1% tổng nguồn vốn, nhưng trong đó 2/3 là nguồn huy động trái phiếu chính phủ (chiếm 2,04% tổng nguồn vốn). Nguồn vốn này được cấp theo kế hoạch đã được phê duyệt trên cơ sở đề xuất của UBND xã và được UBND cấp huyện thông báo cụ thể.

Nguồn vốn sự nghiệp được sử dụng chủ yếu cho công tác tập huấn, tuyên truyền các nội dung của chương trình đến các đối tượng và cho phát triển sản xuất. Các nguồn vốn khác tập trung chủ yếu cho các công trình hạ tầng cơ sở.

Các nguồn vốn được cấp từ NSNN cho chương trình XD NTM của toàn vùng TDMN phía Bắc được tổng hợp trên bảng 3.28.

Bảng 3.28: Tình hình sử dụng nguồn vốn NSNN cho xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tổng số (Triệu đồng)</i>	<i>Tỷ trọng %</i>
1	XD và hoàn thiện quy hoạch	537.962	0,87
2	Phát triển cơ sở hạ tầng KTXH	44.112.906	71,34
3	Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập	9.102.074	14,72
4	Phát triển văn hóa, xã hội, môi trường	5.738.264	9,28
5	Củng cố hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh trật tự	2.343.537	3,79
Cộng		61.834.744	100

Nguồn: Văn phòng điều phối Chương trình NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Qua bảng 3.28 cho thấy các nguồn vốn từ NSNN chủ yếu được ưu tiên sử dụng để thực hiện các nội dung về phát triển kết cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội của vùng, đạt mức 44.112,9 tỷ đồng, chiếm 71,34% tổng nguồn từ NSNN cấp cho chương trình XD NTM của các tỉnh trong vùng. Nguồn kinh phí này được tập trung nhiều nhất cho xây dựng hệ thống giao thông, đây là một thực tế sử dụng nguồn vốn phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng của vùng TDMN phía Bắc còn khá yếu và thiếu so với các vùng khác. Vốn cấp cho mục đích phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập người dân chỉ ở mức 8.795 tỷ đồng, chiếm 14,72%.

Mối liên hệ giữa lượng vốn đầu tư từ NSNN với kết quả XD NTM tại các tỉnh trong vùng được tác giả tính toán và nêu trên bảng 3.29.

Bảng 3.29. Tổng hợp vốn NSNN bình quân cho 1 tiêu chí đạt chuẩn NTM
DVT: Triệu đồng

TT	Tỉnh	Số xã	Vốn từ NSNN	Số vốn NSNN BQ 1 xã	Số TC đạt chuẩn tăng thêm	Số vốn NSNN cho 1 TC tăng thêm
1	Sơn La	188	13.958.801	74.249	4,74	15.664
2	Điện Biên	116	6.836.602	58.936	4,20	14.032
3	Lào Cai	144	8.317.183	57.758	4,45	12.979
4	Lai Châu	96	5.608.825	58.425	8,44	6.922
5	Yên Bái	152	3.669.551	24.142	4,51	5.353
6	Hòa Bình	191	5.589.234	29.263	7,10	4.122
7	Lạng Sơn	207	2.401.398	11.601	3,26	3.559
8	Thái Nguyên	143	4.313.522	30.164	8,70	3.467
9	Bắc Giang	203	3.089.663	15.220	5,50	2.767
10	Bắc Cạn	110	1.283.814	11.671	4,44	2.629
11	Phú Thọ	247	2.614.793	10.586	5,09	2.080
12	Tuyên Quang	129	1.924.025	14.915	7,20	2.072
13	Hà Giang	177	1.853.747	10.473	6,14	1.706
14	Cao Bằng	177	373.586	2.111	5,10	414
Cộng		2.280	61.834.744	27.121		
Bình quân toàn vùng					5,46	4.967

Nguồn: Văn phòng điều phối Chương trình NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Qua bảng 3.29 cho thấy giai đoạn từ năm 2011-2015, bình quân ngân sách nhà nước cấp cho 1 xã trong vùng là 27.121 triệu đồng/xã, trong đó chủ yếu là nguồn vốn lồng ghép của các chương trình, dự án khác.

Số vốn NSNN cấp bình quân cho 1 xã để thực hiện XDNTM đạt mức cao nhất là tỉnh Sơn La với 74.249 triệu đồng/xã, thấp nhất là tỉnh Cao Bằng với 2.111 triệu đồng/xã.

Nếu tính bình quân toàn vùng, để đạt thêm 1 tiêu chí đạt chuẩn NTM, số vốn NSNN cần sử dụng là 4.967 triệu đồng/tiêu chí. Mức chi NSNN cho 1 tiêu chí đạt chuẩn ở cao nhất là tỉnh Sơn La với 15.664 triệu đồng/tiêu chí và thấp nhất là tỉnh Cao Bằng với 414 triệu đồng/tiêu chí.

Trong thực tế của vùng, những địa phương có điều kiện địa hình phức tạp, dân cư phân tán thì mức vốn đầu tư từ NSNN cho 1 tiêu chí đạt chuẩn thường ở mức cao, vì nguồn vốn NSNN ưu tiên chủ yếu cho nội dung hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, đặc biệt là hệ thống đường giao thông.

Trong quá trình quản lý sử dụng nguồn vốn NSNN đầu tư cho chương trình XD NTM, đã xuất hiện những mô hình tốt.

Tỉnh Hòa Bình đã thành lập quỹ phát triển cộng đồng xã. Trong giai đoạn vừa qua, tại 87 xã thuộc 11 huyện, thành phố tại tỉnh Hòa Bình, đã thực hiện 1.380 hạng mục công trình sử dụng nguồn quỹ ngân sách phát triển xã với tổng giá trị quyết toán 50,7 tỷ đồng (trong đó người dân đóng góp là 18,2 tỷ đồng). Các công trình nhỏ và đơn giản được hỗ trợ bởi nguồn ngân sách phát triển xã chủ yếu làm kênh mương thủy lợi và đường giao thông nông thôn, ngoài ra còn có một số công trình tu sửa trường, nước sinh hoạt, nhà văn hóa, sân phơi nông sản. Công trình sử dụng nguồn quỹ ngân sách phát triển XDNTM được các xã hoàn toàn chủ động từ khâu lập kế hoạch, thiết kế, lập dự toán, cho tới việc theo dõi, giám sát tiến độ thi công, thanh quyết toán tại KBNN. Công trình sử dụng nguồn ngân sách phát triển xã cho cả các công trình từ thôn xóm. Sau khi được xã thông báo nguồn ngân sách phát triển xã hỗ trợ cho xóm, người dân trong xóm tự bàn bạc hình thức và số lượng đóng góp bằng công lao động hoặc hiến đất, khai thác vật liệu địa phương làm công trình. Hầu hết công trình sử dụng này do cộng đồng, thợ địa phương tự thi công.

Tỉnh Hà Giang cũng thành lập các quỹ phát triển cộng đồng ở thôn, xã để hỗ trợ quá trình thực hiện các công trình XDNTM và hỗ trợ người dân còn gặp khó khăn vay vốn với lãi suất thấp,...Quỹ này được thành lập từ các nguồn NSNN cấp, nguồn đóng góp của người dân, hỗ trợ của các tổ chức,...Quỹ phát triển cộng đồng xã, được sử dụng để chi hỗ trợ cho Quỹ phát triển thôn; cho các hộ, nhóm hộ trên địa bàn xã vay để phát triển sản xuất kinh doanh; hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nghèo trong trường hợp hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh; Chi trả khoản bảo dưỡng, duy trì các công trình giao thông, thủy lợi, kênh mương và bảo vệ rừng...Quỹ phát triển cộng đồng còn góp phần tích cực vào việc phát triển đời sống

xã hội bền vững ở cơ sở như: Thu hút sự tham gia của người dân trong việc xây dựng, quản lý và phát triển trong cộng đồng dân cư ở nông thôn, nhất là đối với việc xây dựng nông thôn mới.

Theo đánh giá của 345 người được hỏi về mức độ sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước cấp trong giai đoạn vừa qua được thể hiện qua bảng 3.30.

Bảng 3.30: Kết quả phỏng vấn đánh giá về quản lý sử dụng vốn NSNN cho xây dựng nông thôn mới

TT	Chỉ tiêu	Mức tốt		Mức trung bình		Mức kém	
		Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN	332	96,23	7	2,03	6	1,74
2	Đảm bảo sử dụng vốn đúng theo KH	309	89,57	27	7,83	9	2,61
3	Đảm bảo tính hợp lý trong sử dụng vốn	331	95,94	6	1,74	8	2,32
4	Đảm bảo đúng quy định của pháp luật	340	98,55	5	1,45	0	0,00
5	Đảm bảo tính hợp lý của các thủ tục	175	50,72	137	39,71	33	9,57

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả năm 2015

Kết quả trên bảng 3.30 cho thấy nhìn chung việc sử dụng các nguồn vốn từ NSNN được đánh giá tốt:

Về tính minh bạch trong sử dụng vốn thì 96,23% số người đánh giá là tốt, chỉ có 2,03% người đánh giá ở mức trung bình và 1,74% mức yếu.

Đối với nội dung đảm bảo sử dụng vốn theo đúng kế hoạch: có 89,57% số ý kiến đánh giá ở mức tốt, chỉ 2,63 % đánh giá ở mức kém.

Về tính hợp lý trong sử dụng vốn: 95,94% số người đánh giá là đảm bảo tốt, chỉ 1,74% người đánh giá ở mức bình thường và 2,32% người đánh giá yếu.

Về việc đảm bảo đúng quy định của pháp luật: 98,55% người đánh giá là tốt, và không có người nào đánh giá mức yếu.

Tuy nhiên, đối với tính hợp lý của các thủ tục: chỉ có 50,72% số người được hỏi đánh giá là tốt, còn có 39,71% đánh giá mức trung bình và có 9,57% đánh giá chưa hợp lý.

Như vậy có thể thấy về cơ bản, việc quản lý sử dụng các nguồn lực từ NSNN được đánh giá là tốt, đảm bảo minh bạch, hợp lý, đúng kế hoạch và thực hiện theo đúng pháp luật.

3.4.2.2 Thực trạng sử dụng nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước

Tính hình sử dụng nguồn vốn ngoài NSNN tại các tỉnh trong vùng cho các nội dung của chương trình XD NTM được tổng hợp trên bảng 3.31.

Bảng 3.31: Tình hình sử dụng nguồn vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng TDMN phía Bắc

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tổng số (Triệu đồng)</i>	<i>Tỷ trọng %</i>
1	XD và hoàn thiện quy hoạch	993	0,001
2	Phát triển cơ sở hạ tầng KTXH	71.453.999	71,956
3	Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập	23.152.343	23,315
4	Phát triển văn hóa, xã hội, môi trường	4.635.434	4,668
5	Củng cố hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh trật tự	59.581	0,06
Cộng		99.302.350	100

Nguồn: Văn phòng điều phối Chương trình NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Qua bảng 3.31 cho thấy các nguồn vốn ngoài NSNN huy động được sử dụng cho tất cả các nội dung của Chương trình XD NTM, trong đó chi để thực hiện các nội dung về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của vùng là chủ yếu, chiếm 71,956% tổng nguồn ngoài NSNN huy động được.

Do đặc thù về địa hình và tình hình phát triển thực tế ở địa phương, hệ thống cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, yếu kém nên khi huy động vốn để thực hiện các công trình hạ tầng ở địa phương, đặc biệt hệ thống giao thông đã nhận được sự tham gia đóng góp nhiệt tình của các đối tượng.

Sử dụng nguồn vốn ngoài NSNN cho mục đích phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập người dân đạt mức 23.152.343 triệu đồng, chiếm 23,315%. Nguồn vốn này chủ yếu được hình thành từ các khoản đầu tư tín dụng ưu đãi cho nông dân để phát triển sản xuất.

Mức độ sử dụng nguồn vốn ngoài NSNN để có được thêm 1 tiêu chí đạt chuẩn NTM của các tỉnh trong vùng được tính toán trên bảng 3.32.

Qua bảng 3.32 cho thấy giai đoạn từ năm 2011-2015, bình quân nguồn ngoài ngân sách nhà nước cấp cho 1 xã trong vùng là 43.554 triệu đồng/xã, trong đó chủ yếu là nguồn vốn tín dụng hỗ trợ cho chương trình.

Bảng 3.32: Mức sử dụng vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc

ĐVT: triệu đồng

<i>TT</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Số xã</i>	<i>Vốn ngoài NSNN</i>	<i>Vốn ngoài NS BQ 1 xã</i>	<i>Số TC tăng thêm</i>	<i>Số vốn ngoài NS cho 1 TC tăng thêm</i>
1	Sơn La	188	30.237.989	160.840	4,74	33.933
2	Thái Nguyên	143	33.435.744	233.816	8,70	26.875
3	Lạng Sơn	207	6.839.878	33.043	3,26	10.136
4	Bắc Giang	203	8.039.803	39.605	5,50	7.201
5	Tuyên Quang	129	5.331.780	41.332	7,20	5.741
6	Bắc Kạn	110	2.227.622	20.251	4,44	4.561
7	Yên Bái	152	2.205.152	14.508	4,51	3.217
8	Hòa Bình	191	4.102.450	21.479	7,10	3.025
9	Phú Thọ	247	3.197.412	12.945	5,09	2.543
10	Lào Cai	144	1.288.875	8.951	4,45	2.011
11	Điện Biên	116	855.366	7.374	4,20	1.756
12	Lai Châu	96	604.000	6.292	8,44	745
13	Hà Giang	177	781.422	4.415	6,14	719
14	Cao Bằng	177	154.858	875	5,10	172
Cộng toàn vùng		2.280	99.302.350			
Bình quân toàn vùng				43.554	5,46	7.977

Nguồn: Văn phòng điều phối Chương trình NTM các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Số vốn huy động từ nguồn ngoài NSNN bình quân cho 1 xã trong vùng để thực hiện XDNTM cao nhất là Thái Nguyên 233.816 triệu đồng/xã, thấp nhất là Cao Bằng với 154.858 triệu đồng/xã.

Nếu tính bình quân toàn vùng, để đạt thêm 1 tiêu chí đạt chuẩn NTM, số vốn ngoài NSNN cần sử dụng là 7.977 triệu đồng/tiêu chí. Mức chi từ nguồn ngoài NSNN cho 1 tiêu chí đạt chuẩn ở cao nhất là tỉnh Sơn La với 33.933 triệu đồng/tiêu chí và thấp nhất là Cao Bằng với 172 triệu đồng/tiêu chí.

Theo đánh giá của 345 đối tượng sát về mức độ sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cấp trong giai đoạn vừa qua được thể hiện qua bảng 3.33.

Kết quả trên bảng 3.33 cho thấy nhìn chung việc sử dụng các nguồn vốn ngoài NSNN được đánh giá tốt: Về tính minh bạch trong sử dụng vốn thì 76,23% số người đánh giá tốt, có 23,77% người đánh giá mức trung bình.

Đối với nội dung đảm bảo sử dụng vốn theo đúng kế hoạch: có 93,04% số ý kiến đánh giá là mức tốt, chỉ 2,9 % đánh giá ở mức kém, 4,06% mức trung bình.

Bảng 3.33: Kết quả phỏng vấn đánh giá về quản lý sử dụng vốn ngoài NSNN cho xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc

T T	Chỉ tiêu	Mức tốt		Mức trung bình		Mức kém	
		Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Sự minh bạch trong sử dụng vốn ngoài NSNN	263	76,23	82	23,77	0	0,00
2	Đảm bảo sử dụng vốn đúng theo KH	321	93,04	14	4,06	10	2,90
3	Đảm bảo tính hợp lý trong sử dụng vốn	235	68,12	104	30,14	6	1,74
4	Đảm bảo sử dụng đúng quy định của pháp luật	338	97,97	7	2,03	0	0,00
5	Đảm bảo tính hợp lý các thủ tục	287	83,19	43	12,46	15	4,35

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát của tác giả năm 2015

Về tính hợp lý trong sử dụng vốn: 68,12% số người đánh giá là đảm bảo tốt, 30,14% người đánh giá ở mức bình thường và 1,74% mức yếu.

Về việc đảm bảo đúng quy định của pháp luật: 97,97% người đánh giá là tốt, và không có người nào đánh giá mức yếu.

Đối với tính hợp lý của các thủ tục: có tới 83,13% số người được hỏi đánh giá là tốt, có 12,46% đánh giá mức trung bình và 4,35% đánh giá kém.

Như vậy có thể thấy về cơ bản, việc quản lý sử dụng các nguồn lực ngoài NSNN được đánh giá là tốt, đảm bảo minh bạch, hợp lý, đúng kế hoạch và thực hiện theo đúng pháp luật.

3.4.3 Kết quả sử dụng nguồn lực tài chính cho thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc

Tính đến thời điểm 31/12/2015, lượng vốn bình quân thực tế sử dụng để đạt được 1 tiêu chí đạt chuẩn NTM tăng thêm của vùng TDMN phía bắc được nêu trên bảng 3.34.

Bảng 3.34: Kết quả tổng hợp về sử dụng nguồn lực tài chính trong xây dựng nông thôn mới trong vùng trung du và miền núi phía Bắc

TT	Tỉnh	Số xã	Số xã đạt chuẩn (xã)	Số vốn sử dụng cho XD NTM (tr.đ)			Số vốn sử dụng BQ 1 xã (tr.đ)	Số tiêu chí đạt chuẩn tăng thêm (TC/xã)	Số vốn sử dụng BQ cho 1 TC đạt chuẩn tăng thêm (tr.đ/TC)
				Tổng số vốn sử dụng	Tổng vốn huy động	Số nợ động			
1	Sơn La	188	3	44.267.760	44.196.790	70.970	235.467	4,74	49.677
2	Thái Nguyên	143	40	38.378.095	37.749.266	628.829	268.378	8,70	30.848
3	Điện Biên	116	1	7.738.284	7.691.968	46.316	66.709	4,20	15.883
4	Lào Cai	144	21	9.606.058	9.606.058		66.709	4,45	14.991
5	Lạng Sơn	207	13	9.403.515	9.241.276	162.239	45.428	3,26	13.935
6	Bắc Giang	203	34	11.319.275	11.129.466	189.809	55.760	5,50	10.138
7	Yên Bái	152	1	5.875.858	5.874.703	1.155	38.657	4,51	8.571
8	Tuyên Quang	129	7	7.258.558	7.255.805	2.753	56.268	7,20	7.815
9	Lai Châu	96	15	6.212.825	6.212.825		64.717	8,44	7.668
10	Hòa Bình	191	31	9.780.529	9.691.684	88.845	51.207	7,10	7.212
11	Bắc Kạn	110	0	3.520.662	3.511.436	9.226	32.006	4,44	7.209
12	Phú Thọ	247	19	6.012.110	5.812.205	199.905	24.341	5,09	4.782
13	Hà Giang	177	11	2.812.369	2.635.168	177.201	15.889	6,14	2.588
14	Cao Bằng	177	2	605.196	528.444	76.752	3.419	5,10	670
Cộng toàn vùng		2.280	198	162.791.094	161.137.094	1.654.000			
Bình quân 1 xã				71.400	70.674	725	71.400	5,46	13.077

Nguồn: Văn phòng điều phối XDNTM các tỉnh vùng TDMN phía bắc

Qua bảng 3.34 cho thấy, giai đoạn từ năm 2011-2015, vốn đầu tư bình quân cho 1 tiêu chí đạt chuẩn tăng thêm cả vùng là 13.077 triệu đồng. Vốn đầu tư bình quân cho 1 tiêu chí đạt chuẩn tăng thêm cao nhất cả vùng là Sơn La với 49.677 triệu đồng/tiêu chí đạt. So với các tỉnh khác, Sơn La có diện tích rộng lớn nhất vùng, người dân sống thưa thớt, số tiêu chí đạt trung bình ban đầu thấp nhất cả nước nên để đầu tư vào mỗi tiêu chí sẽ cao. Vốn đầu tư bình quân cho 1 tiêu chí đạt chuẩn tăng thêm thấp nhất cả vùng là Cao Bằng với mức 670 triệu đồng/1 tiêu chí tăng thêm.

Tổng nguồn vốn sử dụng cho chương trình cả vùng là 162.791 tỷ đồng nhưng mới huy động được 161.137 tỷ đồng, còn nợ đọng 1.654 tỷ đồng.

Trong vùng, số vốn sử dụng bình quân cho 1 xã trong vùng từ cả nguồn trong và ngoài NSNN là 71.400 triệu đồng nhưng mới huy động được bình quân là 70.674 triệu đồng, 1 xã còn nợ đọng XD CB bình quân là 725 triệu đồng.

Qua bảng 3.35 ta thấy, khi thực hiện chương trình đến hết năm 2015, toàn vùng có số nợ đọng XD CB là 1.654 tỷ đồng, chiếm 10,8% số nợ đọng cả nước, đứng thứ 3 trong các vùng kinh tế có nợ đọng.

Trong số 14 tỉnh trong toàn vùng thì có tới 12 tỉnh có nợ đọng trong XD NTM, chỉ có 2 tỉnh là Lai Châu và Lào Cai không có nợ đọng. Mức nợ đọng bình quân cho các xã có nợ đọng cả vùng và tính trên bình quân đầu người vùng nông thôn các tỉnh trong vùng được thể hiện qua bảng 3.35.

Qua bảng 3.35 ta thấy số xã có nợ đọng trong vùng là 706/2.280 xã (chiếm 30,96% số xã trong vùng XD NTM có nợ đọng). Số nợ đọng bình quân trên 1 xã có nợ là 2.343 triệu đồng/xã, cao nhất là ở Cao Bằng với mức bình quân 5.117 triệu đồng/xã có nợ đọng, ngoài Lào Cai và Lai Châu không phát sinh nợ đọng thì Tuyên Quang mức nợ bình quân là thấp nhất 172 triệu đồng/xã. Nếu tính bình quân mức nợ đọng trên đầu người dân nông thôn là 171 nghìn đồng/người dân nông thôn, nếu không tính cho người dân ở Lào Cai và Lai Châu thì mức bình quân này là 188 nghìn đồng/người, con số này cao nhất là ở Thái Nguyên (801,57 nghìn đồng/người), thấp nhất là Tuyên Quang (4,19 nghìn đồng/người).

Bảng 3.35. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản bình quân

TT	Tỉnh	Tổng số xã (Xã)	Số nợ	Nợ đọng bình quân xã có nợ đọng		Nợ đọng bình quân đầu người nông thôn	
				Xã có nợ đọng	BQ/ xã	Dân số nông thôn 2015	BQ/ đầu người nông thôn
Đơn vị tính		Xã	(Triệu đồng)	Xã	Triệu đồng/xã	Nghìn người	(Nghìn đồng/người)
1	Hà Giang	177	177.201	106	1.672	681,9	259,86
2	Cao Bằng	177	76.752	15	5.117	401,5	191,16
3	Bắc Cạn	110	9.226	2	4.613	261	35,35
4	Tuyên Quang	129	2.753	16	172	657,6	4,19
5	Lào Cai	144				519,6	-
6	Yên Bái	152	1.155	2	578	630,9	1,83
7	Thái Nguyên	143	628.829	130	4.837	784,5	801,57
8	Lạng Sơn	207	162.239	39	4.160	609,1	266,36
9	Bắc Giang	203	189.809	50	3.796	1454,7	130,48
10	Phú Thọ	247	199.905	200	1.000	1114,6	179,35
11	Điện Biên	116	46.316	45	1.029	465,1	99,58
12	Lai Châu	96				351,4	-
13	Sơn La	188	70.970	73	972	1020,7	69,53
14	Hòa Bình	191	88.845	28	3.173	704,6	126,09
Cộng		2.280	1.654.000	706		9.657	
Bình quân toàn vùng					2.343		171

Nguồn: Văn phòng điều phối nông thôn mới các tỉnh vùng TDMN phía Bắc

Cơ cấu nợ đọng theo các hạng mục đầu tư của vùng TDMN phía bắc trong XD NTM được thể hiện qua bảng 3.36.

Mức nợ đọng bình quân 1 xã là 2.342,77 triệu đồng/xã. Tổng mức nợ đọng cao nhất vùng là tỉnh Thái Nguyên với 628.829 triệu đồng, chiếm 38,02% số nợ của cả vùng. Toàn vùng cũng có tới 71,21% số xã đạt chuẩn NTM còn có nợ đọng.

Nợ đọng trong XD NTM của các tỉnh trong vùng tập trung chủ yếu trong các dự án về giao thông (47,31%), sau đó là thủy lợi (6,74%); trường học (13,31%); cơ sở vật chất văn hóa (13,86%); các công trình dự án khác (18,79%).

Nguyên nhân của tình trạng nợ đọng trong vùng là do:

- Trong thời gian qua, tình trạng nợ đọng xảy ra chủ yếu là do ngân sách địa phương chưa cân đối được nguồn đối ứng. Nguồn ngân sách cấp xã chủ động cân đối để thực hiện Chương trình chủ yếu là nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Nhưng do thị trường đất đai đình trệ nên nguồn thu từ đấu giá đất sụt giảm, không đạt như kế hoạch nên nhiều địa phương không cân đối được nguồn để trả nợ.

Bảng 3.36. Tình hình nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới của các tỉnh trong vùng theo cơ cấu

TT	Tỉnh	Tổng số xã (Xã)	Số xã nợ đọng (xã)	Số xã đạt chuẩn có nợ đọng		Số nợ (triệu đồng)	Cơ cấu nợ (triệu đồng)				
				Xã đạt chuẩn (xã)	Xã có nợ đọng (xã)		Giao thông	Thủy lợi	Trường học	Cơ sở văn hóa	Nợ Khác
1	Hà Giang	177	106	11	11	177.201	63.792	8.860	19.492	17.720	67.336
2	Cao Bằng	177	15	2	2	76.752	52.567	1.364	3.165	9.100	10.555
3	Bắc Cạn	110	2			9.226	375		4.400	2.620	1.831
4	Tuyên Quang	129	16	7	3	2.753	907	433	891	18	504
5	Lào Cai	144	0			0					
6	Yên Bái	152	2	1	1	1.155		594			561
7	Thái Nguyên	143	130	40	39	628.829	349.175	56.921	60.373	86.872	75.488
8	Lạng Sơn	207	39	13	12	162.239	70.902	1.675	59.151	12.530	17.981
9	Bắc Giang	203	50	34	32	189.809	55.923	13.286	30.691	27.873	62.036
10	Phú Thọ	247	200	19	18	199.905	127.093	17.025	27.147	13.753	14.887
11	Điện Biên	116	45	1	1	46.316	18.215	3.151		1.290	23.660
12	Lai Châu	96	0			0					
13	Sơn La	188	73			70.970	34 299	7.411	5.507	6.618	17.135
14	Hòa Bình	191	28	31	22	88.845	9 187	700	9.288	50.878	18.793
Cộng		2.280	706	198	141	1.654.000	782.435	111.420	220.105	229.272	310.768
Bình quân 1 xã						2.342,77	1.108,26	157,82	311,76	324,75	440,18
Tỷ lệ %			30,96		71,21	100	47,31	6,74	13,31	13,86	18,79

Nguồn: Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Trong thời gian qua, tình trạng nợ đọng xảy ra chủ yếu là do ngân sách địa phương chưa cân đối được nguồn đối ứng. Nguồn ngân sách cấp xã chủ động cân đối để thực hiện Chương trình chủ yếu là nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Nhưng do thị trường đất đai đình trệ nên nguồn thu từ đấu giá đất sụt giảm, không đạt như kế hoạch nên nhiều địa phương không cân đối được nguồn để trả nợ.

- Nguồn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương thấp, khoảng 3,1%, Ngân sách địa phương là 4,8% tổng nguồn lực huy động của toàn bộ Chương trình, với yêu cầu 17%.

- Nhiều địa phương chưa chấp hành theo đúng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương trong việc kiểm soát vốn đầu tư công và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Do được phân cấp phê duyệt dự án đến cấp xã nên nhiều địa phương đã phê duyệt dự án và vận động các doanh nghiệp ứng trước vốn để thi công nhưng chưa xác định được nguồn vốn để thanh toán.

- Một số địa phương khi xây dựng nông thôn mới chủ yếu tập trung thực hiện các nội dung về xây dựng hạ tầng cơ sở địa phương, đây là những nội dung cần số vốn lớn để thực hiện mà chưa chú ý đến những nội dung về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân,... Chẳng hạn, để đầu tư cho một xã đồng bằng đạt tiêu chí NTM về điện, Nhà nước phải đầu tư trung bình từ 5 đến 10 tỷ đồng. Đối với địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa, con số này còn cao hơn nhiều.

Hơn nữa, những hộ ở khu vực này chủ yếu là hộ nghèo, khó khăn, lượng điện năng sử dụng trung bình thấp (chưa đến 30kW giờ/tháng theo khảo sát của WB), điều kiện địa hình phức tạp, đường điện kéo dài, tổn thất điện năng lớn, suất đầu tư cho một hộ từ lưới điện quốc gia quá lớn so mức bình quân chung (15 đến 20 triệu đồng/hộ), hiệu quả không cao. Vì vậy, đối với vùng TDMN phía bắc đạt được tiêu chí này, cần phải sử dụng lượng vốn đầu tư ban đầu lớn hơn so với các tỉnh khác.

- Một số khoản nợ được các địa phương thống kê tuy nhiên thực tế vẫn đang trong thời hạn thanh toán. Một số nơi chậm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán đầu tư xây dựng dẫn đến chậm giải ngân các nguồn vốn.

- Do còn nhiều hạn chế về năng lực và kinh nghiệm quản lý đầu tư XD CB nên cán bộ ở nhiều địa phương chưa thực hiện tốt việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại xã mình.

Theo đánh giá của 345 người về kết quả sử dụng nguồn lực tài chính trong XDNTM được tổng hợp qua bảng 3.37.

Bảng 3.37. Tổng hợp ý kiến của người dân về sử dụng NLTC trong xây dựng nông thôn mới vùng TDMN phía Bắc

TT	Chỉ tiêu	Tốt		Trung bình		Kém	
		Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Mức độ đáp ứng của Nguồn tiền từ NSNN so với nhu XDNTM	43	12,46	275	79,71	27	7,83
2	Mức độ đáp ứng của Nguồn tiền ngoài NSNN so với nhu XDNTM	143	41,45	195	56,52	7	2,03
3	Sử dụng tiền đầu tư đúng mục tiêu	186	53,91	139	40,29	20	5,80
4	Chất lượng các công trình đầu tư	306	88,70	23	6,67	16	4,64
5	Mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư	336	97,39	7	2,03	2	0,58
Bình quân chung			75,30		60,58		5,79

Nguồn: Kết quả khảo sát 345 người năm 2015

Qua bảng 3.37 cho thấy: Nguồn NSNN cấp cho chương trình chưa đáp ứng tốt nhu cầu xây dựng nông thôn mới, 79,71% người được hỏi đánh giá mức trung bình và 7,83% đánh giá mức yếu kém.

Nguồn từ ngoài NSNN được đánh giá mức đáp ứng được nhu cầu, nhưng chưa được nhiều người đánh giá tốt, còn 56,52% đánh giá ở mức trung bình và 2,03% đánh giá ở mức yếu.

Toàn bộ số tiền huy động được có 53,91% người được hỏi đánh giá sử dụng đúng mục tiêu mức tốt, 40,29% đánh giá mức trung bình, 5,8% đánh giá ở mức yếu.

Chất lượng các công trình khi xây dựng hoàn thành được đánh giá tốt có 88,7%. Và mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư với đời sống người dân được đánh giá tốt là 97,39%.

Nhìn chung, tất cả các tiêu chí nêu trên được người dân đánh giá mức tốt là 75,3%. Điều này cho thấy, mặc dù quá trình huy động và sử dụng vốn còn nhiều hạn chế, vướng mắc nhưng kết quả sử dụng các nguồn vốn được đánh giá cao.

Tính đến thời điểm hết năm 2015, do các tỉnh chưa hoàn thành chương trình nên chưa đánh giá được tổng quát về nguồn vốn đầu tư bình quân giữa các địa phương một cách chính xác, vì hiện nay có những tỉnh sử dụng mức vốn đầu tư thấp nhưng những tiêu chí đạt được không cần sử dụng nhiều vốn như các tiêu chí về an ninh, về chính trị, về lao động,...có những tỉnh mức đầu tư lớn là do các tiêu chí tập trung thực hiện trong thời gian qua là các tiêu chí về cơ sở hạ tầng, về môi trường,... nên cần nguồn vốn lớn để hoàn thiện tiêu chí. Hơn nữa, điều này còn phụ thuộc nhiều vào đặc thù địa và xuất phát điểm của mỗi địa phương.

3.4.4 Các nhân tố ảnh hưởng tới sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới

3.4.4.1 Tiến độ huy động các nguồn tài chính cho xây dựng nông thôn mới

Qua quá trình nghiên cứu và phân tích các nội dung trên địa bàn các tỉnh vùng TDMN phía Bắc cho thấy, các địa phương xây dựng cụ thể nhu cầu vốn hàng năm và phương án sử dụng các nguồn vốn đó, báo cáo về huyện và tỉnh. Tuy nhiên, tiến độ cấp vốn từ cấp trên cho các địa phương còn ít và chậm so với kế hoạch. Ngoài ra, một số địa phương được cấp vốn nhưng còn chậm trong việc phân bổ cho các công trình, quá trình thực hiện thi công kéo dài dẫn đến việc giải ngân vốn chưa triệt để, gây lãng phí vốn. Nhiều địa phương, chưa tập trung được vốn đối ứng ở các địa phương kịp thời nên còn xảy ra tình trạng nợ đọng.

Ngoài ra, do hạn chế của công tác tuyên truyền, vận động, do đặc thù của vùng, do người dân sống phân tán, số lượng doanh nghiệp ít, tín dụng chưa phát triển nhiều nên việc huy động đóng góp từ nguồn ngoài NSNN còn ít, chưa kịp thời, ảnh hưởng đến việc sử dụng các nguồn vốn để thực hiện chương trình.

3.4.4.2 Các thủ tục trong thanh toán vốn đầu tư

Các thủ tục thanh toán vốn đầu tư có ảnh hưởng lớn đến công tác sử dụng vốn, đặc biệt là trong khâu thanh toán vốn. Theo đánh giá của các cán bộ làm công tác quản lý tài chính ở các tỉnh khảo sát, các thủ tục thanh toán các công trình xây dựng khó thực hiện, vì thủ tục rườm rà, nhiều loại chứng từ, nội dung các thủ tục

chi tiết, công thêm với việc năng lực, trình độ cán bộ xã còn nhiều hạn chế vì vậy khó khăn cho quá trình thực hiện. Thực tế, các địa phương việc hoàn tất các thủ tục thanh toán còn phụ thuộc nhiều vào nhà thầu, điều này làm cho cán bộ thanh toán vốn ở các địa phương không chủ động trong thanh toán, làm ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán vốn cho các công trình.

Những vướng mắc trong quá trình giải ngân vốn thể hiện qua bảng 3.38.

Bảng 3.38. Kết quả khảo sát về vướng mắc trong sử dụng vốn từ NSNN

TT	Những vướng mắc	Số ý kiến (phiếu)	Tỷ lệ (%)
I	Khó khăn trong giải ngân vốn NSNN	75	
1	Vốn cấp chậm	43	57,33
2	Thực hiện không đúng KH	35	46,67
3	Trình độ CB tài chính hạn chế	11	14,67
4	Phối hợp các bộ phận không thông suốt	67	89,33
II	Quy định về thủ tục thanh toán	75	
1	Dễ thực hiện	47	62,67
2	Khó thực hiện	28	37,33

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Qua bảng 3.38, khi khảo sát 75 người gồm cán bộ địa phương và cán bộ làm công tác tài chính trên địa bàn về vấn đề giải ngân và thanh quyết toán các công trình hoàn thành cho thấy, trong quá trình giải ngân vốn gặp phải 2 vấn đề khó khăn lớn là trong giai đoạn giải ngân và với các thủ tục thanh toán. Đối với khó khăn trong giai đoạn giải ngân, có 89,33% ý kiến cho rằng sự phối hợp giữa các bộ phận trong quá trình sử dụng vốn là không thông suốt, không có sự phối hợp chặt chẽ gây khó khăn cho công tác giải ngân vốn, có 57,33% ý kiến cho rằng vốn từ ngân sách cấp chậm nên gây ảnh hưởng lớn đến công tác giải ngân và làm cho quá trình thực hiện không theo kế hoạch.

Có 37,33% cán bộ cho rằng các thủ tục khó thực hiện, đây là nguyên nhân làm chậm tiến độ quyết toán vốn các công trình hoàn thành.

3.4.4.3 Trình độ quản lý vốn của cán bộ chuyên môn

Theo Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn thì tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn tối thiểu là tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên. Đối với vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa,...thì có thể giảm đi một bậc so với quy định. Trong số 20-25 cán bộ công chức cấp xã (tùy từng loại xã) thì chỉ có 1 cán bộ về tài chính-kế toán ngân sách xã, nhưng số cán bộ tham gia vào quá trình quản lý, sử dụng nguồn lực XDNTM thì không phải chỉ có 1 cán bộ mà gồm nhiều cán bộ, bao gồm cả cán bộ xã, cán bộ thôn, bản là những người mà không có chuyên môn về quản lý vốn (tiểu vùng Tây Bắc có 54,6% cán bộ cơ sở chưa đạt chuẩn về chuyên môn). Nhưng cán bộ xã, thôn là lực lượng chủ yếu để vận động và tổ chức hướng dẫn cho nhân dân XDNTM, do đó kết quả huy động từ cộng đồng phụ thuộc rất lớn vào tâm huyết và năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ. Vì vậy làm ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức sử dụng nguồn lực huy động.

3.4.4.4 Phân cấp trong đầu tư công

Việc phân cấp trong đầu tư công có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính để thực hiện chương trình. Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới hàng năm trên địa các tỉnh (vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách Địa phương) được phân bổ cho xã làm chủ đầu tư là chủ yếu; việc lập kế hoạch đầu tư, thi công, quản lý sử dụng công trình đều có sự tham gia của cộng đồng dân cư. Đối với vốn lồng ghép từ các chương trình dự án, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các sở, ngành ưu tiên đầu tư cho các xã xây dựng nông thôn mới theo hướng đẩy mạnh việc phân cấp cho các xã làm chủ đầu tư. Việc phân cấp tạo sự chủ động cho cấp trực tiếp thực hiện XDNTM quản lý làm cho các địa phương thực hiện sử dụng vốn hiệu quả, đồng thời chủ động trong việc huy động thêm vốn nếu trong quá trình sử dụng bị thiếu hụt vốn nhằm thực hiện đúng theo kế hoạch các nội dung đã xây dựng.

3.4.4.5 Công tác kiểm tra, giám sát

Ở các địa phương, công tác kiểm tra giám sát quá trình sử dụng vốn đã được thực hiện tương đối nghiêm túc. Các địa phương đã có các đoàn kiểm tra từ cấp tỉnh đến các địa phương thực hiện công tác kiểm tra một cách thường xuyên, có các ban giám sát quá trình sử dụng vốn từ các nguồn. Đối với nguồn huy động từ NSNN được hướng dẫn sử dụng và quản lý chặt chẽ của các cơ quan tài chính, hệ thống KBNN, các ban giám sát ở địa phương. Đối với nguồn ngoài NSNN được giám sát trực tiếp bởi cộng đồng. Nên hiệu quả sử dụng nguồn lực được các đối tượng đánh giá cao. Tuy nhiên, trong vùng do trình độ của cán bộ chuyên môn, do lơ là trong công tác giám sát, do sự minh bạch trong quá trình huy động, sử dụng nên có một số nguồn vốn chưa được quản lý chặt chẽ (ví dụ ở Phú Thọ, nguồn vốn thu được từ chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không được sử dụng minh bạch gần 6 tỷ đồng),...Điều này, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công tác sử dụng vốn để thực hiện chương trình. Ngoài ra, công tác kiểm tra giám sát không chặt chẽ và chuyên nghiệp còn làm tăng tình trạng nợ đọng XDCHB ở các địa phương.

3.4.4.6. Sự tham gia của cộng đồng trong kiểm tra, giám sát

Trong giai đoạn vừa qua, nhờ có sự tham gia giám sát của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới nên đã phát hiện một số địa phương huy động quá sức dân trong đóng góp xây dựng nông thôn mới, một số công trình hạ tầng chưa đảm bảo chất lượng, hoặc lãng phí trong đầu tư. Nhưng, đó mới là hoạt động giám sát ở khâu đang xây dựng các công trình, còn những công trình đã hoàn thành thì công tác giám sát chưa thực hiện tốt, chưa huy động được đông đảo sự tham gia giám sát của người dân đối với những công trình này, ý thức bảo vệ tài sản công của người dân còn hạn chế. Ngoài ra, do trình độ dân trí ở vùng TDMN phía Bắc còn thấp, nên khi tham gia vào công tác kiểm tra, giám sát nhưng chưa phát huy được hết vai trò, đặc biệt là chưa kiểm soát được chặt chẽ các hoạt động về vấn đề sử dụng nguồn vốn huy động.

3.5. Đánh giá chung về kết quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc

3.5.1 Những thành công về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc

Nhìn chung, bằng sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương và sự quan tâm của Nhà nước, thời gian qua công tác huy động và sử dụng NLTC thực hiện XDNTM đã đạt được một số thành tựu đáng kể, cụ thể:

Thứ nhất, đã huy động được một nguồn lực tài chính lớn chưa từng có tập trung cho chương trình XDNTM, đặc biệt là cho các mục tiêu hoàn thiện cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội của vùng. Tính đến 31/12/2015 tổng vốn huy động được từ các nguồn để thực hiện chương trình XDNTM trong vùng là 161.137 tỷ đồng.

Thứ hai, đã thu hút được sự quan tâm tham gia đầu tư, đóng góp nguồn lực tài chính cho XD NTM của nhiều đối tượng khác nhau, cùng chung tay đóng góp cho mục tiêu phát triển nông thôn. Nguồn vốn từ NSNN chiếm 38,38%, nguồn huy động được từ phía các doanh nghiệp là 8,36%; huy động được từ các tổ chức tín dụng chiếm 40,44%; từ người dân là 11,28% và 1,54% là từ các nguồn khác.

Thứ ba, công tác phân bổ vốn đầu tư cho XDNTM cho các xã thực hiện theo hướng dẫn. Tổng số vốn từ NSNN cấp cho chương trình XDNTM có sự phân cấp, không tiến hành chia đều. Căn cứ vào kết quả thực hiện chương trình, đặc điểm địa bàn, các điều kiện tự nhiên, loại xã để phân chia nguồn vốn cấp đầu tư. Điều này thúc đẩy sự tham gia của người dân các địa phương.

Thứ tư, đã thực hiện việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để thực hiện chương trình. Việc lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách cấp trực tiếp cho chương trình và các chương trình mục tiêu quốc gia khác đang thực hiện trên địa bàn ngày càng đạt hiệu quả cao. Các chương trình có sự hỗ trợ nhất định cho nhau làm cho mức chi phí cho các chương trình sử dụng đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ năm, kết quả huy động vốn mặc dù chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhưng huy động được sự tham gia của mọi đối tượng bằng nhiều hình thức đóng góp: tiền, công lao động, góp vật liệu, tham gia các cuộc họp, giám sát thực hiện, thực hiện chỉnh trang nhà cửa, khu vệ sinh dân cư,... lấy xã là xuất phát điểm để tổ chức thực hiện và tổ chức huy động nguồn lực tài chính là phù hợp vì xã là cấp hành chính thấp nhất có tư cách pháp lý để triển khai các hoạt động KTXH cho phát triển nông thôn, xác định cơ chế, chính sách tài chính, quản lý xây dựng phù hợp với địa bàn trong XDNTM.

Thứ sáu, về công tác sử dụng vốn đầu tư. Cơ chế quản lý vốn cấp phát vốn trong địa bàn đã có sự chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn. Trong quá trình triển khai các dự án, các địa phương đã tăng cường cán bộ giám sát và hướng dẫn thi công kết hợp giám sát cộng đồng để đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả khai thác. Trong quá trình sử dụng vốn ở một số các địa phương có sự tham gia của người dân, vì vậy hiệu quả và tính minh bạch của quá trình sử dụng vốn được đánh giá cao.

Thứ bảy, vốn trái phiếu Chính phủ được phân chia hợp lý giữa các địa phương nên đã có đóng góp quan trọng vào việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo môi trường thuận lợi, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân. Đây là nguồn vốn chủ yếu cấp trực tiếp cho chương trình từ Ngân sách Trung ương. Vốn trực tiếp từ NSTW hỗ trợ cho Chương trình là 3,1% tổng nguồn huy động thực hiện chương trình thì nguồn vốn TPCP là 2,04%.

3.5.2 Những tồn tại, hạn chế về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới vùng trung du và miền núi phía Bắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện XDNTM vùng Trung du và miền núi phía Bắc cũng còn nhiều những tồn tại, hạn chế như sau:

- Vốn huy động từ các nguồn không đảm bảo được nhu cầu để thực hiện các nội dung của Chương trình XD NTM, làm cho tiến độ thực hiện bị chậm so với kế hoạch. Đến hết năm 2015 chỉ có 8,1% số xã đạt chuẩn (mục tiêu đặt ra là 20%), các tiêu chí về hạ tầng cơ sở địa phương đạt còn thấp, nguyên nhân chính là do thiếu vốn nên vừa làm chậm tiến độ thực hiện vừa xảy ra tình trạng nợ đọng.

- Nguồn lực từ NSNN cho XD NTM của các địa phương đều không đảm bảo kế hoạch cả về số lượng và tiến độ. Mặc dù, tổng nguồn huy động từ NSNN để thực hiện chương trình vẫn đạt 39,51% nhưng chủ yếu là vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, phần vốn TW cấp trực tiếp cho chương trình chỉ đạt 3,1% tổng vốn huy động cả vùng.

- Nguồn lực tài chính huy động từ ngân sách địa phương còn chưa đảm bảo

được kế hoạch đề ra. Trong giai đoạn từ 2011 - 2015, nguồn từ NSDP thực hiện XD NTM chỉ chiếm 4,8% tổng nguồn huy động, và trong đó chủ yếu từ ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, nguồn từ NSX còn hạn chế do gặp khó khăn trong quá trình đấu giá đất. Các địa phương đều khó khăn khi huy động vốn từ ngân sách xã.

- Các quy định hiện hành về quy trình thủ tục khai thác nguồn vốn từ quỹ đất của địa phương còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, khó thực hiện, dẫn đến việc tạo nguồn tài chính từ ngân sách địa phương cho xây dựng nông thôn mới rất hạn chế.

- Nguồn lực tài chính huy động từ doanh nghiệp chưa nhiều, chưa đáp ứng được kỳ vọng của các địa phương. Trong giai đoạn từ 2011 - 2015, nguồn huy động từ doanh nghiệp thực hiện XD NTM chỉ chiếm 11,04% tổng nguồn huy động.

- Nguồn lực tài chính huy động từ các tổ chức tín dụng cho một số nội dung XD NTM chưa nhiều, chưa phát huy được hiệu quả mong đợi. Trong vùng, có tỉnh huy động được nguồn tín dụng nhiều, đáp ứng tốt nhu cầu (Sơn La, Bắc Giang,...) nhưng có tỉnh còn hạn chế (Điện Biên, Bắc Cạn).

- Sự đóng góp nguồn lực tài chính cho XD NTM của người dân chưa đồng đều, nhiều nơi chưa đảm bảo đúng tinh thần tự nguyện, còn huy động quá sức dân.

- Tình trạng nợ đọng XDCB trong XD NTM là phổ biến ở tất cả các địa phương trong vùng, tạo một gánh nặng lớn đối với các địa phương. Nợ đọng XDCB của vùng trong giai đoạn vừa qua là 1.654.000 triệu đồng, cao thứ 3 cả nước về số nợ đọng XDCB.

- Việc phân bổ vốn đầu tư cho các công trình, nội dung trong XD NTM còn chưa hợp lý, phê duyệt quá nhiều dự án vượt khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, làm cho nhiều công trình, hạng mục thực hiện dở dang kéo dài, gây lãng phí cho xã hội và cộng đồng.

- Hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng của một bộ phận hộ vay vốn không hiệu quả, thu nhập thấp không đủ bù đắp chi phí gây ảnh hưởng đến khả năng trả nợ các khoản vay. Việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng trong vùng còn hạn chế.

- Một số địa phương chậm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán đầu tư xây dựng hoàn thành, dẫn đến chậm giải ngân các nguồn vốn.

- Ở một số địa phương còn sử dụng vốn không đúng mục đích, nên còn xảy ra tình trạng thất thoát vốn trong quá trình quản lý đầu tư, bố trí vốn rất phân tán làm cho công trình đầu tư kéo dài, thời gian xây dựng lâu.

3.5.3 Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích các nội dung cho thấy nguyên nhân của những hạn chế nêu trên gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, cụ thể:

+ Nguyên nhân khách quan:

- Kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn trong những năm gần đây, vẫn còn ảnh hưởng từ các cuộc khủng hoảng kinh tế, dẫn đến nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho XD NTM hạn chế.

- Thị trường bất động sản trong những năm gần đây khá trầm lắng, làm cho việc tạo nguồn vốn cho XD NTM từ khai thác quỹ đất của các địa phương gặp nhiều khó khăn.

- Các tỉnh TDMN phía Bắc nằm trong vùng có địa hình rộng và phức tạp, bị chia cắt mạnh, do vậy việc đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng rất tốn kém và khó khăn. Mặt khác, hiện trạng cơ sở hạ tầng của vùng còn nghèo nàn, lạc hậu nên chi phí đầu tư rất lớn.

- Do những đặc thù về thời tiết, khí hậu và địa hình nên ảnh hưởng lớn đến quá trình tập trung thực hiện các nội dung của chương trình.

- TDMN phía bắc vẫn là vùng có kinh tế chậm phát triển nhất cả nước, nên việc huy động vốn từ nền kinh tế vào đầu tư cho các nội dung thực hiện chương trình gặp khó khăn.

- Đây là vùng có địa bàn rộng lớn, dân số sống phân tán nên chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần nhiều hơn so với các vùng khác.

+ Nguyên nhân chủ quan:

- Còn hiện tượng chưa có nhận thức đầy đủ cả trong cán bộ và trong nhân dân về NTM và chương trình XD NTM, nên kết quả khảo sát thực tế về chủ thể của chương trình chỉ có 58,55% số người được hỏi trả lời đúng.

- Còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn tài trợ của Nhà nước và cấp trên, chưa chủ động khai thác nội lực. Vấn đề khai thác quỹ đất cho XD NTM còn chưa

linh hoạt (đối với những diện tích đất quy mô nhỏ, đất xen kẽ ở các khu dân cư), việc áp dụng quy định về thủ tục đấu giá đất là rất phức tạp và nhiều nơi không thể thực hiện được.

- Quy chế dân chủ ở một số địa phương thực hiện chưa tốt, chưa thực sự lôi cuốn và phát huy vai trò của người dân trong quá trình triển khai thực hiện. Quan điểm bình quân trong đóng góp, áp đặt vẫn còn áp dụng ở một số địa phương.

- Nội dung công tác tuyên truyền còn nghèo nàn về hình thức thể hiện nên chưa thật sự hiệu quả đối với người dân, vì vậy một bộ phận không nhỏ người dân chưa nắm được nội dung một cách đầy đủ.

- Không có kế hoạch sử dụng rõ ràng đối với nguồn tín dụng. Các nguồn vay sử dụng để sản xuất nông nghiệp, nhưng sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro nên nhiều thiệt hại,...Cơ chế và các thủ tục vay vốn còn phức tạp vì vậy ảnh hưởng lớn đến tốc độ và mức độ sử dụng vốn vay.

- Vai trò của các tổ chức đoàn thể ở các địa phương chưa phát huy được hết khả năng, một số cán bộ ở các đoàn thể còn nhận thức chưa đúng về nội dung của chương trình. Sự tham gia của người dân vào một số hoạt động còn hạn chế.

- Việc chỉ đạo thực hiện chương trình ở một số địa phương còn theo kiểu phong trào, nóng vội, chạy theo thành tích, xây dựng kế hoạch không phù hợp với khả năng về nguồn lực tài chính ở địa phương.

- Chưa coi trọng tính hiệu quả, tính thiết thực của các hoạt động XD NTM, dẫn đến đầu tư tràn lan, thiếu trọng điểm.... các dự án thường bị thiếu vốn và kéo dài tiến độ, làm tăng chi phí đầu tư và chậm đưa công trình vào sử dụng.

- Một số quy định về quản lý đất đai và quản lý tài chính chưa phù hợp, gây cản trở đến quá trình huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong XD NTM của các địa phương.

- Năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập, hạn chế. Cán bộ chuyên môn thiếu kinh nghiệm quản lý vốn đầu tư XD CB nên chưa tham mưu được cho lãnh đạo cơ sở những biện pháp quản lý vốn có hiệu quả.

- Quản lý và giám sát đầu tư còn yếu kém dẫn tới thất thoát vốn đầu tư và chưa bảo đảm chất lượng công trình như dự kiến ở một số địa phương trong vùng.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

4.1. Phương hướng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc

Chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc nói chung và cả nước nói riêng đang được thực hiện trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến động: kinh tế thế giới tăng trưởng đã đẩy mạnh nhu cầu các mặt hàng nguyên liệu phục vụ công nghiệp như cao su, gỗ, các mặt hàng nông phẩm như gạo, cà phê, thực phẩm đóng hộp,...; giá dầu giảm trên thị trường nước ngoài, là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng trong nước; sau hội nhập kinh tế quốc tế, có những cơ hội lớn cho sự phát triển nước ta như: tăng khả năng thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng thị trường, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, nhưng nguồn tài nguyên cũng sẽ giảm đi; nền kinh tế nước ta phát triển chưa bền vững và sức cạnh tranh còn thấp; phương thức tăng trưởng còn lạc hậu, cơ cấu của nền kinh tế chưa hợp lý; thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ và chưa hiện đại; xây dựng nông thôn mới trong thời gian vừa qua, ở một số địa phương còn xảy ra tình trạng thực hiện quá sức, chưa cân đối được nguồn lực thực hiện, dẫn đến nợ đọng XD CB. Điều này gây trở ngại trong quá trình thực hiện giai đoạn tiếp theo.

Từ bối cảnh đó, phương hướng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện XDNTM vùng trung du miền núi phía Bắc xác định như sau:

- Cần tiếp tục ưu tiên đầu tư tài chính từ ngân sách Nhà nước cho chương trình XD NTM trên địa bàn các tỉnh TD MN phía Bắc theo phương châm ngân

sách nhà nước phải đóng vai trò tiên phong, đi trước mở đường để thu hút các nguồn đầu tư khác cho XD NTM.

- Tiếp tục thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm trong tất cả các hoạt động của chương trình XD NTM, trong đó có vấn đề huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính, đảm bảo đúng phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng.

- Cần có những quy định hợp lý, kịp thời để huy động các nguồn lực tài chính trên tinh thần phát huy nguồn nội lực của các địa phương, đồng thời quán triệt quan điểm khoan thư sức dân, để người dân có thể tập trung các nguồn lực của mình cho mục tiêu phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

- Cần quán triệt quan điểm huy động nguồn vốn phải gắn liền với hiệu quả sử dụng vốn, tránh tình trạng dàn trải, lãng phí và thất thoát vốn đầu tư, đảm bảo các dự án, công trình đáp ứng đúng nhu cầu của người dân, phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội – môi trường ở cả trong ngắn hạn và dài hạn.

- Cần tập trung ưu tiên đầu tư dứt điểm và đúng tiến độ vào những nội dung thiết thực với người dân, ưu tiên hàng đầu là những công trình gắn với phát triển sản xuất, tránh đầu tư dàn trải dẫn đến công trình dở dang, gây lãng phí nguồn lực.

- Các địa phương ngoài việc sử dụng vốn để thực hiện chương trình, cần bố trí một phần vốn để giải quyết các khoản nợ đọng trong quá trình thực hiện chương trình XD NTM, đồng thời cân đối, bố trí nguồn vốn hợp lý để tránh việc tiếp tục phát sinh các khoản nợ đọng trong các giai đoạn tiếp theo.

- Cần ban hành những quy định chi tiết, cụ thể về việc quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính huy động từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước để đảm bảo tính hợp lý, công khai, minh bạch và hiệu quả của các hạng mục đầu tư.

- Tăng cường sự tham gia của người dân vào việc huy động và quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho chương trình XD NTM.

4.2 Giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc

4.2.1. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới vùng trung du miền núi phía Bắc

4.2.1.1. Quy hoạch lại các khu dân cư vùng có mật độ dân số thấp

TDMN phía Bắc là vùng có diện tích rộng lớn nhất cả nước nhưng mật độ dân số thấp, đặc biệt là ở các xã thuộc vùng núi cao, vùng sâu. Dân cư phân tán lại diễn ra trong điều kiện địa hình phức tạp, độ dốc cao, chia cắt mạnh nên rất khó khăn và tốn kém trong việc xây dựng hệ thống hạ tầng, đặc biệt là về giao thông.

Vì vậy, các địa phương có khu vực dân cư phân tán cần có các chính sách di dời hộ dân về các khu tập trung để giảm đầu tư cho cơ sở hạ tầng, tập trung vốn cho phát triển kinh tế.

Các địa phương cần ưu tiên lựa chọn và bố trí những khu vực phù hợp, thuận lợi cho cuộc sống của dân cư, đồng thời thuận lợi cho việc xây dựng hệ thống hạ tầng để bố trí lại dân cư.

Từ đó, sẽ giảm được khối lượng cơ sở hạ tầng phải đầu tư, giảm được nhu cầu vốn cần sử dụng.

4.2.1.2 Tăng cường các nguồn thu cho ngân sách địa phương từ khai thác quỹ đất

Đối với các vùng nông thôn, nguồn thu cho ngân sách địa phương có thể huy động cho XD NTM chủ yếu là từ khai thác quỹ đất, vì vậy cần thực hiện các những điều chỉnh cần thiết để có thể thực hiện một cách thuận lợi nhất việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Quỹ đất dự trữ của các xã trong vùng TDMN phía Bắc về cơ bản là không còn nhiều, lại phân tán, nhỏ lẻ, nhiều diện tích thuộc diện đất xen kẹt... vì thế không hấp dẫn người mua.

Vì thế, rất cần phải có những điều chỉnh theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, xác định giá sàn phù hợp với thị trường trong từng giai đoạn cụ thể, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... để thu hút người mua.

4.2.1.3. Xác định rõ các công trình ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn

Các Ban chỉ đạo xã cần họp bàn rộng rãi để xác định rõ ràng thứ tự ưu tiên thực hiện các công trình trong nội dung XD NTM của mình theo nguyên tắc ưu tiên cho những công trình thiết thực, phù hợp với khả năng đảm bảo vốn đầu tư.

Việc xác định được thứ tự ưu tiên trong từng giai đoạn để thực hiện sẽ làm giảm bớt số lượng công trình thực hiện ở một thời điểm, tập trung vốn cho các công trình thiết yếu, tránh đầu tư tràn lan, đồng thời các công trình nhanh chóng hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ sớm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực để huy động vốn thực hiện những công trình phía sau, làm hạn chế nợ đọng xảy ra.

Cần công khai, minh bạch việc xếp thứ tự ưu tiên các công trình, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc bố trí vốn đầu tư, đảm bảo đúng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn; kiên quyết thu hồi các khoản tạm ứng và xử lý dứt điểm nợ đọng trong XD CB đối với từng công trình thực hiện.

4.2.1.4. Xây dựng cơ chế linh hoạt để huy động nguồn lực với từng đối tượng cụ thể.

Trong giai đoạn vừa qua, kết quả thực hiện 19 tiêu chí XD NTM vùng TDMN phía bắc thấp hơn mức bình quân của cả nước, đặc biệt các tiêu chí về hạ tầng cơ sở địa phương đạt còn thấp. Nguồn NSNN cấp cho chương trình chủ yếu là từ nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác. Nhưng giai đoạn tiếp theo, Chính phủ cắt giảm các chương trình này và tập trung chủ yếu vào 2 chương trình XDNTM và giảm nghèo bền vững.

Trong giai đoạn tiếp theo, để huy động vốn thực hiện chương trình, các địa phương cần rà soát lại mức vốn cần dùng để thực hiện từng tiêu chí ở các xã là bao nhiêu, sau đó xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực tài chính phù hợp với mức độ cần để thực hiện từng tiêu chí ở mỗi địa phương.

Sau khi xây dựng xong kế hoạch huy động vốn cho từng tiêu chí thì xây dựng cơ chế huy động phù hợp với từng nguồn, ở từng địa phương.

4.2.1.5 Nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở.

Đội ngũ các bộ cơ sở là những người trực tiếp xây dựng kế hoạch, đề ra những biện pháp và trực tiếp tổ chức thực thi các hoạt động huy động nguồn lực tài chính cho XD NTM, vì vậy nâng cao năng lực mọi mặt cho đội ngũ này có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức huy động nguồn lực tài chính cho XD NTM.

Thực tiễn cho thấy đa số cán bộ cơ sở còn yếu về trình độ kiến thức chuyên môn, kỹ năng công tác trong lĩnh vực quản lý tài chính.

Cần chú trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý tài chính, tăng cường kỹ năng vận động tuyên truyền, kỹ năng tổ chức cho tất cả các cán bộ tham gia trực tiếp vào công tác chỉ đạo và thực thi các hoạt động của chương trình.

Cần tổ chức tốt các hoạt động tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức tham quan học hỏi và phổ biến kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ tham gia vào chương trình XD NTM ở các địa phương.

4.2.1.6 Tăng cường sự tham gia của người dân vào công tác huy động nguồn lực tài chính cho xây dựng nông thôn mới

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chương trình XDNTM.

Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến về chương trình XDNTM là nhân tố có sức ảnh hưởng thứ hai đến quyết định tham gia đóng góp của người dân các địa phương. Để thực hiện được điều này, cần: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để vận động người dân tham gia chương trình. Để làm được điều này, cần có sự tham gia của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền thực hiện, các tổ chức đoàn thể trực tiếp tham gia; Đa dạng các hình thức của hoạt động tuyên truyền để phù hợp với nhiều đối tượng lứa tuổi như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình,...), phát hành các tờ rơi, đưa vào các hoạt động văn hóa văn nghệ, hoặc các hình thức khác như xây dựng thành các nội dung sinh hoạt trong các câu lạc bộ, tổ chức các cuộc thi về nội dung XDNTM,...; Thực hiện các biện pháp thi đua, tôn vinh, khen thưởng đối với các điển hình tốt trong XDNTM để tạo ra phong trào tự vận động phát triển trong cộng đồng dân cư nông thôn.

- *Tập trung chỉ đạo ưu tiên hoàn thành các công trình mang tính cộng đồng.*

Trong hàng loạt các hạng mục đầu tư của chương trình XDNTM, có một số công trình thiết yếu, ảnh hưởng nhiều tới cuộc sống của người dân, đến hoạt động của các doanh nghiệp địa phương như: hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống điện, vấn đề quản lý rác thải, vệ sinh môi trường, trường học, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa... Những kết quả thực hiện các hạng mục này sẽ làm cho họ thấy rõ lợi ích mà họ được hưởng và từ đó họ sẽ ý thức được vai trò của mình trong tham gia đóng góp vào chương trình XD NTM của địa phương. Ngoài ra, ở các địa phương khi có cơ sở hoạt động văn hóa tập thể, họ sẽ thường xuyên gặp nhau hơn, có thể vận động lẫn nhau tham gia vào các hoạt động của chương trình. Mặt khác, lấy ý kiến đánh giá của người dân đối với các công trình trước và sau khi thực hiện XD NTM ở mỗi địa phương. Từ đó, có những điều chỉnh thích hợp trong quá trình xây dựng và nhu cầu sử dụng người dân. Đối với các công trình này, theo kết quả khảo sát người dân ở các địa phương, các công trình hoàn thành hoặc bước đầu hoàn thành đưa vào sử dụng, có nhiều công trình được đánh giá tốt.

- *Cần công khai, minh bạch trong các nội dung XDNTM, đặc biệt là nội dung về huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình:* cần công bố công khai chủ trương và kế hoạch về XDNTM của địa phương cho toàn thể nhân dân các thôn trong xã; niêm yết công khai phương án quy hoạch XDNTM cho toàn thể nhân dân; công bố công khai nội dung các hoạt động, nguồn vốn đầu tư cho từng hoạt động, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn cho XDNTM, tiến độ thực hiện các hạng mục... để nhân dân tìm hiểu, góp ý và tham gia giám sát; công bố công khai cơ chế huy động sự tham gia đóng góp, kết quả huy động sự tham gia đóng góp cho XDNTM để nhân dân giám sát; công bố công khai tiêu chuẩn, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức trong XDNTM như: Ban chỉ đạo, Tổ công tác, Tiểu ban XDNTM... các cấp để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến và tham gia giám sát; thiết lập đường dây nóng, hòm thư góp ý về XDNTM để nhân dân có thể tham gia tích cực vào chương trình này. Lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân đối với các công trình, dự án đầu tư XDNTM trên

địa bàn, trên tinh thần “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi”, có như vậy mới phát huy quyền làm chủ của người dân và huy động được sự đóng góp tự nguyện của người dân.

4.2.1.7 Thực hiện các chính sách huy động vốn tổng hợp cho nhiều xã

Xuất phát từ thực tế ở một số địa phương, huy động vốn để thực hiện chương trình XD NTM chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, địa phương thì thiếu vốn đối ứng để thực hiện trong khi có nhiều nguồn, nhiều đối tượng ở địa phương chưa được huy động đóng góp, hỗ trợ để thực hiện chương trình. Đặc biệt, các doanh nghiệp thường xây dựng tại các địa phương thuận lợi về hạ tầng, kinh tế phát triển, nhưng những địa bàn này là thị trấn, quận, thành phố hoặc đã là xã nông thôn mới không cần nhiều đến nguồn đóng góp để thực hiện Chương trình, nhưng những xã cần vốn lại không có doanh nghiệp nên hiện nay vùng TDMN phía Bắc huy động từ nguồn này còn hạn chế và sẽ khó cải thiện nếu huy động từ cấp xã.

Có những công trình sẽ thực hiện liên quan đến địa bàn của nhiều xã, nhiều thôn như đường giao thông,... nên để thực hiện huy động được nguồn từ bên ngoài để thực hiện cần có đầu mối đứng ra tổ chức huy động. Ngoài ra, để phát huy được lợi thế của xã nông thôn mới cần phải có sự giao thương giữa các xã với nhau.

Vì vậy, cần xây dựng một quỹ nông thôn mới được tổ chức từ cấp huyện trở lên để thực hiện chương trình, tạo ra một quỹ để huy động các nguồn từ doanh nghiệp, tín dụng, đóng góp tự nguyện,... sau đó cân đối để cấp cho các xã thực hiện XDNTM.

Ngoài ra, Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ và thu hút riêng các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực, đặc biệt là nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho vùng TDMN phía Bắc vì, TDMN là vùng đặc thù, có nhiều điểm riêng biệt. Cần có các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và các địa phương để tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn, như: thủ tục hành chính, giảm thuế, hỗ trợ trong hoạt động tiêu thụ, hỗ trợ tìm nguồn nguyên liệu đầu vào, hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm tiêu biểu, các chính sách hỗ trợ đào tạo lao động khi sử dụng lao động địa phương,...

4.2.1.8. Công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng các nguồn lực

Theo kết quả phân tích từ khảo sát nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia đóng góp của cộng đồng cho XDNTM, việc công khai và minh bạch quá trình sử dụng các nguồn lực sẽ tạo được lòng tin với cộng đồng và có ảnh hưởng lớn nhất (>50%) đến sự sẵn lòng tham gia đóng góp nguồn lực để thực hiện. Vì vậy, trong quá trình sử dụng các nguồn lực cần thực hiện công khai theo đúng quy định và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền để nâng cao kết quả huy động nguồn lực từ cộng đồng cho chương trình.

4.2.2 Các giải pháp sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện xây dựng nông thôn mới

4.2.2.1 Hoàn thiện cơ chế quản lý sử dụng các nguồn lực tài chính

Việc phân bổ vốn đầu tư cho các công trình, nội dung trong XD NTM còn chưa hợp lý, phê duyệt quá nhiều dự án, làm cho nhiều công trình, hạng mục thực hiện dở dang kéo dài, gây lãng phí các nguồn vốn đã huy động cho chương trình.

Vì vậy, các địa phương có các công trình đang dở dang, phối hợp các cơ quan có liên quan tiếp tục triển khai các công trình này, bổ sung danh mục và bố trí vốn đầu tư đối với công trình mới phù hợp với năng lực tài chính địa phương. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch phải đảm bảo thực hiện được để tránh sử dụng lãng phí các nguồn lực được cấp. Tuy nhiên, khi đưa ra các quy định về sử dụng vốn ở địa phương phải phù hợp với thực tế, không áp dụng hướng dẫn của cấp trên một cách máy móc, dập khuôn.

Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ TW trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch để thuận tiện trong việc sử dụng, tiết kiệm chi phí. Đồng thời, việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu xác định chủ trương đầu tư, lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả; xác định thứ tự ưu tiên đối với từng công trình, tiêu chí và ưu tiên cho các xã về đích trong thời kỳ đến năm 2020.

Khi phân bổ vốn phải phù hợp với các công trình dự án của địa phương. Công trình nào cần và hữu ích với địa phương hơn thì làm trước và đảm bảo đủ vốn mới thực hiện.

Đối với nguồn huy động được để phát triển sản xuất chủ yếu từ nguồn tín dụng. Để sử dụng nguồn tín dụng có hiệu quả, cần tháo gỡ khó khăn vướng mắc về tiếp cận và đầu tư tín dụng trong lĩnh vực tam nông. Cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ các hộ làm thủ tục vay vốn. Tiến hành triển khai xây dựng và thành lập các tổ theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn vay của hội viên bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và trả nợ đúng hạn; Khi có các thông tin thực tế về các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến quá trình sử dụng vốn thì các tổ chức tín dụng cần có các chính sách hỗ trợ người dân như kéo dài thời hạn vay, giảm lãi suất,...

4.2.2.2 Giải quyết triệt để tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản

Tình trạng nợ đọng XD CB trong XD NTM là một gánh nặng lớn đối với các địa phương trong vùng thời gian vừa qua. Nợ đọng XD CB của vùng trong giai đoạn vừa qua cao thứ 3 cả nước. Thực tế ở các địa phương, xảy ra tình trạng này là do việc xây dựng kế hoạch vốn thực hiện các công trình không sát với thực tế địa phương, mà áp dụng dập khuôn của các đơn vị khác; phê duyệt các công trình thực hiện dàn trải, nhiều so với năng lực vốn ở địa phương; do việc ép thực hiện các tiêu chí của chương trình để đạt chuẩn nông thôn mới,...

Để khắc phục tình trạng nợ đọng XD CB cần: (1) Có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy đảng, chính quyền. Phải xây dựng được kế hoạch chi tiết, xác định rõ việc nào dân làm, việc nào Nhà nước hỗ trợ, việc nào Nhà nước làm; công tác phối hợp, điều hành sát với thực tế, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình. (2) Xây dựng kế hoạch phải bám sát vào nhu cầu thực tế của địa phương, nguyện vọng của người dân, tránh để tình trạng chỉnh hạng mục, quy mô công trình. (3) Trên cơ sở kế hoạch nhiệm vụ dự toán vốn đã giao đối với từng công trình, dự án, thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành theo đúng quy định. (4) Đối với các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng mà số vốn đã cấp còn thừa, kịp thời đề xuất phương án tiếp tục bổ sung vốn chưa sử dụng cho các công trình còn thiếu để tránh tình trạng tồn đọng vốn. (5) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện ở cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4.2.2.3 Hoàn thiện cơ chế sử dụng vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới

Đối với các nguồn vốn Nhà nước hỗ trợ cho phát triển sản xuất, các địa phương cần rà soát lại cách thức thực hiện và hiệu quả của cách thực hiện đó so với số vốn cấp. Hầu hết, đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, các địa phương đều giao về cho xã quản lý và phân bổ cho các mô hình sản xuất, xã lựa chọn các mô hình sản xuất của các hộ gia đình đủ tiêu chuẩn để cấp vốn. Điều này, làm cho hiệu quả sử dụng đồng vốn không cao. Để sử dụng hiệu quả hơn, cần thực hiện quản lý các mô hình sản xuất này theo cấp huyện, tỉnh quản lý. Huyện, tỉnh cần rà soát, kiểm tra và lựa chọn các mô hình có tính khả thi, đủ tiêu chuẩn sau đó tổ chức các lớp tập huấn cho chủ các mô hình được lựa chọn và cấp vốn, thường xuyên tiến hành kiểm tra, hỗ trợ ngay khi cần thiết.

Đối với nguồn TPCP hỗ trợ cho các địa phương, cần được phân bổ và giải ngân đúng thời hạn. Xây dựng kế hoạch giải ngân vốn phù hợp với tình hình thực hiện ở địa phương. Phân bổ theo hướng dẫn của chính phủ và phù hợp với địa phương. Đối với nguồn vốn này dùng để thực hiện xây dựng CSHT, nên thời gian thực hiện dài, vì vậy cần có kế hoạch phân bổ kịp thời để thuận lợi cho việc giải ngân vốn, tránh tình trạng việc phân bổ vốn cho các công trình chậm làm rút ngắn thời gian thi công và thực hiện các công trình.

Hoàn thiện quy chế và kiểm tra chặt chẽ quá trình tổ chức đấu thầu các công trình hạ tầng. Mỗi công trình, hạng mục công trình lớn trong đề án XDNTM cần được tiến hành dưới hình thức đấu thầu nhằm nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Khi các công trình và hạng mục công trình lớn đều đưa ra đấu thầu sẽ đảm bảo tính minh bạch trong việc sử dụng vốn, từ khâu bắt đầu sử dụng, ngoài ra, nó sẽ đảm bảo chất lượng công trình do các nhà thầu sẽ phải thực hiện nghiêm chỉnh đảm bảo uy tín.

Giám sát chất lượng, tiến độ xây dựng và kiểm soát thanh toán vốn đầu tư cho các công trình, dự án. Chất lượng và tiến độ thực hiện dự án ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng tiết kiệm hay lãng phí vốn đầu tư. Để có thể đảm bảo được chất lượng

công trình và thực hiện đúng tiến độ xây dựng, các đối tượng tham gia quản lý và thực hiện dự án phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Các đối tượng trong ban giám sát này phải đảm bảo đủ các thành phần chuyên môn và có đại diện hộ dân ở các địa phương.

4.2.2.4 Nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn về trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật cho các cán bộ cấp huyện, xã tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có chính sách đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận bằng việc cử các cán bộ trẻ đi học, bồi dưỡng kiến thức và khuyến khích con em địa phương học tập tại các trường đại học, cao đẳng về phục vụ quê hương.

Đối với các cấp quản lý từ huyện trở lên cần chỉ đạo KBNN cùng cấp phối hợp với phòng tài chính kế hoạch huyện chủ trì hướng dẫn quy trình, hồ sơ, thủ tục và thanh toán vốn cho các dự án kịp thời, đúng chế độ quy định. Tăng cường kiểm tra đôn đốc báo cáo tiến độ trong điều hành XD CB và các dự án đầu tư. UBND cấp huyện tập trung chỉ đạo chủ đầu tư quản lý công trình, làm hồ sơ giải ngân và thực hiện quyết toán kịp thời.

4.2.2.5 Tăng cường giám sát chất lượng, tiến độ thanh toán vốn đầu tư

Để có thể đảm bảo được chất lượng công trình và thực hiện đúng tiến độ xây dựng, các đối tượng tham gia quản lý và thực hiện dự án phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm kiểm tra, giám sát của mình. Bên cạnh, việc tăng cường giám sát nâng cao chất lượng công tác xây dựng, vấn đề kiểm soát chặt chẽ, thanh toán vốn đầu tư đúng tiến độ, đúng mục đích, đúng khối lượng hoàn thành cũng là một nhân tố góp phần hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư. Đồng thời, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc trực tiếp kiểm soát và thanh toán các khoản vốn đầu tư, kiên quyết từ chối thanh toán vốn cho phần khối lượng hoàn thành ngoài kế hoạch mà không có lý do phù hợp với thực tế.

4.2.2.6 Thực hiện huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính để nâng cao hiệu quả sử dụng khi thực hiện xây dựng nông thôn mới

Huy động và sử dụng vốn có quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau. Để hiệu quả sử dụng vốn đạt cao cần đảm bảo có đủ vốn để sử dụng. Huy động được nguồn vốn lớn là điều kiện cần để sử dụng vốn có hiệu quả nếu có thêm một kế hoạch sử dụng hợp lý. Nếu sử dụng hợp lý, minh bạch vốn đã huy động được thì sẽ tạo được lòng tin từ cộng đồng, làm cho kết quả huy động nguồn ngoài NSNN cao hơn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Chương trình XDNTM đã được triển khai rộng khắp trên cả nước trong hơn 5 năm qua. Đây là chương trình đầu tiên mà người dân được tham gia xuyên suốt các nội dung của chương trình. Cho đến thời điểm này, chương trình đã đạt được một số kết quả tích cực, giúp cải thiện cải thiện diện mạo nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân (thu nhập người dân tăng 1,9 lần so với trước khi thực hiện). Tuy nhiên, bên cạnh đó còn tồn tại một số hạn chế nhất định và có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu của Chương trình. Một trong những nguyên nhân đó là công tác huy động và sử dụng vốn cho Chương trình còn nhiều hạn chế. Từ kết quả nghiên cứu có thể rút ra một số kết luận như sau:

1. Nguồn lực tài chính (NLTC) là một trong ba loại nguồn lực cơ bản của xã hội. Việc huy động đầy đủ, kịp thời và quản lý sử dụng hợp lý NLTC là một trong những điều kiện quyết định đến sự thành công của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (XDNTM) trên phạm vi cả nước nói chung và ở vùng trung du và miền núi phía Bắc nói riêng.

2. Vùng trung du miền núi (TDMN) phía Bắc gồm 14 tỉnh, với đặc điểm chung là có địa hình khá phức tạp, đa dạng, khí hậu thời tiết khá khắc nghiệt, là vùng có nhiều dân tộc thiểu số, kinh tế chậm phát triển, hệ thống cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, do vậy vấn đề XD NTM phải đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó có vấn đề huy động và sử dụng NLTC.

3. Kết quả phân tích của luận án về thực trạng quá trình huy động và tình hình sử dụng NLTC cho thực hiện chương trình XD NTM tại các tỉnh vùng TDMN phía Bắc cho thấy: chương trình đã huy động được một khối lượng NLTC rất lớn cho XD NTM, bên cạnh nguồn từ ngân sách Nhà nước, đã thu hút được sự tham gia đóng góp của nhiều đối tượng khác nhau;

4. Kết quả phân tích của luận án về thực trạng quá trình huy động và tình hình sử dụng NLTC cho thực hiện chương trình XD NTM tại các tỉnh vùng

TDMN phía Bắc cho thấy: chương trình đã huy động được một khối lượng NLTC rất lớn cho XD NTM, bên cạnh nguồn từ ngân sách Nhà nước, đã thu hút được sự tham gia đóng góp của nhiều đối tượng khác nhau;

5. Công tác quản lý sử dụng NLTC cho XD NTM đã thực hiện khá nghiêm túc các quy định của nhà nước, đã thu hút được sự tham gia quản lý, giám sát của nhiều đối tượng, trong đó có cộng đồng dân cư. Những thành công này đã góp phần rất quan trọng vào thành công của chương trình.

6. Bên cạnh đó cũng còn nhiều bất cập, yếu kém như: phụ thuộc quá nhiều vào nguồn NSNN, tư tưởng trông chờ vào NSNN là khá phổ biến, việc xây dựng kế hoạch XD NTM chưa phù hợp với khả năng tài chính, còn tư tưởng nóng vội, chủ quan, dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn và nợ đọng vốn, khá nhiều công trình đầu tư dở dang.

7. Kết quả nghiên cứu cho thấy kết quả huy động NLTC cho thực hiện Chương trình XDNTM trên địa bàn nghiên cứu phụ thuộc vào các yếu tố: (i) cách thức tổ chức huy động; (ii) sự minh bạch trong sử dụng NLTC; (iii) chất lượng công tác tuyên truyền, vận động và (iv) hoạt động của hệ thống điều hành Chương trình.

8. Trên cơ sở phân tích các thế mạnh và cơ hội hiện nay, luận án đã đề xuất một hệ thống các giải pháp để tăng cường huy động và nâng cao chất lượng quản lý sử dụng NLTC cho XD NTM trên địa bàn, bao gồm: (i) Quy hoạch lại các khu dân cư vùng có mật độ dân số thấp, (ii) Tăng cường các nguồn thu cho ngân sách địa phương, trong đó có nguồn thu từ quỹ đất, (iii) Xác định rõ mức độ ưu tiên của các hạng mục trong từng giai đoạn để tập trung đầu tư, (iv) Xây dựng cơ chế linh hoạt để huy động NLTC cho từng đối tượng cụ thể, (v) Nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở, (vi) Phát huy vai trò tham gia từ phía cộng đồng, (vii) Thực hiện các chính sách huy động vốn tổng hợp, (viii) Công khai, minh bạch trong quá trình sử dụng các nguồn lực huy động, (ix) Hoàn thiện cơ chế quản lý sử dụng vốn đầu tư cho XDNTM, (x) Chú trọng giải quyết triệt để

tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong XD NTM, (xi) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng NLTC cho XD NTM.

2. Kiến nghị phương hướng nghiên cứu tiếp theo

Do giới hạn về thời gian và điều kiện nên phạm vi điều tra của Luận án còn hẹp mặc dù đã có tính đại diện. Từ những phát hiện trong Luận án này, và để tiếp tục hoàn thiện khoảng trống nghiên cứu, hướng nghiên cứu của tác giả giai đoạn tiếp theo như sau: là tiếp tục nghiên cứu ở các địa phương khác trong phạm vi hẹp hơn (tỉnh, huyện) về công tác huy động và sử dụng vốn để thực hiện Chương trình XDNTM để có thể đưa ra được những giải pháp huy động và sử dụng tối ưu nhất cho từng địa bàn cụ thể. Đặc biệt, đưa ra những giải pháp cụ thể hơn trong giai đoạn sau năm 2020 khi chương trình kết thúc.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Đoàn Thị Hân (2015). *Giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ*, Đề tài NCKH cấp cơ sở, Đại học Lâm nghiệp.
2. Đoàn Thị Hân, Trần Thị Mơ (2015), *Quản lý và sử dụng nguồn vốn TPCP thực hiện chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc*, Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp; tháng 10/2015; 133-142.
3. Đoàn Thị Hân (2015), *Xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh TDMN phía Bắc*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo; tháng 12/2015; 17-19.
4. Đoàn Thị Hân (2016), *Giải pháp quản lý NSNN cho chương trình XDNTM vùng TDMN phía Bắc*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo; tháng 1/2016; 58-60.
5. Nguyễn Văn Tuấn, Đoàn Thị Hân (2016), *Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả huy động nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới các tỉnh vùng TDMN phía bắc (bằng tiếng anh)*, Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp; tháng 8/2016; 174-182.
6. Đoàn Thị Hân (2016), *Nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại vùng TDMN phía Bắc*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo; tháng 8/2016; 42-44.
7. Đoàn Thị Hân (2016), *Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp; tháng 10/2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Anh – Văn Lợi (2011), “*Xây dựng nông thôn mới: Bài học và kinh nghiệm từ Trung Quốc*”, http://nongthonmoi.gov.vn/vn/tintuc/Lists/diemsang /View_Detail.aspx?ItemID=27
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT* ngày 7/8/2013 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/ QĐ-TTG ngày 21/3/2013 bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG về XDNTM giai đoạn 2010-2020, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2016), *Công văn số 8726/BNN-VPĐP* về việc giải pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong Chương trình xây dựng Nông thôn mới;
4. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2009), *Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT* ngày 21/8/2009 về hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.
5. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2010), *Sổ tay hướng dẫn xây dựng nông thôn mới*, Nxb Lao động, Hà Nội.
6. Bộ Tài Chính (2012), *Thông tư số 28/2012 /TT-BTC của Bộ Tài chính về quản lý nguồn vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư số 19/2011/TT-BTC* ngày 14 tháng 02 năm 2011 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, Hà Nội.
8. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư số 86/2011/TT-BTC* ngày 17 tháng 6 năm 2011 quy định về quản lý vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, Hà Nội.
9. Chung, KI Whan (2002). “*Dự án thí điểm mô hình Saemaul Undong, Phát triển nông thôn dựa trên sự tham gia của cộng đồng Việt Nam: Lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá*”, Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc.
10. Mai Thanh Cúc và cộng sự (2005), *Giáo trình phát triển nông thôn*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội
11. Nguyễn Sinh Cúc (2013), *Nhìn lại Chương trình XDNTM sau 2 năm thí điểm*, <http://www.tapchiconsan.org.vn>

12. Nguyễn Tiến Định (2012). *Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất cơ chế chính sách huy động nội lực từ người dân vùng núi phía Bắc tham gia xây dựng nông thôn mới*; Đề tài nghiên cứu khoa học;
13. Nguyễn Hoàng Hà (2014), *Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp huy động vốn đầu tư cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn đến năm 2020*; Đề tài nghiên cứu khoa học;
14. Nguyễn Thanh Hải (2014), *Phát triển nông nghiệp các tỉnh TDMN phía bắc theo hướng bền vững*, Luận án tiến sĩ, Viện chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch & Đầu tư.
15. Đoàn Thị Hân (2012), *Giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội cấp xã thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Lâm nghiệp.
16. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng và cộng sự (2011), giáo trình Tài chính tiền tệ, NXB Tài chính, Hà Nội.
17. Hoàng Văn Hoan (2014), *Xây dựng mô hình nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nước ta hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ.
18. Trương Thị Bích Huệ (2015), *Quản lý nguồn vốn cho công tác xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hà Tĩnh*; Luận văn thạc sĩ.
19. Vương Đình Huệ (2012), *Định hướng, giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn*, Tạp chí tài chính.
20. Nguyễn Văn Hùng (2015), *Xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Bắc Ninh*, Luận án tiến sĩ, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Quế Hương (2013), *Một số giải pháp tăng cường thu hút sự tham gia, đóng góp của người dân vào chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đan Phượng - Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Lâm nghiệp.
22. Nguyễn Thu Hương (2009), *Giải pháp huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ vùng nông thôn TDMN phía Bắc giai đoạn 2010 – 2020*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
23. Trần Thị Tô Linh (2013), *Huy động nguồn lực tài chính từ kinh tế tư nhân nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học kinh tế quốc dân.
24. Nguyễn Thành Lợi (2012), *Xây dựng nông thôn mới của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí cộng sản.

25. Nguyễn Ngọc Luân (2012), *Nghiên cứu kinh nghiệm huy động nguồn lực cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới nhằm đề xuất cơ chế chính sách áp dụng cho xây dựng nông thôn mới*; Đề tài nghiên cứu khoa học;
26. Lê Khương Ninh, Phạm Văn Dương (2011), *Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay tín dụng chính thức của hộ nông dân ở An Giang*, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng số 60 (tháng 3-2011);
27. Ngân hàng nhà nước (2010), NHNN đã ban hành Thông tư số 14/2010/TT-NHNN ngày 14/6/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
28. Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
29. Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/06/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
30. Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
31. Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
32. Nghị quyết số 26 - NQ/TU ngày 5/8/2008 hội nghị lần thứ bảy ban chấp hành trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
33. Chu Tiến Quang (2005), *Huy động và sử dụng các nguồn lực trong phát triển kinh tế nông thôn: Thực trạng và giải pháp*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Hoàng Vũ Quang (2014), *Nghiên cứu đóng góp của hộ nông thôn vào các hoạt động kinh tế xã hội địa phương*, Đề tài nghiên cứu khoa học.
35. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam: Hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Phan Xuân Sơn và Nguyễn Xuân Cảnh (2009), *Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay*, Tạp chí cộng sản.
37. Nguyễn Mậu Thái (2015), *Nghiên cứu xây dựng nông thôn mới các huyện phía Tây thành phố Hà Nội*; Luận án tiến sĩ, Học viện nông nghiệp.

38. Nguyễn Quốc Thái và cộng sự (2012), *Tín dụng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam – một số vấn đề lý thuyết*, Tạp chí Kinh tế và phát triển.
39. Nguyễn Đức Thành (2008), *Các nhân tố ảnh hưởng tới đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp: tổng quan những vấn đề lý luận cơ bản*, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, Hà Nội;
40. Vũ Nhữ Thăng (2015), *Nghiên cứu đổi mới chính sách để huy động và quản lý các nguồn lực tài chính phục vụ xây dựng nông thôn mới*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.
41. Lê Sỹ Thọ (2016), *Huy động và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính.
42. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định 491/QĐ-TTg* ngày 16/04/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về XDNTM.
43. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg* ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
44. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định 800/QĐ-TTg* ngày 04/06/2010 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM giai đoạn 2010-2020.
45. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 2406/QĐ-TTg* ngày 18/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 – 2015.
46. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định 695/QĐ-TTg* ngày 8/6/2012 về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn XDNTM.
47. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1786/QĐ-TTg* ngày 27/11/2012 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.
48. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 342/QĐ-TTg* ngày 20 tháng 02 năm 2013 về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM.
49. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 498/QĐ-TTg* ngày 21/3/2013 về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2010-2020.

50. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*.
51. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016 về Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*.
52. Tổng cục thống kê (2015), *Niên giám thống kê*, Nxb Thống kê;
53. Đoàn Phạm Hà Trang (2011), *Xây dựng nông thôn mới: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*, Tạp chí cộng sản.
54. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn (2007), *Nghiên cứu thu chi ngân sách xã một số vùng điển hình nhằm đề xuất giải pháp chính sách phát triển nông thôn*; Đề tài nghiên cứu khoa học.
55. Ủy ban nhân dân tỉnh (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020*, 14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.
56. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020*.
57. Văn phòng điều phối Chương trình MTQG về XDNTM giai đoạn 2010-2020 (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020*.
58. Viện Chiến lược và chính sách tài chính (2013). *Kỷ yếu hội thảo huy động và gắn kết các nguồn lực xây dựng nông thôn mới*, Quảng Ngãi;
59. Phan Xuân (2013), *Xây dựng nông thôn mới: Những thuận – nghịch đặt ra tại Đắc Lắc*, Tạp chí cộng sản, Chuyên đề cơ sở số 79 (7-2013).

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

60. Dakley, Peter et al, "*Projects with People: The Practice of Participation in Rural Development*", Geneva: International Labour Office
61. Frank Ellis (1995), "*Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển (bản dịch)*", NXB Nông nghiệp
62. Hanho Kim, Yong-Kee Lee (2004), *Agriculture Policy Reform and Strucural Adjustment in Korea and Japan*, International Agricultural Trade Research

Consortium, “Adjusting to Domestic and International Agriculture Policy Reform in Industrial Countries” Philadelphia, PA, June 6-7, 2004.

- 63. Thomas Dufhues và Halle (2007), *Accessing rural finance: The rural financial market in Northern Vietnam*).
- 64. Yunus, M. (2005), Expanding microcredit to reach the millenium development.
- 65. World Bank, (1998), "*Agriculture and Environment, Perspectives on Sustainable Rural Development*", Ernst Lutz

TRANG WEBSITE

- 66. Nguyễn Thế Bình “Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp đô thị ở Đài Loan”, <http://iasvn.org/homepage/Kinh-nghiem-phat-trien-nong-nghiep-do-thi-o-Dai-Loan-5231.html>, 04/06/2014.
- 67. Dân Việt “Nông thôn mới Nam Định: Sáng tạo trong cách nghĩ cách làm”, <http://www.vca.org.vn/hop-tac-xa/nong-thon-moi/13473-nong-thon-moi-nam-dinh-sang-tao-trong-cach-nghi-cach-lam.html>, 17/12/2015.
- 68. Đắc Minh “Huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới, kinh nghiệm từ Đan Phượng”, <http://www.nhandan.com.vn/hanoi/tin-moi-nhan/item/27956902-huy-dong-nguon-luc-xay-dung-nong-thon-moi-kinh-nghiem-tu-dan-phuong.html>, 12/11/2015.
- 69. Đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh Quảng Ngãi “*Cách làm xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định*”, <http://dbnd.quangngai.gov.vn/mnews.aspx?id=630>, 2013.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01

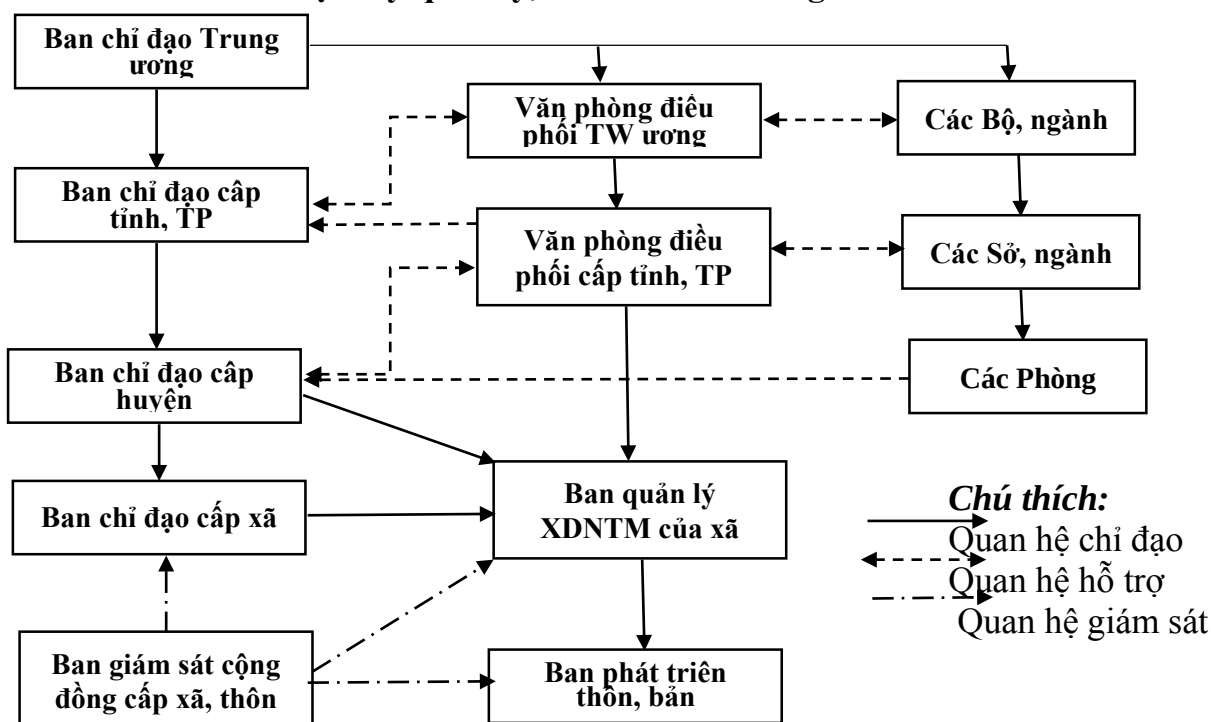
Thang đo thái độ về các nhân tố ảnh hưởng tới sự sẵn lòng tham gia, đóng góp của người dân vào chương trình XDNTM

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ký hiệu</i>
A	<i>Công tác tuyên truyền, phổ biến về nội dung chương trình xây dựng NTM</i>	<i>X1</i>
1	Người dân được <i>tuyên truyền, phổ biến và hiểu rõ chủ trương của Nhà nước</i> về chương trình XDNTM	X11
2	Người dân được phổ biến rõ ràng về <i>nội dung, quy mô các hoạt động của đề án XD NTM</i> của xã mình	X12
3	Người dân được phổ biến rõ ràng về <i>quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm</i> của mình đối với xây dựng NTM	X13
4	<i>Các đoàn thể địa phương tham gia vào công tác tuyên truyền, vận động người dân về chương trình XDNTM</i>	X14
B	<i>Hệ thống điều hành thực hiện chương trình xây dựng NTM</i>	<i>X2</i>
1	Ban chỉ đạo chương trình xã, thôn có sự <i>chỉ đạo rõ ràng</i> trong quá trình thực hiện chương trình XDNTM	X21
2	Lãnh đạo địa phương <i>quan tâm, có trách nhiệm cao</i> trong việc chỉ đạo thực hiện chương trình XDNTM	X22
3	Cán bộ các cấp và ở các đoàn thể ở địa phương gương mẫu <i>trong đóng góp tài chính, công sức, hiến đất....cho chương trình XDNTM</i>	X23
4	Người dân <i>tin tưởng vào sự lãnh đạo</i> của cán bộ địa phương trong quá trình XDNTM	X24
C	<i>Cơ chế tham gia của người dân vào quá trình xây dựng NTM</i>	<i>X3</i>
1	Người dân được <i>tham gia các cuộc họp để thảo luận</i> về các vấn đề có liên quan đến XDNTM	X31
2	Người dân được tham gia <i>biểu quyết, đóng góp ý kiến</i> về các nội dung của đề án XDNTM	X32
3	Người dân được tham gia <i>kiểm tra, giám sát</i> quá trình thực hiện các nội dung chương trình XDNTM	X33
4	Người dân được <i>thông tin đầy đủ về kết quả và chất lượng</i> thực hiện các hoạt động XDNTM	X34
D	<i>Sự minh bạch trong huy động và sử dụng tiền huy động từ người dân</i>	<i>X4</i>
1	Người dân <i>biết rõ</i> nhu cầu vốn cần huy động từ cộng đồng cho chương trình XDNTM	X41
2	Người dân biết rõ mục đích sử dụng các khoản đóng góp của họ cho chương trình XDNTM	X42
3	Người dân được tham gia <i>bàn và đóng góp ý kiến</i> về vấn đề huy động tài chính cho chương trình XDNTM	X43
4	Người dân được giám sát việc sử dụng nguồn tài chính đóng góp cho chương trình XDNTM	X44
E	<i>Đánh giá chung</i>	
1	Tôi sẵn lòng đóng góp tài chính cho chương trình XD NTM	Y

Nguồn: Tác giả

PHỤ LỤC 02

Sơ đồ bộ máy quản lý, điều hành chương trình XDNTM



Nguồn: Chi cục phát triển nông thôn

Sơ đồ 3.1 Bộ máy quản lý điều hành chương trình XDNTM

PHỤ LỤC 03

Vị trí đặt văn phòng điều phối các tỉnh

TT	Tỉnh	Vị trí đặt VPĐP tỉnh	Tài khoản riêng	Con dấu riêng	Trụ sở riêng
1	Hà Giang	UBND tỉnh	x	x	x
2	Cao Bằng	Sở NN và PTNT	x	x	
3	Lào Cai	Sở NN và PTNT	x	x	
4	Bắc Kạn	Sở NN và PTNT	x	x	
5	Lạng Sơn	UBND tỉnh	x	x	x
6	Tuyên Quang	Chi cục PTNT			
7	Yên Bái	Chi cục PTNT			
8	Thái Nguyên	UBND tỉnh	x	x	x
9	Phú Thọ	Chi cục PTNT		x	
10	Bắc Giang	Chi cục PTNT			
11	Lai Châu	Sở NN và PTNT	x	x	
12	Điện Biên	Sở NN và P	x	x	
13	Sơn La	Chi cục PTNT			
14	Hòa Bình	Chi cục PTNT			

Nguồn: Văn phòng điều phối Trung ương

PHỤ LỤC 04

**Tỷ lệ số xã đạt chuẩn từng tiêu chí nông thôn mới tại ba tỉnh nghiên cứu
giai đoạn 2011-2015**

TT	Tiêu chí	Sơn La		Phú Thọ		Lạng Sơn	
		2011	2015	2011	2015	2011	2015
I	Tổng số xã	188	188	207	247	207	207
II	Số TC đạt chuẩn BQ 1 xã (TC)	1,59	6,33	6,51	11,6	4,14	7,4
III	Tỷ lệ đạt chuẩn từng TC (%)						
Quy hoạch							
1	Quy hoạch	0,0	100	72,9	100	11,11	100
Hạ tầng kinh tế-xã hội							
2	Giao thông	0,0	6,91	1,6	17,8	0,0	11,59
3	Thuỷ lợi	5,9	36,17	4,9	23,9	3,38	26,57
4	Điện	16,5	51,60	44,9	93,1	4,35	43,00
5	Trường học	4,3	9,04	17	34,4	0,0	9,66
6	Cơ sở vật chất văn hoá	0,0	9,04	7,7	53,4	0,0	9,66
7	Chợ nông thôn	0,5	15,96	9,7	34,2	21,26	60,39
8	Bưu điện	0,0	60,11	72,1	87,0	9,66	60,87
9	Nhà ở dân cư	0,5	15,96	17,0	50,2	3,38	22,71
Kinh tế và tổ chức sản xuất							
10	Thu thập	5,3	14,89	10,5	55,5	4,35	21,26
11	Hộ nghèo	2,7	13,30	14,6	45,7	6,76	42,51
12	Tỷ lệ LĐ có việc làm TX	0,0	78,72	8,5	84,6	16,91	93,72
13	Hình thức tổ chức sản xuất	9,0	32,98	76,9	90,3	2,42	29,47
Văn hóa – Xã hội – Môi trường							
14	Giáo dục	1,1	36,70	16,6	64,4	6,28	56,04
15	Y tế	16,5	30,85	45,3	36,8	0,0	12,08
16	Văn hoá	6,4	11,70	51,8	87,0	0,0	20,77
17	Môi trường	0,0	4,26	2,4	29,6	0,0	10,63
Hệ thống chính trị							
18	Hệ thống tổ chức CTXH	10,6	31,91	80,2	94,3	17,87	22,71
19	An ninh, trật tự xã hội	56,9	73,40	96,8	75,3	57,97	86,47

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020.

**Hỗ trợ thực hiện XDNTM của ngân hàng NN&PTNT cho vùng TDMN
phía Bắc**

Đơn vị tính: triệu đồng

Tỉnh	Huyện	Xã	Số tiền	Công trình
Tổng cộng				
Bắc Cạn	Chợ Mới	Yên Định	500	Nhà sinh hoạt cộng đồng
Bắc Giang	Lạng Giang	Tân Hưng	2.000	Trường mầm non
	Hiệp Hòa	Đại Thành	50	Lớp học mầm non
		Danh Thắng	3	Biển quảng cáo NTM
		UBND huyện	39	Tuyên truyền thành tựu PTKTXH huyện
Hòa Bình	Tân Lạc	Tứ Nê	1.000	Nhà sinh hoạt cộng đồng
Lào Cai	Bảo Thắng	Phú Nhuận	587	Nhà văn hóa
Phú Thọ	Thanh Ba	Đông Thành	1.000	Trạm y tế
Sơn La	Yên Châu	Chiềng Păn	2.000	Trạm y tế
	Phù Yên	Quang Huy	10.500	Trường mầm non
	Mai Sơn	Mường Chanh	15.000	Trường học
	Bắc Yên	Trường bán trú	10.000	
		TT. Bắc Yên	3.000	Trường mầm non Hoa Ban
		Mường Khoa	1.000	Trường mầm non Ánh Dương
	Mộc Châu	TT Nông trường MC	4.000	Trường THCS
Thái Nguyên	Đại Từ	Hùng Sơn	1.000	Trường mầm non
Hà Giang			40.903	Ủng hộ các xã nghèo, khó khăn, hộ nghèo, gia đình chính sách,...
Tuyên Quang			12.300	Ủng hộ từ thiện, xây dựng mầm non, nhà tình nghĩa

Nguồn: Tham luận tổng kết 5 năm XDNTM ngân hàng NN&PTNT

PHỤ LỤC 06
Đánh giá của người dân về cơ sở hạ tầng

Đơn vị tính: %

Đánh giá chất lượng	Giao thông	Tốt	74,44
		Khá	24,44
		TB	1,12
		Yếu	0
	Thủy Lợi	Tốt	44,44
		Khá	46,67
		TB	8,33
		Yếu	0,56
	Điện	Tốt	39,44
		Khá	47,22
		TB	12,78
		Yếu	0,56
	Trường học	Tốt	55
		Khá	33,89
		TB	11,11
		Yếu	0
	Nhà văn hóa	Tốt	52,22
		Khá	37,78
		TB	10
		Yếu	0
	Trạm y tế	Tốt	37,22
		Khá	51,66
		TB	10,56
		Yếu	0,56

Nguồn: Kết quả khảo sát

PHỤ LỤC 07

Phiếu phỏng vấn sâu các nhóm đối tượng

PHIẾU PHỎNG VẤN

Về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Đối tượng: Cán bộ làm công tác quản lý tài chính

Ghi chú: Ông/bà đánh dấu x vào ô được lựa chọn cho từng câu hỏi

I. Thông tin chung của người được phỏng vấn

- Họ và tên:..... Tuổi:..... Giới tính:.....
- Là cán bộ của cơ quan:.....
- Chức vụ hiện tại:.....

II. Nội dung phỏng vấn:

Về công tác tuyên truyền

1. Ông/bà biết về nội dung của chương trình NTM qua;

TT	Nội dung	Có	Không
1	Từ các văn bản, chỉ thị của cấp trên		
2	Các câu lạc bộ ở địa phương		
3	Các phương tiện thôn tin đại chúng		
4	Qua các đợt đào tạo, tập huấn		
5	Khác (hội thi tìm hiểu,...)		

Ông/bà hiểu về chủ trương của Chương trình XDNTM?

- ☐ Đã hiểu ☐ Hiểu 1 phần ☐ Chưa hiểu

2. Theo ông/bà hình thức tuyên truyền xây dựng nông thôn mới có phù hợp không?

- ☐ Rất phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Theo ông/bà chủ thể xây dựng Nông thôn mới là ai?

- ☐ Người dân ☐ Đảng và chính quyền địa phương
☐ Nhà nước ☐ Các tổ chức chính trị - xã hội
☐ Hội nông dân ☐ Khác:.....

3. Theo ông/bà việc cấp vốn từ NSNN cho thực hiện các tiêu chí của NTM có đúng theo kế hoạch đặt ra?

- ☐ Đúng theo kế hoạch
☐ Chậm so với kế hoạch
☐ Nhanh

4. Việc cấp vốn như vậy có ảnh hưởng như thế nào trong quá trình thực hiện chương trình?

- ☐ Tạo động lực thúc đẩy quá trình thực hiện
☐ Gây trở ngại cho việc thực hiện các nội dung chương trình
☐ Ảnh hưởng xấu tới lòng tin của nhân dân
☐ Khác:.....

5. Việc giải ngân vốn từ NSNN cấp cho địa phương có những khó khăn gì?

- ☐ Vốn cấp chậm so với kế hoạch
☐ Việc thực hiện các công trình không đúng kế hoạch
☐ Cán bộ phụ trách tài chính hạn chế về trình độ
☐ Khó khăn trong việc phối hợp các bộ phận có liên quan
☐ Khác:.....

6. Thủ tục thanh toán các công trình xây dựng cơ bản ở địa phương:

☐ Dễ thực hiện

☐ Khó thực hiện (nêu rõ lý do....)

7. Đóng góp của người dân chủ yếu:

☐ Tiền mặt

☐ Ngày công lao động

☐ Hiến đất, tài sản trên đất

8. Ban hành văn bản hướng dẫn, phân bổ, cấp phát vốn của cấp tỉnh, cấp huyện cho việc thực hiện xây dựng các công trình:

☐ Rõ ràng

☐ Không rõ ràng

9. Mức hỗ trợ của NSNN đối với các nội dung là:

☐ Cao hơn nhu cầu

☐ Đủ như cầu

☐ Thiếu

10. Việc huy động các nguồn vốn từ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức khác trên địa bàn có được thực hiện nghiêm túc triển khai?

☐ Nghiêm túc thực hiện

☐ Còn bỏ qua nhiều công đoạn

11. Việc bố trí vốn cho các công trình ở địa phương có phù hợp không?

☐ Rất phù hợp

☐ Phù hợp

☐ Không phù hợp

12. Theo ông/bà sự tham gia của người dân có làm giảm chi phí đầu tư xây dựng:

☐ Có

☐ Không ảnh hưởng

13. Theo ông/bà sự tham gia của người dân vào việc bàn bạc và ra quyết định có góp phần đảm bảo chất lượng công trình và phù hợp với nhu cầu sử dụng của người dân:

☐ Có

☐ Không ảnh hưởng

14. Theo ông/bà làm thế nào để huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực từ cộng đồng cho thực hiện XDNTM ở địa phương:

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Việc tổ chức họp dân để bàn bạc	
2	Công tác vận động của các tổ chức đoàn thể	
3	Việc ghi chép các khoản đóng góp	
4	Sự minh bạch, công khai trong sử dụng vốn	
5	Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động	
6	Mức độ tự nguyện của người dân	

15. Theo ông/bà làm thế nào để quản lý và sử dụng tốt hơn các nguồn lực từ NSNN cho thực hiện XDNTM ở địa phương:

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hợp lý	
2	Xây dựng kế hoạch giải ngân vốn phù hợp với thực tế và kế hoạch chương trình	
3	Trình độ và kinh nghiệm của cán bộ quản lý tài chính	
4	Có sự tham gia giám sát của người dân trong quá trình sử dụng vốn	
5	Có sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng kế hoạch vốn	
6	Chất lượng và trình độ của lãnh đạo địa phương	
7	Các thủ tục thanh toán và quyết toán công trình, dự án	

Đánh giá chung

1. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

2. Việc huy động các nguồn vốn ngoài NSNN ở địa phương đạt kết quả như thế nào?

☐ Cao

☐ Bình thường

☐ Chưa huy động được

3. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ nguồn ngoài NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

4. Nhận xét ban đầu của ông/bà về những tác động ban đầu của những chương trình XDNTM mang lại cho địa phương?

TT	Nội dung	Đánh giá		
		Tốt hơn	Không đổi	Kém hơn
1	Cơ sở hạ tầng địa phương			
2	Đời sống kinh tế dân cư			
3	Đời sống xã hội (Y tế, giáo dục, an ninh...)			
4	Môi trường			

5. *Đánh giá về kết quả sử dụng vốn*

TT	Chỉ tiêu	Tốt	Trung bình	Kém
1	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền từ NSNN so với nhu XDNTM			
2	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền ngoài NSNN so với nhu XDNTM			
3	Sử dụng tiền đầu tư đúng mục đích			
4	Chất lượng của các công trình đầu tư			
5	Mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư			

Ngày tháng năm 2015

PHIẾU KHẢO SÁT

Về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới

tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Đối tượng: Cán bộ đoàn thể địa phương

(Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc)

Ghi chú: Ông/bà đánh dấu x vào ô được lựa chọn cho từng câu hỏi

I. Thông tin chung của người được phỏng vấn

- Họ và tên:..... Tuổi:..... Giới tính:.....
- Cán bộ hội:.....
- Nơi ở hiện nay:.....

II. Nội dung phỏng vấn:

1. Ông/bà biết về nội dung của chương trình NTM qua;

TT	Nội dung	Có	Không
1	Từ các văn bản, chỉ thị của cấp trên		
2	Các câu lạc bộ ở địa phương		
3	Các phương tiện thôn tin đại chúng		
4	Qua các đợt đào tạo, tập huấn		
5	Khác (hội thi tìm hiểu,...)		

Ông/bà hiểu về chủ trương của Chương trình XDNTM?

- ☐ Đã hiểu ☐ Hiểu 1 phần ☐ Chưa hiểu

2. Theo ông/bà hình thức tuyên truyền xây dựng nông thôn mới có phù hợp không?

- ☐ Rất phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Không phù hợp

3. Theo ông/bà chủ thể xây dựng Nông thôn mới là ai?

- ☐ Người dân ☐ Đảng và chính quyền địa phương
☐ Nhà nước ☐ Các tổ chức chính trị - xã hội
☐ Hội nông dân ☐ Khác:.....

4. Theo ông/bà mục tiêu của chương trình xây dựng NTM là gì? (có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương
☐ Phát triển kinh tế xã hội địa phương
☐ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nông dân
☐ Khác:.....

5. Theo ông/bà hoạt động của các Hội, đoàn thể ảnh hưởng trong việc vận động sự đóng góp của người dân địa phương để thực hiện chương trình NTM?

- ☐ Ảnh hưởng ☐ Bình thường ☐ Không ảnh hưởng

6. Việc huy động các nguồn vốn từ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức khác trên địa bàn có được thực hiện nghiêm túc triển khai?

- ☐ Nghiêm túc thực hiện ☐ Còn bỏ qua nhiều công đoạn

. Việc bố trí vốn cho các công trình ở địa phương có phù hợp không?

- ☐ Rất phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Không phù hợp

7. Ở địa phương việc huy động sự đóng góp của quần chúng thực hiện trên tinh thần:

- ☐ Tự nguyện ☐ Bắt buộc

8. Theo ông/bà việc cấp vốn từ NSNN cho thực hiện các tiêu chí của NTM có đúng theo kế hoạch đặt ra?

- ☐ Đúng theo kế hoạch
☐ Chậm so với kế hoạch

☐ Nhanh

9. Theo ông/bà làm lý do huy động các nguồn lực ngoài NSNN cho thực hiện XDNTM ở địa phương còn khó khăn

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Việc tổ chức họp dân để bàn bạc	
2	Công tác vận động của các tổ chức đoàn thể	
3	Việc ghi chép các khoản đóng góp	
4	Sự minh bạch, công khai trong sử dụng vốn	
5	Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động	
6	Mức độ tự nguyện của người dân	

10. Mức hỗ trợ của NSNN đối với các nội dung là:

☐ Đủ nhu cầu

☐ Cao hơn nhu cầu

☐ Thiếu

Đánh giá chung

1. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

2. Việc huy động các nguồn vốn ngoài NSNN ở địa phương đạt kết quả như thế nào?

☐ Cao

☐ Bình thường

☐ Chưa huy động được

3. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ nguồn ngoài NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

4. Nhận xét ban đầu của ông/bà về những tác động ban đầu của những chương trình XDNTM mang lại cho địa phương?

TT	Nội dung	Đánh giá		
		Tốt hơn	Không đổi	Kém hơn
1	Cơ sở hạ tầng địa phương			
2	Đời sống kinh tế dân cư			
3	Đời sống xã hội (Y tế, giáo dục, an ninh...)			
4	Môi trường			

5. Đánh giá về kết quả sử dụng vốn

T	Chỉ tiêu	Tốt	Trung bình	Kém
1	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền từ NSNN so với nhu cầu			
2	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền ngoài NSNN so với nhu cầu			
3	Sử dụng tiền đầu tư đúng mục đích			
4	Chất lượng của các công trình đầu tư			

5	Mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư			
---	--	--	--	--

PHIẾU KHẢO SÁT

Về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Đối tượng: Người dân

Ghi chú: Ông/bà đánh dấu (x) vào các ô được lựa chọn đối với mỗi câu hỏi

I. Thông tin chung của người được phỏng vấn

1. Họ và tên: Tuổi: Giới tính:

2. Địa chỉ:

3. Trình độ học vấn:

☐ Sau đại học

☐ Đại học

☐ Cao đẳng

☐ Trung cấp

☐ Khác

4. Nghề nghiệp hiện tại:

5. Thu nhập chính của gia đình ông bà hàng tháng: triệu đồng/tháng

II. Nội dung phỏng vấn:

1. Ông/bà biết về nội dung của chương trình NTM qua;

TT	Nội dung	Có	Không
1	Từ các văn bản, chỉ thị của cấp trên		
2	Các câu lạc bộ ở địa phương		
3	Các phương tiện thông tin đại chúng		
4	Qua các đợt đào tạo, tập huấn		
5	Khác (hội thi tìm hiểu,...)		

Ông/bà hiểu về chủ trương của Chương trình XDNTM?

☐ Đã hiểu

☐ Hiểu 1 phần

☐ Chưa hiểu

2. Theo ông/bà hình thức tuyên truyền xây dựng nông thôn mới có phù hợp không?

☐ Rất phù hợp

☐ Phù hợp

☐ Không phù hợp

3. Theo ông/bà chủ thể xây dựng Nông thôn mới là ai (Có thể chọn nhiều phương án)?

☐ Người dân

☐ Đảng và chính quyền địa phương

☐ Nhà nước

☐ Các tổ chức chính trị - xã hội

☐ Hội nông dân

☐ Khác:

4. Theo ông/bà mục tiêu của chương trình xây dựng NTM là gì (Có thể chọn nhiều phương án)?

☐ Xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương

☐ Phát triển kinh tế xã hội địa phương

☐ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nông dân

☐ Khác:

5. Theo ông/bà hoạt động của các tổ chức Hội, đoàn thể ở địa phương có ảnh hưởng đến người dân địa phương tham gia xây dựng nông thôn mới?

☐ Ảnh hưởng lớn

☐ Ảnh hưởng

☐ Không ảnh hưởng gì

6. Ông bà đã tham gia đóng góp cho chương trình chưa?

☐ Đã tham gia

☐ Chưa tham gia

7. Gia đình ông/bà đóng góp cho chương trình XDNTM dưới hình thức nào? Số lượng bao nhiêu?

TT	Hình thức	Số lượng	Tự nguyện hay bắt buộc
1	Tiền		
2	Ngày công		
3	Hiện vật (cát, đá, vật liệu,...)		
4	Hiện đất		
5	Khác (Tham gia ý kiến,...)		

Nếu câu 6 chọn “chưa tham gia” thì bỏ qua câu hỏi này.

8. Mức đóng góp trên của gia đình theo ông/bà:

☐ Quá cao ☐ Cao ☐ Phù hợp ☐ Thấp

9. Các thông tin đóng góp của người dân địa phương đến thời điểm này có được công khai trên các báo cáo và phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương?

☐ Được công khai rõ ràng ☐ Công khai nhưng chưa cụ thể ☐ Không được công khai

10. Ông / Bà có vay tiền tại các ngân hàng hay một tổ chức tín dụng nào không?

☐ Có ☐ Không

Nếu có: Ông / Bà vay tiền nhằm mục đích gì?

☐ Sản xuất kinh doanh ☐ Chi tiêu ☐ Mục đích khác

11. Theo Ông / Bà thì việc vay tiền tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn có khó không?

☐ Dễ ☐ Không khó lắm ☐ Rất khó ☐ Không biết thông tin

12. Gia đình ông/bà có tham gia vào hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động của chương trình xây dựng NTM ở địa phương:

☐ Có ☐ Không

13. Ông/bà đánh giá về các chất lượng CSHT của địa phương sau thời gian thực hiện xây dựng NTM:

TT	Hạng mục	Mức đánh giá			
		Tốt	Khá	TB	Kém
1	Đường giao thông				
2	Hệ thống thủy lợi				
3	Điện lưới				
4	Trường học				
5	Nhà văn hóa				
6	Trạm y tế				

14. Những công trình đã hoàn thành đưa vào vận hành, người dân có tham gia quản lý không?

☐ Có ☐ Không

15. Ông bà cho biết sự hài lòng của mình khi sử dụng các công trình đã hoàn thành?

☐ Rất hài lòng ☐ Hài lòng ☐ Không hài lòng

16. Mức hỗ trợ của NSNN đối với các nội dung là:

☐ Đủ nhu cầu ☐ Cao hơn nhu cầu ☐ Thiếu

17. Theo ông/bà làm lý do huy động các nguồn lực ngoài NSNN cho thực hiện XDNTM ở địa phương còn khó khăn

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Việc tổ chức họp dân để bàn bạc	
2	Công tác vận động của các tổ chức đoàn thể	
3	Việc ghi chép các khoản đóng góp	
4	Sự minh bạch, công khai trong sử dụng vốn	
5	Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động	
6	Mức độ tự nguyện của người dân	

18. Theo ông/bà việc cấp vốn từ NSNN cho thực hiện các tiêu chí của NTM có đúng theo kế hoạch đặt ra?

- ☐ Đúng theo kế hoạch
☐ Chậm so với kế hoạch
☐ Nhanh

Đánh giá chung

1. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

2. Việc huy động các nguồn vốn ngoài NSNN ở địa phương đạt kết quả như thế nào?

- ☐ Cao ☐ Bình thường ☐ Chưa huy động được

3. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ nguồn ngoài NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

4. Nhận xét ban đầu của ông/bà về những tác động ban đầu của những chương trình XDNTM mang lại cho địa phương?

TT	Nội dung	Đánh giá		
		Tốt hơn	Không đổi	Kém hơn
1	Cơ sở hạ tầng địa phương			
2	Đời sống kinh tế dân cư			
3	Đời sống xã hội (Y tế, giáo dục, an ninh...)			
4	Môi trường			

5. Đánh giá về kết quả sử dụng vốn

TT	Chỉ tiêu	Tốt	Trung bình	Kém
1	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền từ NSNN so với nhu XDNTM			
2	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền ngoài NSNN so với nhu XDNTM			
3	Sử dụng tiền đầu tư đúng mục đích			
4	Chất lượng của các công trình đầu tư			
5	Mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư			

Ngày tháng năm 2015

PHIẾU KHẢO SÁT

Huy động và sử dụng nguồn lực cho chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

(Phiếu dành cho doanh nghiệp và tổ chức tín dụng)

Ghi chú: Ông/bà đánh dấu (x) vào các ô được lựa chọn đối với mỗi câu hỏi

Phần 1. Thông tin chung về đơn vị

- Họ và tên người đại diện:.....Giới tính:.....
- Nơi ở hiện nay:
- Đơn vị công tác: Chức vụ:
- Lĩnh vực kinh doanh (nếu là Doanh nghiệp):.....

Phần II. Vai trò và sự tham gia của đơn vị trong xây dựng nông thôn mới

- Tổng số nhân viên/lao động của doanh nghiệp hiện nay?
- Trong đó nhân viên/lao động của địa phương? Nữ
- Ông/bà có đánh giá như thế nào về chất lượng lao động địa phương?
☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Kém
- Thu nhập bình quân/lao động (nhân viên)/tháng hiện nay?
- Ông/bà biết về nội dung của chương trình NTM qua;

TT	Nội dung	Có	Không
1	Từ các văn bản, chỉ thị của cấp trên		
2	Các câu lạc bộ ở địa phương		
3	Các phương tiện thông tin đại chúng		
4	Qua các đợt đào tạo, tập huấn		
5	Khác (hội thi tìm hiểu,...)		

Ông/bà hiểu về chủ trương của Chương trình XDNTM?

- ☐ Đã hiểu ☐ Hiểu 1 phần ☐ Chưa hiểu
5. Theo ông/bà hình thức tuyên truyền xây dựng nông thôn mới có phù hợp không?
☐ Rất phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Không phù hợp

6. Theo ông/bà chủ thể xây dựng Nông thôn mới là ai? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Người dân ☐ Đảng và chính quyền địa phương
☐ Nhà nước ☐ Các tổ chức chính trị - xã hội
☐ Hội nông dân ☐ Khác:.....

7. Theo ông/bà những mục tiêu của chương trình xây dựng NTM là gì?

- ☐ Xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương
☐ Phát triển kinh tế xã hội địa phương
☐ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nông dân

8. Đơn vị đã tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới của địa phương chưa?

- ☐ Có ☐ Không

9. Đơn vị ông/bà đã và sẽ tham gia đóng góp bằng hình thức nào?

TT	Hình thức	Số lượng	Tự nguyện hay bắt buộc
1	Tiền		
2	Ngày công		
3	Hiện vật		
4	Tổ chức các lớp đào tạo nghề		

5	Tạo thêm việc làm cho lao động địa phương		
---	---	--	--

Khác: (ghi rõ).....

10. Theo Ông/bà điều gì ảnh hưởng đến đầu tư của Đơn vị vào nông nghiệp, nông thôn?

TT	Chỉ tiêu	Số DN chọn	Đánh giá		
			Tốt	TB	Kém
1	Cơ sở hạ tầng địa phương				
2	Tài nguyên thiên nhiên				
3	Chất lượng lao động				
4	Chính sách hỗ trợ địa phương				
5	Thủ tục hành chính đối với DN				
6	Tiếp cận nguồn tín dụng				
7	Điều kiện về đất đai của địa phương				

11. Theo Ông / Bà thì việc vay tiền tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn có khó không?

☐ Dễ ☐ Không khó lắm ☐ Rất khó

12. Theo ông/bà làm thế nào để huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực từ cộng đồng cho thực hiện XDNTM ở địa phương:

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Việc tổ chức họp dân để bàn bạc	
2	Công tác vận động của các tổ chức đoàn thể	
3	Việc ghi chép các khoản đóng góp	
4	Sự minh bạch, công khai trong sử dụng vốn	
5	Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động	
6	Mức độ tự nguyện của người dân	

13. Mức hỗ trợ của NSNN đối với các nội dung là:

☐ Đủ nhu cầu ☐ Cao hơn nhu cầu ☐ Thiếu

14. Theo ông/bà việc cấp vốn từ NSNN cho thực hiện các tiêu chí của NTM có đúng theo kế hoạch đặt ra?

☐ Đúng theo kế hoạch
☐ Chậm so với kế hoạch
☐ Nhanh

15. Theo ông/bà làm thế nào để huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực từ cộng đồng cho thực hiện XDNTM ở địa phương:

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động	
2	Sự tin tưởng vào lãnh đạo địa phương	
3	Sự nhiệt tình tham gia của các tổ chức đoàn thể địa phương	
4	Sự minh bạch trong quá trình sử dụng nguồn vốn huy động	
5	Có sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng kế hoạch vốn	
6	Có sự tham gia giám sát của người dân trong quá trình sử dụng vốn	

Đánh giá chung

1. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			

Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

2. Việc huy động các nguồn vốn ngoài NSNN ở địa phương đạt kết quả như thế nào?

☐ Cao

☐ Bình thường

☐ Chưa huy động được

3. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ nguồn ngoài NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

4. Nhận xét ban đầu của ông/bà về những tác động ban đầu của những chương trình XDNTM mang lại cho địa phương?

TT	Nội dung	Đánh giá		
		Tốt hơn	Không đổi	Kém hơn
1	Cơ sở hạ tầng địa phương			
2	Đời sống kinh tế dân cư			
3	Đời sống xã hội (Y tế, giáo dục, an ninh...)			
4	Môi trường			

5. Đánh giá về kết quả sử dụng vốn

TT	Chỉ tiêu	Tốt	Trung bình	Kém
1	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền từ NSNN so với nhu XDNTM			
2	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền ngoài NSNN so với nhu XDNTM			
3	Sử dụng tiền đầu tư đúng mục đích			
4	Chất lượng của các công trình đầu tư			
5	Mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư			

Ngày tháng năm 2015

PHIẾU KHẢO SÁT

Huy động và sử dụng NLTC cho chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

(Phiếu dành cho cán bộ Đảng, chính quyền địa phương)

Ghi chú: Ông/bà đánh dấu (x) vào các ô được lựa chọn đối với mỗi câu hỏi

Phần 1. Thông tin chung về xã

Họ tên cán bộ..... Chức vụ.....

Xã..... Là xã

Huyện:..... Tỉnh.....

Phần 2: Huy động, quản lý và sử dụng vốn Chương trình XDNTM

1. Ông/bà biết về nội dung của chương trình NTM qua;

TT	Nội dung	Có	Không
1	Từ các văn bản, chỉ thị của cấp trên		
2	Các câu lạc bộ ở địa phương		
3	Các phương tiện thông tin đại chúng		
4	Qua các đợt đào tạo, tập huấn		
5	Khác (hội thi tìm hiểu,...)		

Ông/bà hiểu về chủ trương của Chương trình XDNTM?

☐ Đã hiểu ☐ Hiểu 1 phần ☐ Chưa hiểu

2. Theo ông/bà hình thức tuyên truyền xây dựng nông thôn mới có phù hợp không?

☐ Rất phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Không phù hợp

Theo ông/bà chủ thể xây dựng Nông thôn mới là ai?

☐ Người dân ☐ Đảng và chính quyền địa phương
☐ Nhà nước ☐ Các tổ chức chính trị - xã hội
☐ Hội nông dân ☐ Khác:.....

3. Việc lập kế hoạch Chương trình XDNTM hàng năm cấp xã được tiến hành:

☐ Do cấp trên quyết định ☐ Do chính quyền xã xây dựng ☐ Có sự tham gia của người dân

4. Việc giải ngân vốn từ NSNN cấp cho địa phương có những khó khăn gì?

☐ Vốn cấp chậm so với kế hoạch
☐ Việc thực hiện các công trình không đúng kế hoạch
☐ Cán bộ phụ trách tài chính hạn chế về trình độ
☐ Khó khăn trong việc phối hợp các bộ phận có liên quan

5. Thủ tục thanh toán các công trình xây dựng cơ bản ở địa phương:

☐ Dễ thực hiện ☐ Khó thực hiện (nêu rõ lý do....)

6. Ở địa phương việc huy động sự đóng góp của quần chúng thực hiện trên tinh thần:

☐ Tự nguyện ☐ Bắt buộc

7. Đóng góp của người dân chủ yếu:

☐ Tiền mặt ☐ Ngày công lao động ☐ Hiến đất, tài sản trên đất

8. Ban hành văn bản hướng dẫn, phân bổ, cấp phát vốn của cấp tỉnh, cấp huyện cho việc thực hiện xây dựng các công trình:

☐ Rõ ràng ☐ Không rõ ràng

9. Mức hỗ trợ của NSNN đối với các nội dung là:

☐ Đủ nhu cầu ☐ Cao hơn nhu cầu ☐ Thiếu

10. Việc huy động các nguồn vốn từ người dân, doanh nghiệp, các tổ chức khác trên địa bàn có được thực hiện nghiêm túc triển khai?

☐ Nghiêm túc thực hiện ☐ Còn bỏ qua nhiều công đoạn

11. Theo ông/bà việc cấp vốn từ NSNN cho thực hiện các tiêu chí của NTM có đúng theo kế hoạch đặt ra?

☐ Đúng theo kế hoạch
☐ Chậm so với kế hoạch
☐ Nhanh

12. Theo ông/bà làm thế nào để huy động và sử dụng tốt hơn các nguồn lực từ cộng đồng cho thực hiện XDNTM ở địa phương:

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Việc tổ chức họp dân đề bàn bạc	
2	Công tác vận động của các tổ chức đoàn thể	
3	Việc ghi chép các khoản đóng góp	
4	Sự minh bạch, công khai trong sử dụng vốn	
5	Sự minh bạch, công khai về thông tin các nguồn vốn huy động	
6	Mức độ tự nguyện của người dân	

13. Theo ông/bà làm thế nào để quản lý và sử dụng tốt hơn các nguồn lực từ NSNN cho thực hiện XDNTM ở địa phương:

TT	Nội dung	Thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hợp lý	
2	Xây dựng kế hoạch giải ngân vốn phù hợp với thực tế	
3	Trình độ và kinh nghiệm của cán bộ quản lý tài chính	
4	Có sự tham gia giám sát của người dân trong quá trình sử dụng vốn	
5	Có sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng kế hoạch vốn	
6	Phẩm chất và trình độ của lãnh đạo địa phương	
7	Các thủ tục thanh toán và quyết toán công trình, dự án	

Đánh giá chung

1. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

2. Việc huy động các nguồn vốn ngoài NSNN ở địa phương đạt kết quả như thế nào?

☐ Cao ☐ Bình thường ☐ Chưa huy động được

3. Đánh giá của ông/bà về việc giải ngân vốn cho các công trình được đầu tư từ nguồn ngoài NSNN:

Nội dung	Tốt	Trung bình	Kém
Sự minh bạch trong sử dụng vốn NSNN			
Sử dụng vốn đúng theo kế hoạch			
Tính hợp lý trong sử dụng vốn			
Đảm bảo đúng quy định của pháp luật			

4. Nhận xét ban đầu của ông/bà về những tác động ban đầu của những chương trình XDNTM mang lại cho địa phương?

TT	Nội dung	Đánh giá
----	----------	----------

		Tốt hơn	Không đổi	Kém hơn
1	Cơ sở hạ tầng địa phương			
2	Đời sống kinh tế dân cư			
3	Đời sống xã hội (Y tế, giáo dục, an ninh...)			
4	Môi trường			

5. Đánh giá về kết quả sử dụng vốn

TT	Chỉ tiêu	Tốt	Trung bình	Kém
1	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền từ NSNN so với nhu XDNTM			
2	Mức độ đáp ứng của nguồn tiền ngoài NSNN so với nhu XDNTM			
3	Sử dụng tiền đầu tư đúng mục đích			
4	Chất lượng của các công trình đầu tư			
5	Mức độ phát huy tác dụng của các công trình đầu tư			

Ngày tháng năm 2015

PHỤ LỤC 08
Kết quả sử dụng nguồn vốn ngoài NSNN giai đoạn 2011-2015 tỉnh Sơn La

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Giai đoạn 2011-2015					Dự kiến giai đoạn 2016-2020				
		Tổng	Tín dụng	D.nghịệp	Dân góp	Nguồn khác	Tổng	Tín dụng	D.nghịệp	Dân góp	Khác
		23.151.629,8	16.065.273	4.801.482,5	1.160.147,6	1.124.726,7	32.090.000	20.800.000	8.500.000	1.590.000	1.200.000
1	Giao thông	1.562.473,6	683.600	236.734,5	642.139,1	-	1.026.500		276.500	750.000	-
2	Thủy lợi	21.277,8	10.000	-	256	11.021,8	329.500		10.000	279.500	40.000
3	Điện	680.835,0	-	680.835	-	-	800.000		800.000	-	-
4	Giáo dục	499.132,2	5.000	-	550	493.582,2	500.500		-	500	500.000
5	Văn hóa	1.086,0	-	4	1.082	-	13.500		3.500	10.000	-
6	Chợ nông thôn	59.516,2				59.516,2	120.000		60.000		60.000
7	Nhà ở dân cư	101.500,0	-	-	101.500	-	110.000		-	110.000	-
8	Phát triển SX	465.960,5	612	61.183	404.165,5	-	1.070.000		650.000	420.000	-
9	Xóa đói, giảm nghèo	274.900,5	175.059	-	-	99.841,5	100.000		-	-	100.000
10	Dạy nghề giải quyết việc làm	149.097	42.697	-	-	106.400	100.000		-	-	100.000
11	Phát triển các hình thức TCSX	10.000	-	-	10.000	-	10.000		-	10.000	-
12	Môi trường	359.820	5.000	-	455	354.365	410.000		-	10.000	400.000
13	Vốn dự án di dân tái định cư	3.452.276	-	3.452.276	-	-	6.700.000		6.700.000	-	-
14	Đề án 1460 (Hỗ trợ SX, di chuyển dân,...)	370.450	-	370.450	-	-	-			-	-
15	Vay vốn tín dụng	12.565.000	12.565.000				18.000.000	18.000.000			
16	Vay vốn NHCS XH	2.578.305	2.578.305				2.800.000	2.800.000			

Nguồn: Báo cáo XDNTM tỉnh Sơn La

PHỤ LỤC 09

Kế hoạch huy động và sử dụng vốn giai đoạn 2016-2020 ở các tỉnh TDMN phía Bắc

TT	Tỉnh	Tổng	Vốn từ NSNN				Vốn ngoài NSNN				
			Tổng vốn từ NSNN	NSTW	Lồng ghép	Ngân sách ĐP	Tổng nguồn ngoài NSNN	Doanh nghiệp	Tín dụng	Người dân	Khác
Tổng cộng		182.334.818	79.380.273	35.173.132	36.067.029	8.140.112	102.954.545	15.707.035	48.308.079	38.819.962	119.469
1	Hà Giang	6.974.681	5.229.745	1.936.013	3.112.501	181.231	1.744.936	212.930	1.333.325	154.212	44.469
2	Cao Bằng	5.568.000	2.458.000	2.458.000			3.110.000	1.020.000	1.530.000	510.000	50.000
3	Bắc Cạn	2.776.800	1.138.600	1.092.200		46.400	1.638.200	546.100	819.100	273.000	
4	Tuyên Quang	11.881.235	4.320.457	663.895	3.254.495	402.067	7.560.778	1.375.401	4.997.254	1.188.123	
5	Lào Cai	8.886.000	7.416.000	1.316.000	5.257.100	842.900	1.470.000	400.000	650.000	420.000	
6	Yên Bái	9.165.000	5.915.000	910.000	5.000.000	5.000	3.250.000	250.000	2.500.000	500.000	
7	Thái Nguyên	35.100.000	4.100.000	1.750.000	1.000.000	1.350.000	31.000.000		450.000	30.550.000	
8	Lạng Sơn	8.138.000	4.163.000	2.488.000	1.675.000		3.975.000	50.000	3.500.000	400.000	25.000
9	Bắc Giang	12.828.800	4.233.500	2.565.500		1.668.000	8.595.300	1.924.300	5.388.100	1.282.900	
10	Phú Thọ	6.489.100	2.758.800	1.958.800		800.000	3.730.300	700.000	2.350.300	680.000	
11	Điện Biên	8.639.844	8.103.249	888.216	7.158.333	56.700	536.595	19.160	370.000	147.435	
12	Lai Châu	7.719.000	7.019.000	869.000	6.150.000		700.000	50.000	500.000	150.000	
13	Sơn La	48.100.000	16.010.000	11.000.400	3.459.600	1.550.000	32.090.000	8.500.000	22.000.000	1.590.000	
14	Hòa Bình	10.068.358	6.514.922	5.277.108		1.237.814	3.553.436	659.144	1.920.000	974.292	

Nguồn: Báo cáo XDNTM các tỉnh TDMN phía Bắc

PHỤ LỤC 10
Kết quả bố trí vốn NSDP giai đoạn 2010-2015 và dự kiến giai đoạn 2016 – 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tỉnh	NSDP giai đoạn 2010 - 2015	Dự kiến giai đoạn 2015-2020	
			Dự kiến địa phương	Đề xuất của BCĐTW
Tổng cộng		7.509.368	8.140.112	8.208.700
1	Hà Giang	167.220	181.231	200.000
2	Cao Bằng			50.000
3	Bắc Cạn	6.400	46.400	50.000
4	Tuyên Quang	76.437	402.067	402.000
5	Lào Cai	1.599.489	842.900	1.000.000
6	Yên Bái	1.100	5.000	50.000
7	Thái Nguyên	2.919.006	1.350.000	1.800.000
8	Lạng Sơn	151.811		200.000
9	Bắc Giang	1.343.481	1.668.000	1.660.000
10	Phú Thọ	700.126	800.000	800.000
11	Điện Biên	6.553	56.700	56.700
12	Lai Châu	63.980		100.000
13	Sơn La	472.665	1.550.000	600.000
14	Hòa Bình	1.100	1.237.814	1.240.000

Nguồn: Văn phòng điều phối NTMTW

PHỤ LỤC 11

Kế hoạch huy động vốn cho từng nội dung XDNTM tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2016 - 2020

TT	Nội dung công việc	Ghi chú
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, TỈNH HỖ TRỢ	
1	Xây dựng quy hoạch, đề án	Mức hỗ trợ 100%
2	Trụ sở UBND xã	Mức hỗ trợ tối đa 100%
3	Đường giao thông đến trung tâm xã; đường liên xã; đường liên thôn; đường trục thôn; đường trục chính nội đồng	Mức hỗ trợ tối đa 70%
4	Công trình thủy lợi đầu mối (hồ đập, trạm bơm); kênh mương cấp 3 trở lên	
5	Nhà văn hóa và khu thể thao trung tâm xã	
6	Công trình phục vụ chuẩn hóa giáo dục (trường học các cấp)	
7	Công trình phục vụ chuẩn hóa y tế	
8	Hệ thống công trình cung cấp điện sản xuất, sinh hoạt (trạm biến áp, đường dây 35KV trở lên, đường dây 0,4KV trục chính)	
9	Công trình cấp nước sinh hoạt cho khu dân cư, trường học, trạm y tế (đầu mối, đường ống chính)	
10	Công trình xử lý rác thải tập trung cấp xã	
11	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Mức hỗ trợ theo QĐ 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của TTg
12	Đào tạo cán bộ xã đạt chuẩn	Mức hỗ trợ 100%
13	Đào tạo kiến thức về XDNTM cho cán bộ xã, thôn, hợp tác xã	Mức hỗ trợ 100%
II	CÁC NỘI DUNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	
1	XD các điểm bưu điện văn hóa xã, điểm phục vụ bưu chính, viễn thông	
2	Đường giao thông nội thôn, đường nhánh nội đồng còn lại	
3	Công trình phụ trợ cấp nước cho trường học, trạm y tế	

4	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn	
5	Xây dựng chợ nông thôn	
6	Xóa nhà tạm, nhà dột nát	
7	Công trình tiêu thoát nước trong thôn, xóm	
8	Xây dựng các điểm thu gom rác thải tập trung	
9	Chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang cấp xã	
10	Công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp	
11	Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch	
12	Bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống	
13	Nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất (kinh tế hộ, tổ hợp tác, HTX, liên kết kinh tế)	
14	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	
15	Hàng năm giữ vững đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên;	
16	Các nội dung khác mà ngân sách cấp tỉnh không hỗ trợ nguồn lực	
III	CÁC NỘI DUNG HUY ĐỘNG NGƯỜI DÂN, CỘNG ĐỒNG	
	Tất cả các nội dung còn lại	

Nguồn: Trích từ Báo cáo XDNTM tỉnh Phú Thọ